THƯ VIỆN HÀ NỘI ĐC
TLVL449

TAO ĐÀN
SỐ ĐẶC - BIỆT

TẢN - ĐÀ

NGUYỄN KHẮC HIẾU

Đả : Nguyên Khắc Hiếu : báo Tao Đàn số đặc biệt . – H: Tân Dân, 1939.-
tr. : chân dung ; 20 cm
)KCB : VS 324

TAO ĐÀN

SỐ ĐẶC-BIỆT

TẢN-ĐÀ

NGUYỄN KHẮC HIẾU

TỦ SÁCH THĂNG LONG
VL | 449

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN-DÂN HANOI

1214

LÊ - VĂN - TRƯƠNG

ĐỨA CHÁU ĐỒNG BẠC

TIỂU - THUYẾT

216 trang 4 hào

NHỮNG TÁC PHẨM HAY

NHÀ XUẤT - BẢN TÂN - DÂN — HANOI

TAO ĐÀN

SỐ ĐẶC-BIỆT

TẢN-ĐÀ

NGUYỄN KHẮC HIẾU

Tôi rất mỏng manh và rất quý.
Bạn đọc tôi xin đừng mạnh tay.
Đừng viết vào các trang
giấy. Đừng làm rách và
nhất là đừng cắt những
tờ nào bạn thích. Vì tôi
còn phục vụ nhiều
bạn khác nữa.
Cảm ơn
Hẹn gặp
lại.

Số Tản-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu này mở đầu *NHỮNG SỐ ĐẶC-BIỆT* **của báo** *TAO ĐÀN*, **khuôn-khổ nhỏ, bìa đẹp, trông dễ yêu như một quyển sách vậy. Nên giữ cho đủ bộ** *(Xem trang 129)*

Bây giờ đây,
khi cái nắp quan tài đã đậy lại

Năm 1932, tôi ra Hanoi học. Một hôm đi qua phố hàng Da, tôi thấy có bảng treo mấy chữ : An-nam tạp-chí. Tôi thường được nghe người ta nói đến cái ông chủ-nhiệm dị-thường của tờ tạp-chí khác đời ấy.

Một tháng sau, một buổi sáng tôi xin vào « yết-kiến » nhà thi-sĩ mà bấy giờ tôi coi như là một vị sứ giời sai xuống, hay là bị đày xuống cõi trần-gian để làm một anh nhà nho ngông, một nhà thi-sĩ nghèo, một ông chủ báo phiêu-bạt, làm cái ông Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu, mà khắp trần-gian đều khét tiếng.

Tôi đến lần thứ nhất vào khoảng tám giờ sáng. Tên « tiểu-đồng » cho tôi biết rằng : ông chủ-nhiệm đương ngủ. Mười giờ tôi trở lại : tôi cũng không may-mắn gì hơn : nhà thi-sĩ vẫn chưa dậy. Mười-một giờ, tôi lại đến : nhà nho vẫn còn giấc. Tôi đành tự hẹn mình đến chiều. Hai giờ rưỡi tôi đến. Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu đã dậy và mới bắt đầu ngồi vào chiếu rượu. Một giờ sau, tôi trở lại, nghĩ rằng bữa cơm

của một kẻ « trần-gian » lâu lắm cũng đến một giờ là cùng.

Bốn giờ tôi bước vào, thì hình như tiên-sinh vừa hạ... đũa. Tôi có cảm-giác rằng tôi bấy giờ mới là kẻ sứ-giả của nhà Hán, đã vượt qúa sáu châu ba đảo mới tìm thấy người tinh của nhà Vua. Chốc nữa, Dương-quí-Phi, sẽ phất tay áo, bước ra nơi mái tây, để tiếp tôi.

Thật ra, nhà thi-sĩ có tiếng ngông ấy, có cái lịch-sự cái nhã-nhặn của một thiếu-nữ đài-các. Tiên-sinh tiếp tôi với cả sự xa vời, khách-sáo. Hình như, thi-nhân vẫn còn giữ cái vẻ cách-biệt của một tiên ông đối với kẻ phàm trần...

Tôi nói trước :

— Tôi xưa nay thường được đọc thơ văn của cụ, lấy làm thích lắm. Nhân đi qua đây vào hầu thăm cụ. Cụ có thể cho tôi biết ý cụ về vấn-đề Thơ mới mà ông Phan-Khôi vừa đề-xướng ở trong Phụ-nữ Tân-văn.

Nghe nói đến ông Phan, Tản-đà cho rằng cái việc của anh nhà nho chạy theo Tây-học ấy chỉ đáng coi như là một việc lập-dị mà thôi. Bây giờ tiên-sinh nói nhiều lắm về vấn-đề thơ nhưng đến nay tôi không nhớ được hết cả. Đại-để, tiên-sinh cho rằng: không phải đợi đến ông Phan-Khôi, người làm thơ mới nhận thấy cái sự quan-hệ của thi-thể. Xưa kia, người ta đã tăng phóng-túng, và để ý đặc-biệt đến cái hình-thức của nó.

Tôi nhớ tiên-sinh có đan-cử một cái ví-dụ như thế nầy :

— Thơ là như gạo và nhân... Cái thể thơ là như lá bọc ở ngoài. Bánh muốn ra hình gì cũng tùy ở cái khuôn lá bên ngoài. Nếu nó dài thì nó là cái bánh tét của các ông (tiên-sinh biết tôi là người đàng trong) và nếu nó vuông, nó là cái bánh chưng bốn góc của ngoài chúng tôi.

Cái thí-dụ — tuy rất đúng ấy — cũng không khỏi là một cái thí-dụ hết sức thô-sơ, không xứng với cái tâm-hồn cao-nhã, thanh-khiết của một thi-nhân có tiên-cốt. Những ai đã được gần nhà thi-nhân ấy, cũng phải nhận rằng : vị tiên-ông ấy khi « phàm trần » thì cũng biết « phàm trần » như bất-kỳ một kẻ nào ở trần giới...

Tôi thường nói rằng : Gặp Tản-đà một bận thì thật là một điều khoái-trá vô cùng, gặp ông ấy, lần thứ hai, thì vẫn còn là một cái vui-thích một cái vui thích đã bắt đầu gượng-gạo, và gặp đến lần thứ ba, thì là một điều khó chịu. Và lần thứ tư, thứ năm v.v. thì xin thú-thật là một... tai-nạn ». Câu ấy, nhiều người cho là đúng. Vì tiên-sinh trong sự sống vụn-vặt hằng ngày — là một kẻ trần-gian có nhiều ham-muốn lôi-thôi... bí-hiểm, khó mà làm cho thỏa được. Người ta thường bảo thi-nhân là một đứa bé hay vòi, và rất khó tính Câu ấy chứa một phần sự-thực. Tiên-sinh là một trong những hạng người ấy làm cho đời trở nên cầu-

kỳ, trở nên phiền-toái trong những cái sự phát-triển hằng ngày của nó, thường thường chỉ là trong một câu giao-thiệp, trong một bữa rượu. Tôi không nhớ ông nào đã kể cho tôi chuyện nầy. Một hôm, tiên-sinh tới ăn cơm ở nhà một người bạn chưa biết tính tiên-sinh lắm. Trong bữa cơm, thật có đủ món cao-lương, mỹ vị. Tiên-sinh nhìn vào mâm cơm một cách chẳng ưng-ý và nói :

— Ước gì được có một đĩa tiết canh vịt thì quý-hóa quá.

Người bạn của tiên-sinh tưởng đó là một câu nói không đáng lưu ý lắm. Nhưng tiên-sinh thì chỉ nhất định ngồi nhấm rượu suông, hết be nầy đến be khác mà không chịu nhúng đũa vào một đĩa nào cả. Người bạn đành phải sai người nhà đi lùng mua cho được tiết canh vịt để đãi chiều khách.

Bạn tôi, Trương-Tửu có lẽ căn cứ vào những chuyện gần như thế để tặng cho tiên-sinh chữ « Epicurien ». Có biết đâu rằng : cái sở-thích của tiên-sinh tựa hồ là phiền-phức nhưng mà thật là dễ-dàng, nhiều khi chỉ là mấy cộng rau sắng, hay một ít quả cà muối; cái sở-thích đó là một cái sở-thích rất An-nam của một người dân An-nam bình-thường.

Riêng kẻ văn-sinh nầy, cũng phải thú rằng : lần thứ nhất gặp tiên-sinh tuy có đôi chỗ thú-vị, nhưng đến lần thứ hai, thứ ba thì tự xét rằng mình không phải là người để chiều đãi tiên-sinh được nữa. Chỉ ngay trong

một việc nói chuyện, bất kỳ về một vấn-đề gì, tiên-sinh cũng chỉ cướp lấy hết cả lời mà nói, và không bao giờ chịu để nghe ai nói bao giờ. Một hôm, thấy các ông Nguyễn-Tuân và Lê-tràng-Kiều cứ rước tiên-sinh về mãi, tôi đã phải gọi một trong hai người ấy mà nói nhỏ rằng : « Làm sao lại cứ rước của nợ nầy về để làm khổ mình và khổ người khác ». Cái cử-chỉ non dại nầy, phát biểu trong một lúc không kịp nghĩ, và nay lại tự thú ra đây, cốt mong tiên-sinh lượng-xá cho vậy.

Thật ra, không phải chỉ trong một sự ăn hay trong một câu chuyện, ở đâu tiên-sinh cũng biết làm cho người đời khó chịu.

Người ta lại kể cho tôi một câu chuyện nữa về tiên-sinh :

Bấy giờ tiên-sinh vừa dọn về một tỉnh nọ. Mà đồng thời, một vị thủ-hiến, cũng vừa tới nhậm chức ở tỉnh ấy. Một ông quan to lại có lòng liên tài, nghe tiếng thi-nhân, ở trong tỉnh hạt, bèn cho người — hình như là một ông huyện — đến vời tiên-sinh vào để cùng được ngồi uống rượu với tiên-sinh. Nhưng tiên-sinh rất điềm-nhiên nói với viên sứ-giả :

— Tôi rất cám ơn cụ lớn, nhưng người làm ơn về nói với cụ lớn rằng : nếu như cụ lớn — một ông quan thủ-hiến muốn đòi tên dân Nguyễn-khắc-Hiếu lên tỉnh, xin có trát, tôi sẽ đi ngay. Chứ như nếu là quan thủ-hiến là một kẻ nhân đọc thơ văn của tôi mà có

bụng liên mến, thì, tôi xin mời cụ lớn phải đến đây, dầu chỉ là một túp nhà cỏ, để được cho tôi hầu rượu.

Thế rồi tiên-sinh nhất định không đi. Thật là người ta không thể — kiên-ngạo, và khó chịu hơn thế được.

Nhưng đến nay, tiên-sinh đã không còn ở giữa chúng ta nữa; và nắp quan-tài đã đậy lại, ta có nên tự hỏi một câu rằng: «Người như tiên-sinh có quyền được làm cho người đời phải khó chịu phải phiền-lụy như thế hay là hơn thế nữa, không?»

Tôi chắc những người đã được hầu một bữa rượu với tiên-sinh, đã được ngâm một câu thơ của tiên-sinh tất-nhiên là phải trả lời rằng: tiên-sinh có quyền như thế lắm. Nghìn muôn năm mới có được một «Lý-thái-Bạch». Trần-gian đã được ngâm những câu thơ «tinh nguyệt» của Lý, thì hãy phải chịu những sự điên cuồng của nhà đại-thi-sĩ.

Phải kể hàng mấy mươi năm, ta mới có được một người như Nguyễn-khắc-Hiếu, thì sự ngông cuồng của tiên-sinh ta cũng phải coi như là một cái vinh-dự và một cái nghĩa-vụ mà chịu lấy. Những chuyện ngộ-nghĩnh hay kỳ lạ mà người ta thường nhắc lại đó — có thể, đến nay là một sự vẻ-vang cho cái đời tiên-sinh và làm tăng thêm cái giá-trị của thơ: vì con

người Nguyễn-khắc-Hiếu chính là cái tác-phẩm tuyệt-xảo, một bài thơ hay nhất trong sự-nghiệp của Tản-Đà. Một người đã lưu lại cho ta một cái hương-hỏa quý báu ấy, tưởng có quyền trao cái tên mình lại cho hậu-thế — và cái đời của con người ấy tưởng cũng được sẽ truyền lại và được quốc-dân nhắc tới như một câu giai-thoại. Vì thế, chúng tôi, một bọn văn-sĩ được trực-tiếp thừa hưởng cái phần hương-hỏa ấy, đã nghĩ ra cái việc góp nhặt những « câu giai-thoại » về đời tiên-sinh mà cho ra tập báo nầy.

Đây là một vườn hoa nở từ đầu xuân. Chúng tôi đã thu tất cả hoa trong vườn mà góp thành bó hoa nầy. Những hoa ấy — cũng như mực sẽ phai, giấy sẽ nát, cũng như xương nhà thi-sĩ sẽ tan — những hoa ấy sẽ tàn trong một chiều thê-thảm. Nhưng cái hương của nó một khi đã thấm vào trong tâm-hồn người thế, sẽ đượm mãi, sống mãi ở trong tư-tưởng của người thế, khắp cả cái đám người ở rải-rác trên cái hậu-lai mờ mịt.

Một nhà văn Âu-tây đã thốt ra một câu rất chua-chát :

— Viết văn để lại hậu-thế ? Tôi tưởng đó chỉ có thể là một câu nói đùa.

Nhất là đối với Nguyễn-khắc-Hiếu, đối với nhà thi-sĩ mà đời chỉ là những mộng con và mộng bé, một

trò hí-lộng mà thôi, thì cái câu nói ấy lại càng vô-vị và vô-nghĩa đến đâu. Nhưng than ôi! đối với đời sống của tiên-sinh ta đã chẳng chu-đáo, mà cũng chẳng có quyền chu-đáo, thì sau cái chết của thi-sĩ, tôi tưởng, ta cũng chỉ làm đến thế và có quyền làm đến thế, làm được thế mà thôi Công việc ấy là gìn-giữ và truyền giao cái phần hương hỏa quí báu ấy lại cho con cháu. Việc ấy, chúng tôi mong rằng những người khác đủ tư-cách hơn sẽ làm hộ cho mình vậy.

LƯU-TRỌNG-LƯ

Sự thai nghén một thiên-tài

TẢN-ĐÀ NGUYỄN KHẮC-HIẾU

Khoa-học đã chứng-minh một định-luật : *con người là sản-vật của hoàn-cảnh*. Danh-từ cuối cùng này chỉ gồm tất cả những điều-kiện vật-chất và tinh-thần đã tạo-thành cá-tính một người, như : di-truyền, gia-đình, giáo-dục, tập quán, nghề-nghiệp, địa-vị xã-hội... Những con-số tiền-định ấy, theo luật biện-chứng, luôn luôn tác-động, phản-động giao-đối với nhau và tự-ý gây cho cá-nhân một ý-thức riêng biệt — một bản-ngã tâm-lý và luân-lý. Bản-ngã này là một khối năng-lực có xu-hướng tự-thực-hiện rất mãnh-liệt và đầy đủ. Từ địa-hạt vô hình, nó muốn chuyển sang cõi thực-tế. Nó cần phát-triển để xây dựng, xây dựng để tồn-tại, tồn-tại để bất-diệt. Trong công-việc này, nó được biểu-hiện thành kết-quả nhờ hai yếu-tố tinh-thần tiềm-tàng trong bồn-thể con người : cái *tài* và cái *tình*. Với những nguyên-liệu có sẵn trong hoàn-cảnh từng người, tài và tình kiến-thiết cho cá-nhân một cuộc đời, một sự-nghiệp. Giá-trị và ý-nghĩa một kiếp người hoàn-toàn tùy theo tính-chất và lực

sáng-tạo của tài-tình. Bởi lẽ đó, đời người là một tự-sáng-tác thường-trực ; mà con người là một nghệ-phẩm sống. Từ thuở nào đến thuở nay cũng như từ thuở nay đến thuở sau, bao giờ con người cũng đứng trong chu-vi hoàn-cảnh mình, tự mình làm ra đời mình bằng tài, tình chứa-chất trong mình. Cho nên cái sống, mãi mãi, là một giá-trị tuyệt-đối một hứng-thú tuyệt-đối. Và bổn-phận căn-bản của giống người là yêu cái sống, hưởng cái sống, phát-huy cái sống — sống cái sống.

* * *

Ở một người, sống cái sống tức là nỗ-lực phát-triển đến tận-lượng cái tài và cái tình sẵn có, theo sức hấp-dẫn của hoàn-cảnh. Nhưng thường, trong cái sống, con người ít khi đạt tới chót đỉnh của bản-ngã. Nói khácđi, ít người có thể phát-huy đầy đủ cái tài và cái tình của mình. Trong những cưỡng-tỏa của nhân-sinh, tài và tình thường bị ma chiết hoặc uốn cong theo một dục-vọng tầm thường nếu không sàn sàn mặt đất. Sống đến tinh-túy của tài-tình là một diễm-phúc hãn-hữu chỉ để dành riêng cho nhà nghệ-sĩ. Vượt khỏi những eo-sèo hèn thấp của trái tim, đứng trên những thắng-thúc hỗn-loạn của thế-sự, nghệ-sĩ chỉ chăm lo vun sới tài-tình, phát-triển tài-tình, hưởng-thụ tài-tình — sống một kiếp tài-tình. Ở nghệ-sĩ, cái tài và cái tình hợp-hóa thành một nguyên-thể vô cùng bền chắc.

Nguyên thể này vừa nhu vừa cương, vừa trong vừa đục, chính là cái nguồn sáng-tạo bất-diệt của nhà nghệ-sĩ. Nó là những cái thật tinh-nhuệ của khối óc hòa với những cái thật thâm-trầm của con tim. Nò là tinh-hoa của chất người. Nghệ-sĩ dùng nguyên thể linh-tú ấy sống say-sưa, sống ào-ạt cái bản-ngã của mình. Bao nhiêu tài-liệu nhân-sinh và thiên-nhiên có sẵn trong hoàn-cảnh, nghệ-sĩ đem nhào nặn thành một chất bột hiếm, rồi tạc nên những kỳ-công tuyệt-xảo của loài người.

Nhưng dù tự-do sinh-hoạt đến mực nào, cái tài và cái tình của nghệ-sĩ cũng phải đứng trong một vòng tròn khắc-nghiệt do hoàn-cảnh vạch ra. Ở nghệ-sĩ, thiên-tài chỉ là biểu-thị tuyệt-đối của hoàn-cảnh nghĩa là của nòi-giống, của giai-cấp. Định-luật này đã thành một chân-lý sơ-đẳng và đã được chứng-thực không sai-suyễn trên đường tiến-hóa của các văn-học loài người.

Hôm nay, tôi vui sướng đem giới-thiệu với các bạn một chứng-cớ việt-nam của định-luật ngàn năm ấy. Tôi muốn nói thi-sĩ Tản-Đà. Không ai chối cãi được rằng Tản-Đà là một thiên-tài. Ở một người mà kỹ-thuật sống và kỹ-thuật làm thơ được chau-dồi với một chú-ý tinh-tế ngang nhau, ít nhất cái tài và cái tình cũng được hóa hợp thành một nguyên thể không thường. Trong bài này, tôi chủ tâm phân tách nguyên thể ấy nghĩa là phân tách bản-ngã của thi-sĩ

Tản-Đà. Tôi chứng-thực mối liên-lạc của bản-ngã ấy và hoàn-cảnh, trong đó Tản-Đà thấy ánh sáng, sống và trưởng thành. Tóm lại tôi muốn giải thích sự thai nghén của thiên-tài Tản-Đà — cái thiên-tài thắc-mắc của một người mà công-việc đầu tiên trong đời là công-hiến cho loài người một *khối tình !*

*
* *

Thi-sĩ Tản-Đà sinh năm 1889 (Thành-Thái nguyên-niên), giữa lúc vận-mệnh của đất nước đang hồi nghiêng ngửa. Từ bắc đến nam, suốt trên giải đất này, phong-trào tranh-đấu dồi giải-phóng ầm-ầm lôi cuốn các tâm-hồn. Đề-Thám, Phan-đình-Phùng cùng với các văn-thân, sĩ-phu trong nước đồng-cảm một thù chung và đều dự-bị một buổi chiều vĩ-đại cho chủng-tộc. Than ôi ! buổi chiều thê-thảm này đã kết-liễu đau sót ở một chiến-địa hãi-hùng, nơi đó cùng với dàn con khẳng-khái, tổ-quốc việt-nam ngã gục trên mối hận. Non sông khoác một mầu tang. Bi-kịch, lúc hạ màn, thành yên-lặng. Xa xa trong mù khơi, con chim Việt đậu cành Ngô thỉnh-thoảng vọng về phương Nam vài tiếng kêu hằn-học...

Ngôi sao Tản-Đà, dù muốn hay không, cũng phải tắm trong bầu trời sầu-thảm ấy.

Cơn bão đi qua như một ác mộng. Đứng trước sự thực tàn-nhẫn, chủng-tộc việt-nam phải tự thích ứng với hoàn-cảnh. Mất bề tộng, sinh-lực của giống-nòi

phát-triển ở bề sâu và bề cao. Luồng gió duy-tân bỗng nổi, ào ào thổi vào các tâm-hồn. Phan Chu-Trinh dâng thư chính-phủ bảo-hộ đòi cải-cách. Nguyễn-Quyền và đồng-chí thành-lập Đông-kinh nghĩa-thục. Ở sau gò trán mỗi nho-sinh, kết thai một nghiệp lớn. Khí-tiết Y, Chu đốt nóng các linh-hồn tứ thư ngũ kinh. Đoàn Văn-Thân, đại-biểu ý-thức của giai-cấp quý-tộc, nhân-danh cả chủng-tộc, bước ra tranh-đấu, phất cao lá cờ duy-tân nhờ ngọn gió phù-tang bay phất-phới.

Một lần nữa, quyền kẻ mạnh thắng. Đoàn Văn-Thân tan-tác trong cuộc khủng-bố. Mộng duy-tân thiên-đô ra ngoài côn-đảo. Quần-chúng sợ-hãi, rụt-rè không tin ở đoàn sĩ-tử nữa. Giai-cấp quý-tộc đến lúc tàn không đủ lực đem thắng-lợi cho đại-biểu. Sứ mệnh lịch-sử bắt đầu thay trục...

Nhà nho Nguyễn Khắc-Hiếu, dù muốn hay không, cũng đã cảm-thông chung với đoàn-thể mình, cái bất-lực buồn-tẻ ấy. Sau khi thi trượt khoa Nhâm-tử (1912) tiên-sinh bắt đầu nhận thấy, cùng với thân-thế riêng, cái tàn-tạ của giai-cấp mình. Ở đáy linh-hồn trong-trẻo kia, đã mờ hiện *một sầu-não sớm sủa của sự già cỗi*. Tuy vậy, sức mạnh táo-bạo của tuổi trẻ đã nhất thời đánh ngã sầu-não ấy. Nó giục nho-sĩ Tản-Đà hành-động.

Vượt lên trên cái yếu-hèn của tình tuyệt-vọng, tiên-sinh trở lại với triết-lý thực-nghiệm của đạo nho. Cắt đứt mơ-mộng, tiên-sinh làm việc. Thời kỳ này, sự sống

của chủng-tộc đã khoác một hình-thức mới. Từ cách-mạng nó lùi về chính giới, từ chính giới nó lùi về xã-hội, từ xã-hội nó lùi về văn-hóa. Dưới quyền thống-trị của sức mạnh, nó cần phải hiền-lành.

Đông-dương tạp-chí ra đời báo hiệu cho đoàn-thể thượng-lưu trí-thức biết rằng hiện nay sức hoạt-động của dân-tộc chỉ còn được dứng trong vòng văn-hóa.

Nho-sĩ Tản-Đà liền cất bút lông vào hòm sách cũ và bắt đầu cầm bút sắt. Đối với đoàn-thể nho, câu *tiến vi quan đạt vi sư* bị xóa toẹt, từ sau năm Ất-mão. Tản-Đà tiên-sinh chẳng thể làm quan, không muốn làm thầy, liền mạnh-bạo bước vào một địa-hạt mới : làm văn. *Nôm-na phá nghiệp kiếm ăn xoàng !..*

Bao nhiêu thơ đã làm trong lúc ngẫu-hứng, tiên-sinh đem in thành sách, dưới nhan-đề : KHỐI-TÌNH CON. Mệnh-danh quyển thơ đầu tiên là khối tình con, tiên-sinh dụng ýnói thầm với mọi người rằng khối tình lớn đã thành thai. Cái tình lớn, tiên-sinh đem phả vào non sông, dùng vào sự-nghiệp. Trong Đông-dương tạp-chí, trong Nam-phong, người-ta bắt đầu thưởng-thức những bài luận-thuyết cỏn-con lý-thú, ngộ-nghĩnh của Tản-Đà. Diễn kịch ở Hà-nội, Hải-phòng, dịch Đài gương kinh, truyện... phải chăng đó là những phát-hiện xao-xuyến, trẻ-trung của một tài-tình chưa nhất-định ?

Hơn cả nghề quan, hơn cả nghề thầy, nghề văn đem lại cho người phụng-sự nó một danh-vọng to-tát

và rộng-rãi, Tản- Đà tiên-sinh nhận thấy mình có những người thanh-khí ở tận chân trời xa thẳm. Danh-vọng bắt-buộc. Mộng Y, Chu lại nổi dậy trong đầu óc nhà nho Nguyễn Khắc-Hiếu. Ngòi bút sắt đã có sức mạnh cảm-hóa được người, sao không dùng nó để cảnh-tỉnh xã-hội, gây lại hạnh-phúc cho những linh-hồn tan-nát và lầm-lỗi ?

Theo dấu xe cũ, nhà nho của chúng ta tự lĩnh nhiệm-vụ bài-trừ tà-đạo, triệt-căn tà-dục... bằng cách phát-huy nghĩa *thiên-lương*. Bắt chước thầy Mạnh, ở chỗ cần viết quyền-lợi, tiên-sinh viết thiên-lương (nhân-nghĩa). Tiên-sinh tin chắc-chắn rằng nếu thiên-lương con người được phát-triển theo đúng nhịp tự-nhiên thì trong xã-hội sẽ không còn khổ-ải. Cũng như Khổng-phu-tử tin quả-quyết rằng một chữ nhân, nếu thực-hiện xong, đủ biến trần-giới thành một thiên-đường cực-lạc.

Với hoài-bão hành đạo, Tản-Đà tiên-sinh bước ra làm báo. Tiên-sinh bắt đầu công-cuộc bằng tờ Hữu-Thanh (1922) và cất cao tiếng gọi đàn để cùng họa một bài ca hữu ái. Rồi chủ-trương An-nam tạp-chí (1926) đình-bản, tái-bản, đình-bản, tái-bản... đến năm 1933, tiên-sinh cho nó thuộc hẳn về quá-khứ. Dòng-dã mười năm lăn-lóc trong nghề báo để phát-huy thuyết thiên-lương, tiên-sinh đã hoàn-toàn thất-bại: Và mỗi lần thất-bại đầu tiên-sinh lại bạc thêm...

Cho tới ngày yên nghỉ dưới nấm đất vàng, tiên-sinh còn ôm mộng thiên-lương vào cát bụi !

* * *

Vì lẽ gì, Tản-Đà tiên-sinh thất-bại trong công-cuộc hành-đạo ? Có người nói tại tiên-sinh là thi-sĩ, không quen nghiệp doanh-thương ? Câu phán-đoán cũng có một phần chân-lý nhưng không đúng cả mười phần. Chủ-trương báo-chí, đã có bao nhiêu người thất-bại như tiên-sinh. Mà những người ấy phải đâu là thi-sĩ ?

Theo chỗ nghiên-cứu của tôi, sự thất-bại của tiên-sinh có nhiều căn-nguyên sâu-xa hơn. Hai căn-nguyên chính là *tính-thần lập đức* và *tính-chất hành-đạo* của tiên-sinh. Cả hai đều bắt nguồn trong di-truyền và trong cái giáo-dục nho-phong mà tiên-sinh đã thụ-hưởng từ thuở lọt lòng.

Vốn dòng nho-gia, tiên-sinh đặt công-việc *lập-đức* lên trên tất cả hành-động của con người. Một nhà nho không có quyền khuất-phục, xu-nịnh, cầu xin ân-huệ. Dù nghèo-nàn, dù khổ-sở đến đâu, nhà nho cũng phải giữ phẩm-giá mình cho cao-thượng, không được luồn-lụy để cầu vinh-hiển. Đối với nhà nho, sự-nghiệp quý nhất của một người không phải là sự-nghiệp chính-trị xã-hội hay văn-chương, mà chỉ là *một sự-nghiệp luân-lý*. Giá-trị độc nhất của kiếp người cũng chỉ là một giá-trị luân-lý. Khổng-tử có thể đói khát, không thể bỏ chữ nhân ; Mạnh-tử có thể cùng-khốn, không thể

xu thời dua nịnh tà đạo. Phan Đình-Phùng, Phan Thanh-Giản. Phan Chu-Trinh... có thể mất đầu, tự sát, chịu tù-tội, không thể hàng-phục, bỏ tiết-tháo và trung-trực. Thuộc dòng-dõi các nhà nho chân-chính ấy, Tản-Đà tiên-sinh có thể ăn cơm hầm uống nước lã chứ không thể bỏ được *tự-do của tâm-hồn* (*1*). Tuy danh-từ có khác mà tự-do của Tản-Đà cũng đồng chất với chữ nhân của Khổng Khưu. Tiên-sinh sống trong thanh-bạch, chết trong thanh-bạch. Đời tiên-sinh là một tấm gương về luân-lý — cái luân-lý tu-đức hà khắc của đạo nho. Xét về đức-hạnh, tiên-sinh được quyền đứng trong linh-tự thất-thập-nhị hiền mà không hổ-thẹn.

* * *

Ngờ đâu chính cái giá-trị luân-lý của tiên-sinh đã là một sức cản-trở lớn cho công-việc hành-đạo. Ở những trường-hợp mà người khác uốn lý-tưởng theo thời-thượng, tiên-sinh càng nâng cao lá cờ nho không nhơ bợn. Trong lúc người đời ưa giải-trí, đua danh-lợi, xô nhau đến tội-lỗi, tiên-sinh dùng ngòi bút triết-nhân trình-bày một liều thuốc đắng. Bởi vậy, tiên-sinh, chẳng những đã không được ai nghe, lại còn mua chuốc lấy lời riễu-cợt của phường thế-tục. Rút cuộc, mảnh dư-đồ chưa vá được mảy-may, con thuyền An-

(*1*) Xem bài thơ thuật câu chuyện đối-đáp của vợ chồng người bán than (Tản-Đà thi-tập).

nam đã gãy chèo thủng đáy. Bao nhiêu công-lao của nhà nho rơi vào trống-rỗng, không để lại một tiếng vang nào. Tinh-thần lập-đức của nho-giáo đã gạt tiên-sinh vào hàng quân chiến-bại trên mặt trận xã-hội, bởi nó bị dùng vào một việc hoàn-toàn vô hiệu quả — việc giảng thuyết thiên-lương. Ở điểm này, Tản-Đà tiên-sinh đã tỏ ra mình hoàn-toàn duy-tâm. Bởi duy-tâm nên tiên-sinh không nhận thấy rằng xã-hội sở-dĩ điêu-tàn, người đời sở-dĩ gian-ác khổ-sở chính vì các tổ-chức chính-trị, kinh-tế đương thông-dụng toàn-thị xây trên luật người bóc lột người. Chế-độ bất-công này còn thì không bao giờ có thể dứt bỏ được nghèo-đói, đau-khổ, tội-lỗi. Còn nó nó thì đừng nói một Tản-Đà đến nghìn vạn Tản-Đà cũng không phát-huy được thuyết thiên-lương để có thể đổi lại cả cục-diện xã-hội và nhân-loại. Bởi không nhận thấy sự thực sơ-đẳng ấy nên tiên-sinh thành-thực tin ở sức giáo-hóa của thiên-lương rồi cặm-cụi chạy theo một ảo-tưởng như con dạ tràng xe cát.

Xem vậy, hoài-bão hành đạo của nhà nho Nguyễn Khắc-Hiếu, vì thiếu căn-cứ trong thực-tế, trở-thành vô hiệu quả một cách buồn-thảm. Đời Tản-Đà có một giá-trị luân-lý hơn là một giá-trị xã-hội. Tiên-sinh có thể tự an-ủi bằng lẽ đó, nhưng đoàn-thể nho-sĩ không thể tự hào được với cái chênh-lệch bi-đát ấy. Thí-nghiệm của Tản-Đà tiên-sinh chứng rằng khi đã lầm về lý-thuyết thì lẽ tất-nhiên phải thất-bại về hành-động,

người trong cuộc đem ứng-dụng vào công-việc tất cả sức nặng của đức-hạnh mình.

Tóm lại, Tản-Đà tiên-sinh thất-bại mấy phen chỉ vì muốn giữ toàn vẹn cốt-cách quân-tử của nhà nho và muốn thực-hành cái triết-lý duy-tâm của đạo Nho. Cái sở-ước thứ hai mâu-thuẫn với cái sở-định thứ nhất. Và cả hai đều mâu-thuẫn với hiện-trạng xã-hội.

* * *

Nhờ những mâu-thuẫn đó mà chúng ta được một thi-nhân. Có người bảo Tản Đà tiên-sinh thành thi-sĩ vì thất-bại trong đời. Theo ý tôi tiên-sinh chỉ là thi-sĩ giữa hai thất-bại. Và thơ của tiên-sinh cũng vì thế mà như « *con sông Thương, nước chảy đôi dòng* ». Thơ Tản Đà luôn luôn có hai mầu sắc, hai ý-vị đi nối-tiếp nhau : bi-quan và lạc-quan. Hai thứ đó đi theo nhau liên-miên, khi cái trước cái sau, khi hòa cùng một nhịp, ban cho thơ Tản Đà một phong-thể kỳ diệu và một hương-thơm phức-tạp. Bạo nhiêu lạc-quan, hăng hái, khí tiết hiện dưới bút thơ Tản Đà lúc nào tiên-sinh sửa-soạn hành-động. Lúc đó, ta được thấy, qua những thơ của tiên-sinh, một Tản Đà yêu đời, cương quyết, không bao giờ chán-nản, không sức gì cản được. Lúc hăng-động thì tiên-sinh quên mất nàng thơ. Đến khi thất-bại, tiên-sinh mới lại réo-rắt cung đàn. Nhưng lần này tiếng đàn toàn một điệu buồn bã, tức-bực, ủ-ê, chán-nản, bi-quan. Một Tản Đà yếm thế hiện lên

ở mỗi âm-ba, ở mỗi phím đờn. Cùng với tháng ngày, tình trạng đời tiên-sinh đổi, tâm-trạng tiên-sinh cũng đổi. Gặp một hoàn-cảnh thuận-tiện, tiên-sinh lại hăm-hở sửa soạn ra hành-động. Lúc này, lạc-quan lại hồi-sinh trong tâm hồn nghĩa là trong thơ Tản Đà. Ta lại được nghe những vần điệu lạc-quan rắn-rỏi... Rồi đến khi thất bại nữa... Và cứ thế...

Hiểu như vậy ta mới không ngơ-ngác khi được nghe, ở cùng một cây đàn, hai điệu khác hẳn nhau. Từ lời than vãn :

Cõi đời chán lắm chị Hằng ơi !
Trần thế em nay chán nữa rồi...

đến lời khí khái :

Bạc đánh còn tiền thua cóc sợ
Đời chưa đáng chán chị em ơi !

tất cả Tản Đà thi-sĩ đã diễn qua thời gian, trong cái khung tình-cảm có hai chiều...

Thơ Tản Đà chỉ là một công việc tự suy-tưởng, tự đàm-luận, tự-kích thích của nhà nho Nguyễn Khắc-Hiếu. Bây giờ, hẳn ta đã rõ vì sao Tản Đà chỉ nói đến mình trong thi ca. Đối với tiên-sinh, thơ là một sức mạnh luân-lý, một cái gương để mình soi bóng mình, ở những cảnh-ngộ đảo-điên của số-kiếp. Tinh-thần lãng mạn của tiên-sinh chính nhờ cốt-cách luân-lý ấy mà tránh được hai chứng-bệnh : ủy-mị và trụy lạc. Ta có thể bảo thơ Tản Đà buồn-thảm. Ta không được quyền

bảo nó ủy-mị. Cái buồn-thảm của thơ Tản-Đà — xét về toàn-thể — là cái buồn-thảm của một tàn-tạ còn hấp-hối. Tiên-sinh là một phần-tử của giai-cấp quý-tộc ở thời-kỳ sắp trục đổ. Một giai cấp sắp đi hết thời lịch-sử có ý-nghĩa không phải ở sức phản-động lỗi-thời của nó mà chính ở cái bi-kịch đựng trong mệnh-vận hấp-hối của nó. Mệnh-vận của giai-cấp quý-tộc Việt-nam, lúc sắp biến thành cát bụi, đòi-hỏi một thi-sĩ — thi-sĩ của nó. Nó đã tìm thấy thi-sĩ quý-báu ấy ở Tản-Đà. Thơ Tản Đà là tiếng than cuối cùng, não-nuột và ngông-cuồng, của giai-cấp quý-tộc, sầu tiếng cười vô-năng-lực của giai-cấp ấy (Tú Sương)

* * *

Bên lề cái sứ mệnh tiền định này, Tản-Đà tiên-sinh còn tìm được nhiều hứng-thú khác để chất đầy kiếp phù-du. Những hứng thú ấy, tiên-sinh tìm ở rượu, ở bè bạn, ở du-lịch, ở ẩn-dật. Nhưng cái hứng-thú nồng-nàn nhất của tiên-sinh là rượu. Uống rượu cho vợi cơn sầu, uống rượu cho quên thực-tế, uống rượu cho ly-bì túy-lúy — nhưng uống cho có tổ-chức và mỹ-thuật, đó là trò chơi đậm-vị nhất của đời Tản-Đà. Ở điểm này nữa, tiên-sinh đã hưởng-thụ cái bóng-váng mập-mờ của di-truyền, của nho-giáo. Tự bao nhiêu lâu, nhà nho vẫn giữ được cốt cách quý tộc trong các trò

chơi mà uống rượu là một. Cái tính khảnh, đài các, khó chiều tuy giản-dị của nhà nho, trên chiếu rượu, đã thành tục-ngữ. Nhà nho, người nào cũng có ít nhiều bản chất hiếu lạc. Hiếu lạc không phải là tìm thật nhiều thú vui mà là biết vui-thú có tổ-chức có mỹ-thuật. Nhà nho hưởng thú vui của trần-ai như hưởng một ấm trà. Không phải uống lấy nhiều mà uống cho hợp cách, lịch-sự và tiên-cốt, Uống để hưởng cho tận độ cái vị thơm-tho của ấm trà.

Hành lạc, ở nhà nho, thành một nghệ-thuật, hơn nữa một nguyên-tắc sinh-hoạt. Cách đây một trăm năm, nhà nho Nguyễn Công-Trứ đã viết :

Nhân sinh bất hành lạc
Thiên tuế diệc vi thương.
. . . . . .
Gác thảy thảy là cầm, là kỳ, là tửu, là thi
Rất đỗi y quần chi hạ
Bất tri hữu thử trần mỹ giả
Ôi giời đất ! người đâu người thế
Mấy trăm năm là mấy trăm năm
Khiến cho lạc-giả thương tâm (1)

(1) Trong bài Đánh thức người đời, ở quyển Nguyễn Công-Trứ, soạn-giả Lê-Thước, trang 113.

Mấy câu thơ này có thể ký : Tản Đà. Tác giả bài « còn chơi », ngoài công việc hành đạo, ngoài công việc làm thơ, chỉ còn thấy lẽ sống ở vò rượu. Và cũng như trăm ngàn nhà nho thi-sĩ khác, tiên-sinh đeo lủng-lẳng bên mình bầu rượu, túi thơ.

Rượu thơ mình lại với mình
Khi vui quên cả cái hình phù du
Trăm năm thơ túi rượu vò
Nghìn năm thi-sĩ tửu đồ là ai ?

Than-thở bằng lời thơ, hành-lạc bằng chén rượu, tiên-sinh đã quên bẵng sự-nghiệp hành đạo, sau mấy hồi thất bại. Năm 1935 trong sách Tản Đà xuân sắc, người ta đã nhặt được hai câu :

Công danh sự-nghiệp mặc đời
Bên thời be rượu, bên thời bài thơ

Hai câu này đóng kín cái đời nho và cái đời thơ của tiên-sinh. Sau lời than ấy, tiên-sinh sống nốt những ngày tàn, bận-bịu với các nhu cầu cấp-bách của đời thực tại. Cho đến ngày 7-5 mới đây, tiên-sinh thoát ly kiếp phù-du để tan thấm vào hư-vô cực-lạc.

* * *

Than ôi ! thi-sĩ Tản Đà không còn nữa ! Thơ biến thành cát bụi. Cờ tang đã rủ buông trên đô-thành văn

học việt-nam. Trước linh-cữu đầy hoa của thi-sĩ, bao nhiêu tâm-hồn thanh-khí đã hòa trong một thương-tiếc không bờ bến, không điều-kiện. Văn-chương lãng-mạn mất một người đàn anh lỗi-lạc, thi ca mất một bực thầy, non nước mất một người tri-kỷ. Và tất cả chúng ta mất một người bạn tài-tình ! Trên mảnh giấy này, tôi xin nghiêng mình kính viếng linh-hồn tinh-khiết của thi nhân và chia buồn với những người còn ở lại...

TRƯƠNG-TỬU

Chén rượu vĩnh-biệt

Cữ thượng-tuần tháng tư năm nay, tôi có chút việc phải về làng Mọc. Tôi nghĩ ngay đến việc ghé thăm ông Tản-Đà. Từ chỗ ông ở đến làng Mọc tôi, cách nhau độ năm trăm thước. Sẵn có hó dóm diêm gỗ bồ-đề, tôi gói đi. gọi là làm chút quà cho ông bạn già vốn đặt cái thú hút thuốc lào ngang với cái thú uống rượu. Con người ta chơi với nhau, đã mến được nhau, đã kính nhau, thường hay có những cái tí-mỉ như thế. Cái thanh dóm dùng để châm thuốc lào, ở người khác tôi không hiểu nó như thế nào, nhưng giữa ông Tản-Đà và tôi, thanh dóm đã là một cái gạch liên-lạc nối một trẻ vào một già.

Lần đầu tiên tôi giáp mặt ông Tản-Đà là ở tòa-soạn Annam Tạp-chí phố hàng Da. Đâu năm 1932 gì đó, sau cái hồi rời bỏ phố hàng Khoai, lúc ông Hiếu còn cộng-sự với ông Cử Ngô Thúc-Địch. Sau bài thơ trường-thiên tôi gửi đăng ở Annam Tạp-chí lấy tên là *Tương-tư-hành* Vũ Lang đưa tôi lại giới-thiệu cùng ông Tản-Đà. Tôi còn nhớ buổi đầu đó, chúng tôi nói rất nhiều về bản dịch bài Tỳ-Bà của Bạch Cư-Dị,, mà nhiều người đều gán cho Nguyễn Công-Trứ và một số người nữa thì bảo là của ông Đỗ Phủ-Lang (?). Những đoạn nhắc đến chữ dịch hay quá, hay đến nỗi hóa được cả chữ ở nguyên-văn, như chữ *tàm* (biệt thời mang, mang giang tầm nguyệt) mà dịch là *đầm* (nước mênh-mông-đầm về trăng trong) chẳng hạn, ông Tản-Đà hút một điếu

thuốc lào, tôi cũng hút một điếu thuốc lào. Chúng tôi thông điếu lẫn cho nhau và người hút thuốc thường giữ một thanh đóm lửa vẫn cháy để chờ người sau kịp dịt một mồi thuốc thứ hai vào nõ điếu. Lẽ cố-nhiên, tôi thông điếu và giữ thanh đóm cháy nhiều hơn ông Tản-Đà. Tôi rất vui-vẻ giữ cái địa đàn em như thế có đến nửa giờ đồng-hồ vì hai cớ : cớ thứ nhất là trước mặt tôi, tôi có cả một cái tài-hoa già-dặn của thời-đại ; cớ thứ nhì là ông Tản-Đà cao hơn tôi những hai chục tuổi đầu. Lúc đứng dậy xin cáo, ông Tản-Đà, tay sẵn thanh đóm còn cháy dở, nèo tôi hút một điếu thuốc-lào nữa và cười khà-khà :

— Ngon nhất là cái điếu thuốc-lào hút thế nào cho được nhất-khí.

Thấy bao diêm của tôi đã vợi hết ruột, ông sẻ cho mấy chục que ở cái bao dầy của ông.

— Ngài cầm ít que dùng tạm. Bên đây quá bên vợi quá. Tôi lĩnh mươi cái que đóm diêm-sinh, cảm-tình vô-hạn. Cái buổi đầu gặp ông Tản-Đà, buổi đó để lại cho tôi nhiều thiện-cảm. Nhớ đến cái tàn lửa đóm của ngày cũ năm 1935, hồi ông Tản-Đà thất-thế lùi về Khê-Thượng, tôi có gửi lên cho diêm-sinh một bó đóm diêm gỗ bồ-đề. Có người bạn quen, bắt gặp tôi ra nhà Giây-Thép. gửi cái bưu-kiện đóm diêm lên tận tỉnh Đoài cho thi-nhân, người đó đã đùa nhả một câu :

— Anh định diễn lại cái kịch rau sắng Chùa-Hương, có phải thế không ?

Bó đóm đi không bao lâu thì ông Tản-Đà gửi lại một bài thơ lục-bát trong đó có hai câu :

« . . . . . .
« *Tay cầm bó đóm con con,*
« *Nhớ người xa nước xo non như gần*
« . . . . . .

Đã có bao nhiêu đêm đông lạnh, tôi ngồi xổm khoác mảnh chăn bông lên bả vai, châm một thanh dóm, và nhớ đến người xa xa, tôi cất tiếng ngâm một bài « Thề Non Nước », giữa một vùng khói thuốc-lào dầy đặc như màn đất núi.

Mãi đến dạo năm ngoái, tôi mới có dịp gần ông Tản-Đà luôn-luôn. Mỗi dịp gần nhau lại là một dịp để say-sưa, để hút thuốc-lào với thanh dóm cũ để nói chuyện dịch Liêu-Trai, dịch Đường-Thi và phê-bình về người và việc trong Đông-Chu Liệt-Quốc.

Biết là dóm đã hết, cứ này về làng Mọc, tiện đường qua nhà ông Tản-Đà ở Cầu-Mới, tôi đem về biếu một bó dóm nữa.

Bấy giờ vào quãng chín giờ sớm. Ông Tản-Đà đang uống nước trà, thấy tôi vào đã vội cười với một câu : « Cố-nhân lại ! ». Cái mừng-rỡ này xiết bao thành-thực. Đúng như vậy, đã mấy hôm nay tôi, ông Tản-Đà đang khát gặp người nói chuyện. Những ban năng lui tới, thường đã rỗ ông Tản-Đà vì sao phải dời xóm Bạch-Mai chạy về vùng Ngã-Tư Sở. Mở ngôi hàng xem số Tử-Vi Hà-Lạc, không có khách ! Mở lớp Quốc-Văn hàm-thụ và lớp Hán-Văn diễn-giảng cũng lại không có học-trò nốt. Rút cùng đến thiếu tiền nhà, chủ nhà đuổi người thuê nhà và giữ lấy đồ-đạc. Chỉ tay vào chồng sách cũ xếp trên cái ghế mọt đài, chỉ tay vào hai chiếc ghế mây đã gần thành bầy chân choãi, ông Tản-Đà vẫn còn hài-hước :

— Nhiều lắm mà làm gì. Hai chiếc ghế cũng đủ chán. Chủ ngồi một chiếc, khách ngồi một chiếc.

Tôi bâng-khuâng. Tôi cố tìm trong đầu tôi, lục lại trong cái mớ truyện Đông Tây Cổ Kim, để tìm lấy tên một thi-sĩ giàu-có. Thì ra, cái nghèo của thi-nhân đã là một nghiệp-dĩ. Sự

giàu-sang, người ta chỉ thấy ở một kẻ làm báo, ở một nhà viết tiểu-thuyết. Có bao giờ, có mấy khi, một thi-nhân được nằm lên đống vàng mười. Tôi muốn bỏ đi ngay, để được phơi những ý-nghĩ đen ngòm này ra một chỗ thoáng.

Ông Tản-Đà giữ tôi lại.

— Này, đi đâu? Lâu lắm không uống với nhau chén nào cả. Ở đây rồi ta tiêu-sầm.

Rồi ông chỉ cái thẩu rượu có ngâm đôi ba con cáp-giới còn nguyên-hình :

— Của một ông bạn ngoài Quảng-yên làm quà cho. Để đợi hôm nào khỏe, chúng ta sẽ dùng hết. Cái giống này tráng dương lắm. Lai ơi!

Lai là tên một người đầy-tớ hầu cận thi-nhân. Hắn cũng người Khê-Thượng, theo ông từ ngày ông lùi về quê vùng Bất-Bạt. Trước kia hắn là một tên nông-phu thất-học, nhưng từ ngày ở với ông Tản-Đà, hắn đã biết đọc, biết viết và nhiều khi ngồi bên bếp lửa thăm đồm một bát canh, một niêu cơm, hắn còn ngâm-nga (!) nữa. Đã từ bốn năm năm nay, mọi việc chuyên trà, xào nấu món ăn và những lúc đêm hôm phải cầm cái hũ đi lấy rượu từ đầu làng đến cuối làng những lúc có khách, nhất nhất mọi việc đều qua tay Lai cả. Nếu ông Tản-Đà ở lùi vào thời trước, thì nhất-định Lai phải đề hai trái đào như một tên hề-đồng ngày ngày đeo một cái lẵng hoa quả theo thầy lên núi lau một cái sườn đá cho thầy đề mấy vần thơ. Là một gia-đình chiều cho được ông Tản-Đà, tôi tưởng cũng chỉ có một mình Lai thôi. Lai lúc nào cũng vui-vẻ đứng hầu rượu. Với những phong-tục rất êm-đềm ấy ở trong một khung cảnh rất thanh-bạch ấy, hai thầy trò ông Tản-Đà đã gần như chọn nhầm thế-kỷ.

Lai đã bưng siêu nước ra, đứng vòng tay chờ ông Tản-Đà sai bảo.

— Này Lai, con chạy ra đầu phố xem có cái gì mua về uống rượu. Con tùy-tiện lấy.

Nghe mà thấy đài quá ! Nghe mà thấy sang quá ! Ai dám bảo ông Tản-Đà là luôn luôn túng-quẫn. Tôi tủm-tỉm cười.

Lai ở chợ đã về và đã nhanh-nhẩu bầy lên bàn những món tửu-hào. Trên mặt cái bàn gỗ mộc tròn vốn dùng luôn làm bàn giấy (1) — những lúc dịch thơ Đường bán cho báo Ngày-Nay, những lúc dịch Liêu-Trai bán cho nhà Tân-Dân, những lúc chấm số Hà-Lạc bán cho khách bốn phương trời — trên cái bàn gỗ mộc, Lai đã đặt lên đấy một cái hỏa-lò than hồng. Một đĩa bún Thanh-trì trắng phau điểm vài ngọn rau húng Láng xanh ngắt. Và mươi gắp chả thịt lợn ba-giọi có bóp điều mẻ. Cái « tác-phẩm » sinh-sắn, gọn-gàng này là của Lai.

Khói mỡ bay đầy phòng.

Ngoài đường nắng trang-trang.

Gió nồm quạt lửa hạ vào nhà.

Lai cũng phành-phạch quạt nan, quạt lửa than hồng vào người chúng tôi. Rượu nặng phân bắt đầu ngấm, bốc mãi nhiệt-độ trong người. Nếu không yêu và kính chủ-nhân, thì có mà phải tội, mới ngồi hầu một bữa rượu chín được người như thế này. Cũng như bao giờ ông Tản-Đà là người nói nhiều nhất trong những lúc cử-tửu. Giữa cái nóng-nực của bữa rượu trời hè, tôi, mồ-hôi chảy ròng-ròng, ngồi nghe ông Tản-Đà luận-bàn về người trong thanh-sử. Nói xong cái tâm-trạng Khổng-Minh lục xuất Kỳ-Sơn, ông quay sang cái cảnh Phạm-Lãi chu-du Ngũ-hồ. Rồi ông chê người Đại-phu Văn-Chủng, rút những câu trong sách cũ về đoạn ấy : « Cao điểu tận, lương-cung tàn ; giảo-thỏ tử, tẩu-cẩu phanh ; địch-quốc phá, mưu-thần vong... ».

— Con người ta ở đời, có hai thái-độ đáng quý: một là làm thánh-hiền, hai là làm hào-kiệt. Nhưng đem so-sánh thì làm hào-kiệt vẫn sướng hơn. Cái cuộc đời ấy mới là ồ-ạt.

Rồi không cần câu chuyện, ông Tản-Đà đổi sang một câu chuyện khác.

— Nội trong loài cá, chỉ có con diếc là sạch nhất. Và khó câu nhất. Giống nó chỉ hay ở chỗ nước trong và ăn toàn bọt nước. Thả cái mồi gì nó cũng chê cả. Định lấy một cái mồi thơm mà dử nó như là người ta thường dử một con rô hay một con chuối, thực cái anh đi câu đã làm một việc tối vụng-về.

Tôi liên-tưởng, mang-máng nhớ tới câu tản-văn của tiên-sinh viết trong cuốn *Giấc mộng con* : « Có người, cho cái áo vải thì chê, đợi cho đến cái áo gấm mới mặc... » Vừa ăn, vừa triết-lý, vậy mà mặt trời đã đứng bóng. Nhìn đồng-hồ, ông Tản-Đà nói :

— Đến một giờ, tôi phải ra ga. Hôm nay Nguyễn Tiến-Lãng ở Huế về. Trước khi theo Hoàng-hậu đi Tây, hắn muốn về qua nhà, để bàn tính cùng ông Cụ Huyện cho nó xong cái việc vợ con đi. Tôi muốn gặp mặt Lãng vì có tí chuyện.

Thế rồi ông Tản-Đà đưa tôi xem một lá thư. Lá thư của ông Nguyễn Tiến-Lãng gửi về giục ông Tản-Đà gửi sách (?) vào để ông tâu với vua Bảo-Đại trợ-cấp cho một số tiền năm trăm đồng.

Tôi cũng biết thế vậy. Tôi lặng-lẽ trao lại lá thư cho ông Tản-Đà. Vẫn lặng-lẽ, tôi nhấp một chén rượu. Rượu lúc này sao cay, sao đắng lạ. — Ông Tản-Đà sắp được Triều-Đình Huế ban cho năm trăm đồng ! » Thi-sĩ lúc túng, còn gì bằng. Nhưng có phải lần này ông Tản-Đà mới được cầm

một số tiền to đâu. Từ năm xửa năm xưa, có người hiệp-khách ở Nam-kỳ đã biếu ông Tản-Đà một số tiền lớn hơn thế. Những nghìn đồng. Người hiệp-khách có bụng liên-tài ấy đã biếu không số tiền đó và trái lại, không có đòi hỏi ông Tản-Đà một điều-kiện gì cả. Với số tiền ấy, thi-nhân đã làm những gì ? Thi-nhân đã uống thêm được mươi vò rượu Bố-đào, dùng thêm được mấy mươi thạp trà tầu, và du-lịch thêm được ít vùng nữa với sự thừa-thãi hàng mấy tháng ròng. Giở lại tập-thơ làm vào thời-kỳ ấy, ta đã thấy nhẹ hẳn phần tiêu-sắt và có nhiều người đã không lấy làm thích lắm vì, đọc lên, nó không đã làm cho người ta lạnh và rùng mình như cái *khối tình* thuở xa-xôi. Số bạc ngàn lúc trước dùng cũng được có thế thì bây giờ nếu có thêm được nửa cái số trước nữa, đã chắc hơn gì chưa ? Mà rồi từ giờ trở đi, người ta sẽ đưa thi-nhân của chúng ta vào cái thế-giới nào đây ? Tôi tin rằng từ nay trở đi, cái đời văn-chương của một thi-nhân sẽ bước sang một giai-đoạn khác. Tôi ngờ rằng, với một số tiền trợ-cấp kia, ông Tản-Đà sẽ không giả tay để hạ những vần rất sái và tác-phẩm sau này sẽ nhan-nhản những câu thơ rất có « hậu ». Sao lại không như thế được ?

Cái buồn của tôi vẫn không vợi, khi ông Tản-Đà đọc lại mấy câu lục-bát rất hay làm từ những bao giờ.

« *Cho vơi hũ rượu, cho đầy túi thơ.*
« *Trăm năm thơ túi, rượu vò,*
« *Nghìn năm thi-sĩ, tửu-đồ là ai.* »

San-sẻ cho tôi một gắp chả sốt, ông Tản-Đà nói đến kế sinh-nhai :

— Tôi có lên trên báo Ngày-Nay, nói chuyện cùng Trần-Giu để lại dịch thơ Đường. Nhưng ông ta có bảo công-việc ấy bây giờ giao cả cho ông Thạch-Lam.

Chuyến tầu điện Hà-đông đã nổi hiệu chuông ra gần tới Ngã-Tư Sở. Tôi lặng-lẽ cầm tay ông Tản-Đà, hẹn một ngày khác rất gần đây, sẽ xin trở lại.

Cái ngày khác rất gần đấy mà tôi trở lại căn nhà 71, Ngã-Tư Sở, là ngày hai mươi tháng tư, tây-lịch là ngày 7 Juin 1939. Tôi trở lại để không bao giờ gặp lại ông Tản-Đà nữa. Tôi, một kẻ ở, đến để ngắm chủ-nhân đã là một người về. Lúc bấy giờ quá giờ ngọ.

Sớm nay (7/6) ở Thư-Viện ra, Vũ Bằng rủ tôi đi uống một cốc rượu mạnh. Giọc đường phố hàng Bông, người trường-nam ông Nguyễn Khắc-Hiếu mếu-máo tin cho tôi biết rằng ông già cậu vừa mất. Thế là từ phút này, làng rượu đất Bắc mất một tửu-đồ và tao-đàn mất một vị nguyên-soái. Và cái bữa rượu bún chả tôi uống hôm đầu tháng ở Cầu-Mới với ông Tản-Đà là bữa rượu vĩnh-biệt một thi-nhân mà từ bây giờ chúng ta có quyền gọi sách-mé là Tản-Đà, là Nguyễn Khắc-Hiếu không cần chữ đệm.

Ngồi ở một tửu-điếm Bờ-Hồ, tôi vừa quấy cốc rượu Berger cho nổi bọt lên, tôi vừa nghĩ đến một câu mà ông Tản-Đà, đã gở miệng nói giữa bữa rượu hôm trước :

« — Này bác Tuân, làm thế nào mà lúc chết, được để mả ở chỗ Hàm-Rồng Thanh-Hóa, ngay chỗ bên cầu treo. Ở đấy mát lắm. »

Rồi nghĩ đến cái việc trợ-cấp năm trăm bạc chỉ một chút nữa là thành sự thực, tôi lại mừng cho cái thơm-tho của một thi-nhân. Có lẽ ông Trời muốn giữ cho thi-nhân được trong sạch nên đã sớm gọi ông Tản-Đà về. Người trích-tiên, đánh vỡ cái chén ngọc ở Tiên-Cung, đã đến lúc mãn hạn đi đầy ! « *Cái hạc* » đã « *bay lên vút tận trời* » ! Năm-mươi-mốt tuổi đầu, thế cũng là đến cõi. « Của trời, tham được có ngần ấy

thôi ! » Tôi nâng cốc rượu còn đầy, chỉ định nhớ chứ không thương một thi-nhân vừa đặt chân vào cõi Bất-diệt.

Nhưng lúc tôi vào nhà 71 Cầu-Mới, lòng tôi thắt lại. Ông Tản-Đà còn hấp-hối. Và đang thở hắt ra. Cứ đều đều, cứ nhẹ thế cho đến hơi thở cuối cùng. Hai môi mím khít lại, ông Tản-Đà có nét mặt dằn-dúm của một người chết khó-khăn. Phải, chung thân làm một người bất-đắc-chí, sống đã chẳng được toại lòng, người nằm sóng-sượt đây khó mà đi cho nó nhẹ-nhõm được. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi lạnh. Ở đầu giường bệnh, vẫn cái trồng sách cũ nát trên cái ghế mọt thay làm án-thư và bên trồng sách bừa-bãi đây đó mấy trang bản thảo. Tập đi-cảo ! trời ! Và lê-loi ở góc bàn, vẫn cái hũ rượu cáp-giới ngày nọ. Tất cả, chỉ có thế thôi. Với một đoàn thê-tử yếu và đuối !

Cuối thế-kỷ trước, một buổi chiều Avril 1899, tại Paris, nhà viết kịch trứ-danh Henri Becque đã nhắm mắt giữa cảnh nghèo-nàn và cô-chiếc. Không có vợ, không có cha anh, không có thừa-tự, Becque đã để lại cho đời vẻn-vẹn có mấy vở kịch *Les Corbeaux, La Parisienne* v... v... Cứ lời viên thừa-phát-lại thời bấy giờ làm bản kê-khai, thì ngoài tác-phẩm kể trên, gia-sản nghệ-sĩ để lại, còn có mấy khoản này :

Một cái tượng bán-thân do Rodin nặn cho, một cái nồi nấu, một cái nệm, tất cả bán đấu-giá được 0f50 ;

Một trồng sách in, bán được 30f ;

Một cái va-li, bốn chiếc khăn mặt : 2f ;

Và ba chai rượu vang Mariani (vẫn rượu !) ;

Và năm vạn ba nghìn quan tiền nợ.

Cái đám ma của Becque, lẻ-tẻ vài lăm người.

NGUYỄN TUÂN

Thơ Tản-Đà

Tiễn chân Lưu Nguyễn...

Lá đào rơi-rác lối thiên-thai,
Suối tiễn, oanh đưa những ngậm-ngùi.
Nửa năm tiên cảnh,
Một bước trần-ai:
Ước cũ duyên thừa có thế thôi!
Đá mòn rêu nhạt,
Nước chảy hoa trôi,
Cái hạc bay lên vút tận giời:
Giời đất từ đây, xa cách mãi,
Cửa động, đầu non đường lối cũ,
Ngàn năm thơ-thẩn bóng giăng chơi!

Thu phong

I

Trận gió thu phong rụng lá vàng
Lá bay hàng xóm lá bay sang
Vàng bay mấy lá, năm già nữa
Hờ-hững ai xui thiếp phụ chàng?

II

Trận gió thu-phong rụng lá hồng
Lá rơi tường bắc, lá sang đông,
Hồng bay mấy lá năm hồ hết
Thơ-thần kìa ai vẫn đứng trông ?

Thơ Dịch

Hoàng hạc lâu (Thôi-Hiệu)

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu ?
Mà đây Hoàng-hạc riêng lầu còn trơ !
Hạc vàng đi mất từ xưa
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay !
Hán-dương sông tạnh, cây bày,
Bãi xa Anh-Vũ xanh dầy cỏ non
Quê-hương khuất bóng hoàng-hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai !

Biệt hữu nhân (Lý-Bạch)

Chạy dài cõi bắc non xanh
Thành Đông nước chảy, quanh thành trắng phau.
Nước non nặng chỗ đưa nhau
Một xa muôn dặm, biết đâu cánh bồng !
Chia phôi khác cả mối lòng
Người như mây nổi, kẻ trông bóng tà.
Vẫy tay thôi đã rời xa,
Nhớ nhau tiếng ngựa nghe mà buồn tênh.

TAN-ĐÀ

Ảnh-hưởng Tản-Đà đối với nhà văn lớp sau

Lịch tây năm 1915.

Hoàng Nguyễn rồng bay đến năm Duy-Tân thứ 9.

Sao Tuế đóng tại cung ất-mão.

Khoa thi cuối cùng đã đóng mất một con đường sự-nghiệp của sĩ-phu trong nước, giữa lúc nền « học mới » còn bị coi là nhố-nhăng. « Chính-đồ » đã mất hẳn, nay chỉ còn « gián-đồ » thôi.

Con đường thơ-phú chữ Hán đưa đến mũ cao áo dài là đường chính — chính-đồ — mà con đường « papa là cha » đưa đến ông thông ông phán là con đường tắt — gián-đồ !

Vì, con đường cũ, dẫu rằng cũng chỉ là con đường đi tới danh-lợi như con đường mới, nhưng, ngoài cái tính-cách mưu- sinh của nó ra, nhà nho còn muốn cho nó một ý-nghĩa thiêng-liêng là đạo-học. Con đường mới thì trăm phần trăm là cuộc học gạo mà thôi.

Đó cũng là một quan-điểm bất-công lầm-lạc nhưng có lẽ cũng thành-thật và đôi khi cũng cần phải có.

Chính con người đương gào « papa là cha » cũng tự cho là mình học một cái học thấp hơn, trục-lợi hơn.

Cái « học để biết » bao giờ cũng cần đến cái « học để sống » làm động-lực. Vì thế nên, giữa lúc tân-học chưa được trọng, cựu-học bị vứt bỏ, cái sĩ-khí trong-trẻo của con người dọc thư thức tự kia lập-lòe lu-mờ như ngọn lửa ma-chơi giữa cánh đồng hoang.

Người ta học để kiếm ăn. nhưng cũng học để biết cái thú đọc sách, ngâm văn, bình thơ. Người ta học vì nồi cơm, nhưng đồng-thì cũng học để gây, và khi đã gây được, thì thỏa-thích cái óc vẩn-vơ của con nhà học-hành hoặc cái óctìm chân-lý bênh công-lý của con người háo-học. (Chữ học dây dùng hết nghĩa rộng của nó).

Xong khi trượt khoa nhâm-tử (1912) Tản-Đà thôi không thi nữa.

Năm 1915, khoa ất-mão, một khoa sau khoa thi nhâm-tử, quyển « Khối Tình Con » ra đời, trình-bày viễn-ảnh một sự- nghiệp mới của con nhà học-hành.

Chữ nghĩa Tây Tàu trót giở-giang,
Nôm-na phá nghiệp kiếm ăn xoàng.
Nửa ngòi bút ngọng ba sinh lụy
Một mối tơ-tằm mấy đoạn vương
Có kẹo có câu là sách vở
Chẳng lề chẳng lối cũng văn-chương
Còn trời còn đất còn non nước
Còn có thơ ca bán phố-phường.

Một cách tiềm-thức, cuốn Khối Tình Con đã bảo

con nhà văn : cái văn nôm-na này có thể đem ra mà thay cái sự-nghiệp cổ được. Con nhà nho, đã từng :

Mười mấy năm trời ngạn bút lông

và đã :

Xác-xơ chẳng bận chút hơi đồng

thì âu là :

Bây giờ anh đổi lông ra sắt

và, dẫu rằng

« *Cách kiếm ăn đời* » chẳng « *nhọn* » (1) đi nữa ; nhưng cũng là một con đường sự-nghiệp tinh-thần độc nhất của bọn nhà nho tàn — thì cái điệu thơ réo-rắt líp-dàng như khúc nhạc của ông, cái cách lựa chọn chữ tinh-vi đúng-mực của ông. nó đã chứng nhiều một lần nữa rằng : bằng cái tiếng nôm na tầm-thường này, người ta có thể có những câu thơ không thẹn cùng Lý Đỗ được ; những óc mơ-mộng vẩn-vơ thương vay khóc mướn, vịnh nguyệt cười mây, đùa sương bỡn gió, tóm lại những óc thi-nhân có thể rung cây đàn thất-tình mình bằng tiếng việt này được.

Thế rồi, như bị một sức ám-thị nhiệm-mầu, người ta thấy một loạt sách kiểu « Khối Tình Con » nối nhau được phơi ở tủ hàng sách : Duyên-Văn, Ngọn Đèn Khuya, Tấm Lòng Son... nối nhau mà ra bằng một kiểu : cũng thơ, cũng ca, cũng sấm, cũng phong-

(1) Nguyên-văn câu tứ : Cách kiếm ăn đời có nhọn không ?

dao... Những tác-phẩm sau, tuy cũng câu được câu hỏng, nhưng thiên-hạ đều công-nhận rằng đó là « tác-phẩm trò » của những « tác-phẩm thầy », và một văn-phái mới đã phá-thiên-hoang cái thời-đại tiếp-giáp hai giới học *chi hồ giả, giả* và *cà-phê pa-pa*.

Bằng cái học « cử-tử » vô-vị của bọn nhà nho cuối mùa, ảnh-hưởng Tản-Đà chỉ có thế. Học-trò chỉ giống thầy cái hình-thức. Còn ra, tác-phẩm không đáng ai chú-ý, vì cái óc nhuộm thấm mực tàu kia, thiếu thiên-tài, không sao làm được cái gì ở lúc giao-thời. Cũng đất cao-lanh, các xưởng Giang-Tây chế nên đồ sứ hảo-hạng mà cái xưởng Thanh-Trì chỉ chế nên những đồ-sứ vụng-dại mờ-mờ.

* * *

Ảnh-hưởng của Tản-Đà đối với lớp tân-học sau thật đã ra ngoài cái kết-quả mong đợi. Vì chịu sức ảnh-hưởng *khối-tình, mộng con* mà làm văn, nhưng sau văn-phẩm lại không có chi là mộng-con, khối-tình cả.

Một cái thí-dụ rõ-rệt và lớn-lao nhất là ông Nguyễn Công-Hoan, Tác-phẩm đầu-tiên của ông Hoan, quyển *Kiếp Hồng-Nhan* » in bằng chữ cỡ tám (corps huit) ở nhà in Nghiêm-Hàm là « văn học-trò » chịu thẳng ảnh-hưởng « văn thầy » bằng những câu ông Hoan cố muốn cho nó réo-rắt lối khối-tình, giấc-mộng, nhưng

nó chẳng réo-rắt chút nào. Tiếng chuông vàng nghe ngân-nga bao nhiêu thì tiếng chuông thau nghe ồ-ề khó chịu bấy nhiêu, khó chịu ở chỗ bắt chước ngân theo tiếng vàng.

Bằng cuốn « KiếpHồng-Nhan », ông Hoan đã theo sau các ông, học-trò chính-tông của Tản-Đà và cũng đã có cái hành-động

Thuyền đua thì lái cũng đua.

Nhưng không đến nỗi như những ông học-trò chính-tông mà :

Mành treo chiếu rách cũng treo
Trầm xông nghi-ngút củi lều cũng xông.

vì ở ông Hoan đã ủ một tài-nghệ mới.

Tài-nghệ mới ấy, lúc đầu có bắt khuôn thầy-học, nhưng sau khi đã nộp quyển học-trò được tự-do phát-xiển đến thành ông Nguyễn Công-Hoan ngày nay bằng giọng văn Alphonse Daudet của tiếng việt.

Thế là ảnh-hưởng thi-ca của Tản-Đà đã chế ra tài-nghệ hoạt-bát vui-đùa của Nguyễn Công-Hoan. Về tinh-thần, thật ông Hoan như cái quái-thai của ông Hiếu. Vậy ông Hiếu chỉ cho ông Hoan cái hứng làm văn mà văn ông Hoan là hoàn-toàn ở tài ông Hoan. nhưng ông Hoan cũng chẳng thể bạc đến nỗi không nhận mình là học-trò.

Riêng kẻ viết này cũng nợ ông Hiếu một món nợ tinh-thần như thế.

Tôi còn nhớ rõ rằng lần đầu tôi đọc văn là năm 1916, năm tôi mười-ba tuổi, đương học ở lớp Trung-Đẳng trường tiểu-học. Đọc văn « *Khối Tình Con* » của ông, tôi đã phải ở lại không được lên lớp năm đó. Năm 1917 tôi đỗ bằng Tiểu-Học. Lại vì đọc văn ông, mê văn ông, tôi đã hỏng liền hai khoa thi vào trường Bưởi. Cho tới bây giờ, tôi còn thuộc lòng bao nhiêu thơ bằng văn-vần văn-xuôi của ông.

Vì mê văn ông, vì thuộc lòng những bài *sầu, đánh bạc, nhắn cô hàng cau, thăm mả cũ bên đường* mà đến nỗi thua anh em đến hai kèo, tôi đâm sợ cái nghề văn. Vì sợ, từ đó tôi chỉ miệt-mài học, học và học. Học uốn óc mình cho thật tây, nghĩ bằng chữ tây, nói bằng tiếng tây, viết bằng tiếng tây...

Sau đây, tôi chịu những ảnh-hưởng khác nữa mà cầm bút, nhưng không bao giờ tôi quên rằng cái hứng yêu làm văn đầu tiên của tôi đã tiềm-tàng nảy-nở trong tâm-trí tôi từ khi đọc cuốn văn ngoài có in chiếc mặt trăng lưỡi liềm. (1) .

Có người suy-nghĩ lần-mần đến nói rằng những việc kinh-thiên động-địa, những việc đảo lộn tùng phèo cả một cuộc lịch-sử, có khi căn-nguyên chỉ là một việc rất nhỏ-mọn, trong tâm-tư hoặc ngoài thật-giới. Cả một cuộc chinh-đông chinh tây của hoàng-đế Napoléon

(1) Ông Hiếu có một con dấu hình mặt trăng lưỡi liềm đóng ngoài các cuốn sách của ông.

nhất-thế chẳng hạn, có thể chỉ do một cái đuôi mắt bà Joséphine hoặc một tiếng nói thường của gã Barras. Tôi tiếc rằng không làm được sự-nghiệp gì to-tát trong văn-học-giới, tư-tưởng-giới, song nếu nói đồ sông bể mà con người bất-tài này có làm nên sự-nghiệp gì, thì quyết là, dò cho đến gốc-nguồn, căn-nguyên chỉ là một buổi chiều năm 1916 kia, trên chiếc chõng tre hàng phở đầu phố hàng Nam-Định, tôi đã đọc những vần thơ đầy nhạc-điệu của Tản-Đà tiên-sinh trong cuốn *Khối Tình Con* mà một người bạn đánh-bi đã trao cho tôi mượn.

*
* *

— Bữa trước, đi theo linh cữu nhà thi-bá Tản-Đà, tôi đã lan-man nghĩ đến những kỷ-niệm phảng-phất lờ-mờ từ trước đây hai-mươi-bốn năm. Rồi tôi lại nghĩ đến nỗi sau này. Tản-Đà tiên-sinh, khi làm thơ, khi làm báo, khi vào nam, khi ra bắc, tan cuộc 51 năm, để lại hai chữ *thi-hào*. Còn tôi đây phong-ba bão-táp cũng nhiều, mà rồi sau đây, quyết chẳng để lại gì về sau, cũng như chiếc đèn dầu lạc tối om, cạn dầu rồi tắt, tắt hẳn, tắt hết, không còn gì.

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT

Tản-Đà triết-học

Nói đến Tản-Đà triết-học, chắc có nhiều người phải ngạc-nhiên. Vì xưa nay ai cũng chỉ nghe ông là một nhà thơ, một nhà văn, chưa từng nghe là nhà triết-học. Nay chợt trông thấy cái đầu đề trên đây, khỏi đâu có người tưởng tôi đã cố ý tô-vẽ và phóng-đại cho ông Tản-Đà.

Nhưng không, thực tôi không cố ý tô-vẽ và phóng-đại đâu. *Danh quá với thực, người quân-tử lấy làm hổ ngươi.* Tôi không khi nào lại làm một việc vô ý-thức để ông Tản-Đà phải băn-khoăn ở dưới chín suối. Viết bài này, tôi chỉ định làm một cái bổn-phận là biểu-dương cái công-nghiệp đã có thực của ông mà thôi.

Thực ông Tản-Đà đã có cái hoài-bão làm nên một nhà triết-học, cho nên trong bức thư của người tình trong mộng là Chu Kiều-Oanh ở cuối quyển Giấc mộng con, ông đã thác lời Kiều-Oanh chúc-vọng cho ông làm nên *một nhà văn-học kiêm triết-học ở Đông-dương*. Không phải chỉ hoài-bão suông, ông đã làm cái công việc của nhà triết-học rồi, tức là ông đã khảo-lự rồi viết ra bài *Thiên-lương* in trong quyển Khối-tình bản chính.

Bài *Thiên-lương* này, nội-dung ông nói về một vấn-đề chính là tính-chất của cái tư-tưởng về triết-học, dù chỉ là một cái triết-học thiên về duy-tâm. Ông nghiên-cứu về phần linh-minh

trong trái tim của người ta và công-dụng phi thường của nó. Nay xin tóm tắt đại-lược thuyết *Thiên-lương* của ông như sau :

* * *

Trong các loài động-vật, loài này có cái hơn loài khác. Loài công hơn loài khác cái đẹp, loài hổ hơn loài khác cái khỏe, loài người hơn loài khác cái thiên-lương. Thiên-lương 天 良 là gì ? Là cái hay cái tốt ở trong lòng người, người ta ngay từ lúc thụ sinh, đã được giời phú-dữ cho. Loài người sở dĩ hơn các loài vật khác là vì có cái thiên-lương ấy.

Thiên-lương là loài không có hình, nhưng cũng có thể phân tích để thấy rằng nó có ba chất :

1°) Lương-tri 良 知, là cái tri-giác về bên hay, để cảm biết về sự hay.

2°) Lương-tâm 良 心, là cái bụng dạ về bên hay, để tiếp nhận các sự hay.

3°) Lương-năng 良 能, là cái giỏi về bên hay, để làm theo các sự hay.

Đó là ba nguyên-chất của thiên-lương ; ba chất điều hòa là thiên-lương tròn-vẹn.

Ba nguyên-chất ấy, có khi dùng đến một, có khi dùng đến hai, nhưng tất phải từ trong một cái thiên-lương tròn-vẹn. Nếu thiên-lương không tròn-vẹn mà chỉ có một hai chất thì một hai chất đó có cũng như không. Tức như người biết sự tham nịnh là ô nhục mà vẫn cứ làm, đó là có lương-tri mà không lương-tâm ; đã không lương-tâm thì lương-tri có cũng bằng thừa. Người trông thấy tôn-thân mắc nạn, đem lòng lo thương, nhưng chỉ lo thương mà không cứu-giúp, đó là có lương-tâm mà không lương-năng ; đã không lương-năng thì lương-tâm có cũng bằng thừa.

Rồi ông suy luận rộng ra, nói bao nhiêu việc hay ở trong thiên-hạ đều do cái sức vận-động của thiên-lương các đấng thánh-hiền, hào-kiệt, liệt-nữ trung-thần ; và bao nhiêu việc hay ở trong thiên-hạ, đều là công-dụng của thiên-lương của các bậc người trên ấy. Thực-giá của thiên-lương thật quý-trọng không biết chừng nào.

Kết luận, ông bảo người ta có cái thiên-lương, cũng như con cà-cuống có cái bọng cay. Cà-cuống mất bọng cay, là cà-cuống thịt ; người mất thiên-lương, cũng chỉ là người thịt. Ông khuyên người ta nên giữ lấy thiên-lương là cái của báu giời cho, đừng để cho mất, vật gì ở ngoài mà mất, còn có thể kiếm được ; chứ thiên-lương ở trong vốn có định-xuất, đã mất không thể tìm đâu ra. Rồi ông bảo đối với hạng người có cái thiên-lương tốt nhớn, không cần phải nói nữa ; và đối với hạng người đã mất thiên lương, dầu nói đến cũng không ích gì ; ông chỉ muốn cùng một hạng trung-nhân, bàn sự gìn giữ vun nuôi cho thiên-lương để nó khỏi bị đè ép làm cho co rụt lún gí. Người ta tư-chất kém thì thiên-lương cũng kém, nhưng nếu biết bồi dưỡng thì cũng được là một giống hơn các động-vật khác.

*
* *

Xem tư-tưởng trong bài *Thiên-lương*, ta thấy bài ấy chính là một khoa tâm-học mà ông Tản-Đà xướng-khởi lên, nó có thể là một món triết-học về nhân-sinh, nó có thể là nền tảng cho khoa luân-lý-học của một xã-hội nếu người ta xét nó không có điểm tệ.

Giá ở một nước nào khác cõi học sâm-uất, thì bài Thiên-lương của ông Tản-Đà ném ra, đã được các học-giả cùng chú ý đến, người ta đem ra nghiên-cứu và thảo-luận, để xem cái

thuyết mới ấy có đúng lý và có thể đứng được không. Nhưng ở nước ta, một nước cõi học rất tiêu-điều, một nước mà trải mấy nghìn năm, không từng có ai xướng lên được một học-thuyết nào, một nước chỉ biết đi tôn-sùng những cái gì của nước ngoài thôi, cho nên thuyết Thiên-lương xướng ra trải đã ngoại 20 năm nay, vẫn không được tiếng đáp họa nào của người trong nước. Ta không thể chối được mà không phải thừa-nhận rằng : trình-độ học-vấn của người nước ta thật còn thấp lạ ; đã thế mà lại lười-lĩnh trong sự cầu tri quá. Cho nên phàm những cái học thuộc về *hình như thượng*, đem ra nghiên-cứu, thật khó được mọi người để ý hoan-nghênh. Tức như trên tờ Tao-Đàn đương đăng bài Học-thuyết Henri Bergson, chúng tôi biết rõ số người đọc bài ấy không nhiều, mặc dầu đó là một học-thuyết rất hay, khám phá được những cái bí-ẩn ở trong lòng trong óc người ta, đã làm cho trấn-động học-giới hoàn-cầu, và lại biên-thuật do cây bút uyển-chuyển, tỏ rằng của một người đã vào sâu trong cái học ấy : ông Lê Chí-Thiệp. Như vậy, phỏng đã đáng buồn cho quang-cảnh trong cõi học ta biết mấy !

Xét cái thuyết Thiên-lương của ông Tân-Đà, tôi thấy ông chịu ảnh-hưởng học-thuyết của Minh-nho là Vương Dương-minh.

Nguyên ông Mạnh-tử đời Chiến-quốc, một bậc đại-hiền trong Nho-giáo, có câu nói rằng : « Người ta cái gì không học mà hay, đó là lương-năng, cái gì không nghĩ mà biết, đó là lương-tri ». (1) Ông Vương Thủ-Nhân một đại-nho đời Minh, nhân đó đem suy diễn ra thành cái học-thuyết *tri lương-tri* 知良致 và *tri hành hợp nhất* 知行合一. Vì Thủ-Nhân giảng học ở động Dương-minh, nên người sau gọi ông là Vương Dương-minh, và học-thuyết của ông gọi là Dương-minh học-thuyết.

Theo học-thuyết của Dương-minh thì : Tâm người ta, bản-thể của nó tức là thiên-lý ; cái thiên-lý ấy chiêu-minh linh-giác tức là lương-tri. Lương-tri là linh-căn của trời phú cho người ta, ai cũng đều có như nhau. Lương-tri ở trong lòng người, ví như mặt giời ở trong không-gian. Khi ta ngồi vào chỗ tối, ta tưởng mặt giời không có ánh sáng nữa, nhưng kỳ thực nó vẫn vằng-vặc. Lương-tri cũng thế, cái tối ấy là vọng-niệm, là tư-dục, chỉ che được cái sáng chứ không làm mất được cái sáng. Vậy phàm người ta, phải nên biết *trí* cái *lương-tri*. *Trí lương-tri* nghĩa là biết trừ cho hết vọng-niệm và tư-dục, để giữ cho lương-tri thường được sáng luôn và được phát-triển tận độ cái sức sáng của nó, như vậy thì hễ ứng phó với mọi việc đều được trúng-lý, mà có thể đi tới bậc thánh-hiền được.

Cùng đi với thuyết *trí lương-tri*, Dương-minh còn cái thuyết *tri hành hợp-nhất*. Ông không chia *tri* với *hành* ra làm hai việc như các nhà nho khác, ông cho tri là khởi đầu của hành, hành là chung-kết của tri ; tri mà chân-thiết đốc-thực tức là hành, hành mà linh-minh tỉnh-sát tức là tri ; hành mà không tri thì tất không thể hành, nhưng tri mà không hành cũng không thể gọi là tri được.

Ấy đại-khái học-thuyết của Vương Dương-minh là thế. Nay xem kỳ thuyết thiên-lương của Tản-Đà, ta thấy ông đã bắt nguồn tư-tưởng từ trong học-thuyết của Dương-minh. Bắt nguồn từ đấy, nhưng thuyết của Tản-Đà có nhiều chỗ không giống thuyết của Dương-minh. Và tôi phải nói một cách thành-thực theo sự phán-đoán của tôi rằng : thuyết của Tản-Đà có một đôi chỗ chưa đến lẽ và có thể sinh ra kết quả không tốt cho sự lập giáo, tuy rằng ông thực đã dụng công suy-tưởng.[1]

1) Sự chia thiên-lương ra làm 3 chất, có lẽ khí thừa. Tôi tưởng nếu không theo cái thuyết *tri-hành hợp nhất* thì cứ chia

làm 2 cũng đủ, là *lương-tri* và *lương-năng*, còn *lương-tâm* thì nên để cho nó tức là *thiên-lương*. Theo ông Tản-Đà, biết sự tham-nịnh là ô-nhục, đó là có lương-tri, thấy người tôn-thân mắc nạn mà lo thương, đó là có lương-tâm ; nhưng theo tôi, hai cái ấy đều là một loại thuộc về lương-tri cả. Lại như theo ông, biết ô-nhục mà cứ làm, là không lương-tâm, tuy lo thương mà không cứu, là không lương-năng ; nhưng theo tôi, cả hai cái đó, đều chỉ là không có lương-năng.

2) Ông bảo tư-chất kém thì thiên-lương kém, và thánh-hiền hào-kiệt là những người có cái thiên-lương tốt nhớn. Nhưng sau khi suy-nghĩ, so sánh với cái học-thuyết của Dương-minh, tôi thấy chỗ này Dương-minh phải hơn. Vì theo Dương-minh thì lương-tri (tức như thiên-lương) của người ta ai cũng như ai chứ không có ai là tốt nhớn và xấu kém ; người ta ai cũng có thể làm đến thánh hiền được, hễ mà biết *trí cái lương-tri*, nghĩa là biết làm cho nó sáng-sủa đến cái mực tận cùng. Và tư-chất kém không thể bảo rằng thiên-lương cũng phải kém. Chẳng qua nếu người tư-chất kém thì không biết làm cho thiên-lương phát-triển đầy đủ mà thôi. Kết quả không tốt trong điều này của ông Tản-Đà là làm cho những người lười nhác, hiểu lầm là mình không có cái thiên-lương bằng người, sẽ tự vạch định giới-hạn mà không chịu gắng-gỏ bước trên con đường tiến-đức tu-nghiệp.

3) Ông cho là thiên-lương vốn có định-xuất, người nào để cho mất đi thì không thể tìm đâu thấy nữa ; và người nào đã để cho mất thiên-lương, thì ông *không thể lại nói* tới nữa. Nhưng tôi tưởng thiên-lương ở trong lòng người ta, nó chẳng mất đi đâu cả, dù ở kẻ ăn cướp giết người cũng vậy. Chẳng qua những kẻ ấy, thiên-lương bị *các vật vô-hình xấu nó đè ép làm cho co rụt lún gí* mà thôi ; bất cứ lúc nào họ muốn tìm về với thiên-lương, tức là họ muốn hối ngộ, đều vẫn có thể

được, cớ sao lại bảo là *không thể lại nói* ! Kết quả không tốt trong điều này của ông Tản-Đà là làm cho những người hư-xấu, họ đành yên phận, không chịu trở về con đường hối-cải mà thực ra, họ trở về lúc nào thì thiên-lương ở trong lòng họ cũng vẫn đón chờ.

4°) Ông cho mọi sự biến-thiên tiến-hóa của thế-giới đều do cái sức vận-động của thiên-lương, mà không chịu nhìn nhận đến cái sức nào ở ngoài nó đã làm cho thiên-lương ở trong phải vận-động theo các phương-hướng : cái sức của hoàn-cảnh.

Đó là những chỗ yếu kém trong cái thuyết thiên-lương của ông Tản-Đà. Nhưng dù sao, ta cũng phải thừa nhận rằng: ông Tản-Đà là người thứ nhất ở nước ta đã dám xướng lên một cái luân-lý học-thuyết, một cái triết-học tư-tưởng. Thuyết của ông, giá được tinh-thuần hơn một chút nữa thì không phải là không có ích cho nhân-tâm thế-đạo, cho học-vấn tư-tưởng. Nhất là chỗ ông *ví thiên-lương của người cũng như bọng cay của cà-cuống, cà-cuống mất bọng cay là cà-cuống thịt, người mất thiên-lương cũng chỉ là người thịt*, thật là một câu so ví rất thiết-đáng, thú-vị, và rất có thể cảnh-giác cho người thiên-hạ, những kẻ đã để cho mờ tối lương-tâm.

Nay tôi xin trịnh-trọng đem thuyết thiên lương của ông Tản-Đà đặt làm một viên đá thứ nhất — dù là viên đá nhỏ yếu — của cái lâu-đài triết-học tất nhiên phải có của nước Nam ta về tương-lai.

TRÚC-KHÊ NGÔ VĂN-TRIỆN

---

(1) 人之所不學而能者其良能也；所不慮而知者其良知也.

Một vài kỷ-niệm về yêu thơ Tản-Đà

Tôi sẽ là người bội bạc nếu tôi quên cả một thời tuổi nhỏ, thời tôi đã yêu, đã mê thơ của thi-sĩ Tản-Đà. Người ta có thể đổi thay, tuổi tráng niên không còn những cái thích của ngày thơ-dại cũng như tấm lòng không ở mãi trong một tình yêu. Nhưng ta không quên, kỷ-niệm còn đây để nhắc tôi cái hương xưa của những thơ mộng ban đầu.

Tôi bắt đầu yêu thơ, năm học lớp nhất. Đã mười năm... Lòng trẻ con hé mở ngập-ngừng, yêu-đương một cách vô-tâm như hứng một làn gió. Tôi đến chơi nhà một bạn nhỏ, người bạn nhỏ khoe với tôi có một chồng báo Hữu-Thanh. Lúc ấy Hữu-Thanh đã chết rồi, nhưng tôi có biết gì về năm tháng đâu ! Đối với tôi Hữu-Thanh là những quyển sách mới. Tôi mượn về xem từng số một, và thấy yêu quốc-văn. Tôi yêu quốc-văn, tôi riêng yêu thơ, và tôi đặc-biệt yêu thơ Tản-Đà.

Tôi dần dần đọc hết những bài thơ rải-rác trong tập báo cũ, tôi chép vào quyển vở con, có cảm-giác mơ-hồ như hứng lấy một bóng trăng thanh. Tuổi nhỏ

không khó tính, lòng tôi thuở ấy đương cần một dịp ru nhè-nhẹ khêu-gợi cho tôi mơ- mộng vẩn-vơ trong trẻo của Tản-Đà đã pho-phất thổi qua lòng tôi, và cho tôi mờ mờ hiểu rằng người thi-sĩ lạ-lạ, khác khác, không phải những người quen biết tôi gặp.

Từ lúc yêu thơ — khi tôi mười ba tuổi — gặp bài thơ nào, đăng ở đâu tôi cũng đọc, nhưng càng xem tôi càng thấy cái tài đặc-biệt của Tản-Đà. Những bài thơ đạo-mạo, hoặc sầu-thảm, nhưng bao giờ cũng khô-khan nhạt-nhẽo đăng ở Nam-Phong bỉ sao được những câu ca bay bổng của Nguyễn Khắc-Hiếu đăng ở Hữu-Thanh !

Dần dần sự yêu của tôi thành một cái mê. Tôi cho rằng câu nào của Tản-Đà cũng hay, bài nào cũng khả-ái ; tôi nhặt chép từng đoạn thơ con.

Tôi ước ao được có nhiều thơ Tản-Đà mà đọc, nhưng ngoài những bài thơ tôi gặp ở Hữu-Thanh, tôi không còn biết tìm đâu. Thuở 1929, thì những văn thơ của Tản-Đà xuất-bản đã lâu, bán đã hết cả ; tôi chỉ biết rằng thi-sĩ có những tập khối tình con *thứ nhất và thứ hai giấc* mộng con, khối tình...

Tôi không nhớ bài nào xem trước và bài nào xem sau, ký- ức tôi không giữ lại một thứ tự rõ ràng. Tôi chỉ nhớ cái sướng của tôi khi đọc những bài « hội gió », « thăm mả cũ » « hầu giời » những câu ca-dao phóng-khoáng, những điệu từ-khúc xinh-xắn, và ở bài nào cũng có cái duyên của Tản-Đà.

Đường xa người vắng, bóng chiều tà
Một dãy lau cao, làn gió chạy,
Mấy cây thưa lá sắc vàng pha.
Ngoài xe trơ một đống đất đỏ
Hang-hốc đùn lên đám cỏ gà,
Người nằm dưới mộ ai ai đó,
Biết có quê đây hay vùng xa !...

(THĂM MẢ CŨ)

Ngày tháng đi chóng, năm canh trường,
Lác-đác sao tàn lấp-lánh gương ;
Trên trời chức-nữ cùng ngưu-lang
Một giải sông ngân lệ mấy hàng ...

(THU-KHUÊ-OÁN)

Gió thu thổi lạnh ao bèo,
Tiếc công bác mẹ như diều đứt dây.

(CA-DAO)

Cát đâu ai bốc tung giời ?
Sóng sông ai vỗ, cây đồi ai rung ?
Phải rằng dì gió hay không ?
Phong-tình đem thổi lạ-lùng trêu ai.

(HỎI GIÓ)

* * *

Trong năm sáu năm trời, từ lúc thi sơ-học đến lúc thi Thành-chung, thơ Tản-Đà nuôi lòng yêu thơ của tôi. Chung quanh Tản-Đà, những người khác làm những bài thơ không một chút rung-động. Thơ

mới chưa ra đời, thơ cứ lập lại những câu sáo, tình yêu thơ của tôi đi đến Tản-Đà như đến người thi-sĩ độc-nhất của Việt-nam.

An-nam tạp-chí *tái-bản, tôi là một độc-giả rất trung thành. Lòng tôi mến-phục nhà thi-sĩ đã thành một sự mãn-mê. Tôi chờ đón tạp-chí An-nam, để xem những câu thơ Nguyễn Khắc-Hiếu. Lúc này nhà thi-sĩ đã ít làm thơ, nhưng vài câu của Tản-Đà, một bài tứ-tuyệt, một khúc phong-thi, cũng đủ thỏa lòng tôi khát-khao. Tôi phục Tản-Đà cách dùng chữ tinh-xảo, cái mẹo-luật ly-kỳ, và một âm-nhạc chảy trôi, bay bướm. Tôi xiết bao khoái-trá, khi xem câu hứng-bút của Tản-Đà :*

Năm xưa chơi ở Dương-quỳ,
Trắng phau ngựa trắng, xanh rì rừng xanh.

Nhất là mấy câu « ngày xuân tương-tư » :

Sương mù mặt đất, người theo mộng.
Nhạn lẳng chân trời, kẻ đợi thơ.

và những câu thoát dịch thơ tàu :

Một đêm hoa nở cành mai,
Trước song chợt đến, ngỡ người nhớ thương.

Trong lớp học tôi, có một người bạn nữa cũng thích thơ Tản-Đà. Chúng tôi thành một đầu-đề cho chúng bạn đùa-cợt. Tôi và người bạn cùng vỡ-vẽ làm thơ ; chúng tôi ở trong thời-kỳ bắt-chước, và cố-nhiên

chúng tôi chỉ học theo Tản-Đà mà chúng tôi tôn làm thầy. Thơ chúng tôi cũng na-ná giọng thơ Tản-Đà, nhất là những bài của tôi, giỏi ăn cắp lối dụng chữ, lối chuyển câu của Nguyễn Khắc-Hiếu.

Những giờ học quốc-văn, tôi ấc thuộc đoạn phú tự-do ở sau bài « đánh bạc ». Tôi thấy những vần giàu ủ, êm-ngọt, đọc nghe lanh-lãnh bên tai :

Thử trèo bức tường đồ, trông quãng đường xa,
Mồ con, mả lớn, chỗ năm chỗ ba,
Chẳng quan thì dân, chẳng trẻ thì già.
Trước cũng người cả, bây giờ đã ma...

Tản-Đà thư-cục lại lập. « Thề non nước » lại ra đời. Với lòng tôi thuở ấy, còn gì dịu-dàng hơn những câu :

Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non.
. . . . . .
Non cao những ngóng cùng trông
Suối khô giòng lệ, chờ mong tháng ngày.
. . . . . .
Non xanh đã biết hay chưa ?
Nước đi ra biển lại mưa về nguồn
Nước non hội-ngộ còn luôn.

« Khối tình » tái-bản ; yêu thơ, tôi yêu lây đến văn. Văn Tản-Đà, tôi thấy là những câu thơ phú tự-do có vần, có nhịp. Tôi thán-phục những câu

nói về cái sầu lần-quất : Sầu không có mối, cắt sao cho đứt, sầu không có khối, đập sao cho tan. *Tôi yêu những câu :* Chàng Lưu-Lang trở lại động thiên-thai, hoa đào nước suối, « đất Nam-Sở đỉnh chung người đội gạo, bến Tầm-dương trăng nước chiếc thuyền con.» *Đến « Khối tình con » thứ ba ra đời. Đó là tập thơ cuối cùng của thi-sĩ. Tôi thưởng-thức đoạn đầu bài « Cảm thu » và baonhiêu câu thơ đặc-sắc rải-rác trong tập thơ. « Giấc mộng con» thứ ba cho tôi hưởng một điệu từ-khúc ở cuối sách, xinh và trong :*

Non xanh xanh, nước xanh xanh
Nước non như vẽ bức tranh tình
Non nước tan-tành, giọt lệ tràn năm canh,

Nhưng không được bao lâu, An-nam tạp-chí lại đình-bản. Tôi ngong-ngóng đợi chờ. Mãi sau khi tạp-chí lại ra, lần này là lần cuối, tôi vồn-vã nắm lấy tờ báo. Lòng tuổi nhỏ dễ đàng bao nhiêu, nỗi vui-sướng không cần dẫn-đo, và cái say-mê rất là chung-thủy. Tôi chờ, tôi đợi An-nam tạp-chí, tôi đến hiệu sách đón mua. Nhưng lần này, báo của thi-sĩ ra không thèm kể đến kỳ-hạn. Một tháng phải ra hai kỳ, mà thực ra một tháng có một kỳ, hay hai tháng có một kỳ. Làm cho tôi đến ngày đầu tháng và giữa tháng trốn trường ra phố, thăm hỏi không thôi. Tôi đến luôn nơi một hàng sách. hỏi họ vồn-vập, dường như bắt họ chịu trách-nhiệm về sự trễ-tràng. Rồi sau

khi mong-mỏi bao lâu, đột-nhiên một số An-nam lại ra, và tôi lại được một bữa tiệc, vội rọc số báo, tìm thơ Tản-Đà. Có khi chỉ được ít-ỏi mấy giòng, mà hứng thơ của thi-sĩ ngó chừng đã cạn. Tuy vậy tôi vẫn yêu vẫn mê.

Nhưng một lần kia An-nam tạp-chí ra chậm quá chừng, chậm vô cùng, chậm không thể tưởng-tượng được : tạp-chí không ra nữa.

* * *

Và từ đó bắt đầu ngấm-ngầm một cuộc đổi thay vô-tình trong tâm-hồn tôi. Tuổi nhỏ dần dần thành tuổi trẻ, tôi thay quan-niệm, thay xu-hướng, lòng tôi cũng chuyển đi từng ngày từng tháng một. Tình yêu người cũng còn thay đổi nữa là tình yêu thơ. Trái tim chúng ta không phản-trắc bao giờ, nhưng cái tự-nhiên nguội quên theo một con đường khó cưỡng. Càng lớn tôi càng cần-thiết sự thiết-tha, sự mãnh-liệt mà tôi không thấy trong thơ Tản-Đà. Cái thích hôm nay không giống cái thích ngày trước và một ngày mai lại sẽ không còn cái thích hôm nay. Nhưng tình yêu đi, kỷ-niệm ở, mỗi lần nhớ lại tuổi nhỏ, tôi biết ơn Tản-Đà thi-sĩ, người đã gợi hồn thơ trong hồn tôi. Cả một thời thơ-ngây của tôi đã nhuần-thấm cái vần-vơ, cái mộng của người trích tiên, tôi đã có một cớ để người yêu đến mê say. Tôi đã được mến-phục một cái tài-hoa, một cái tài-tình nhẹ-nhàng trong-trẻo.

Có lẽ, bây giờ tôi không yêu-mến nữa, nhưng xưa kia tôi đã mến-yêu đằm-thắm; sự đổi thay không phải là sự phụ-phàng nên hôm kia sau khi đưa nhà thi-sĩ đến nơi ở cuối cùng tôi trở về bâng-khuâng thấy trong kỷ-niệm lại phất-phơ một hơi gió hiền-hòa như hơi gió trên đường buổi chiều vĩnh-biệt. Thời trẻ thơ lại về phảng-phất với những câu thơ hồn-hậu của thi-nhân, những câu thơ mát thoảng, hợp với lòng yêu trăng gió của tuổi thanh-niên. Nhưng không biết với ai, thì thế nào, nhưng với tôi thì thi-sĩ Tản-Đà còn ở trong ký-ức tôi, ở một nơi dịu-dàng và thảnh-thơi, và đọc lại thơ Tản-Đà tức là tôi đọc lại tuổi thơ-ấu.

XUÂN-DIỆU

Tản-Đà dịch văn

Cái công-nghiệp của Tản-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu đối với quốc-văn, không những là ở thơ, văn trứ-tác mà thôi, mà còn ở thơ, văn dịch nữa. Trong số những người sở-đắc ở nho-học như Tản-Đà, dịch thơ, văn, có rất nhiều người, nhưng Tản-Đà ở một địa-vị riêng hẳn. Cũng như trong số những người sở-đắc ở pháp-học dịch thơ, văn cũng nhiều, nhưng Nguyễn Văn-Vĩnh đã ở một địa-vị riêng hẳn. Là vì Nguyễn Văn-Vĩnh, trong khi dịch, không những đã lột được hết cả tinh-thần của nguyên-văn, mà còn thoát được hẳn nguyên-văn. Đọc những bài thơ ngụ-ngôn La Fontaine hay những bản kịch Molière, người ta thấy lời văn hoàn-toàn an-nam. Những công-trình ấy, vì thế, giá-trị chẳng kém gì những công-trình sáng-tác. Tản-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu cũng vậy. Văn dịch của Tản-Đà đã thoát hẳn nguyên-văn, mà nhiều khi lại còn bóng-bẩy, có âm-điệu hơn nguyên-văn nữa.

Những công-trình dịch-thuật của Tản-Đà gồm có : bản dịch sách « Đại-Học », bản dịch « Kinh-Thi », chừng gần hai trăm bài vừa thơ cổ vừa thơ Đường, và chừng bốn mươi truyện « Liêu-Trai Chí-

Dị ». Tất cả những sách và thơ ấy đều còn dở-dang cả, thì Tản-Đà đã không còn nữa rồi ! Người ta không thể nào nói đến mà không ngậm-ngùi thương tiếc được.

Ở đây, tôi muốn để bàn dịch sách « Đại-Học » riêng ra. Vì sách này thuộc về loại tư-tưởng. Người dịch chỉ cần dịch *đúng*, chứ không cần dịch *hay*, hay là cái hay trong khi dịch những sách này tức là cái đúng. Người dịch cần nhiều học-lực hơn là văn tài. Ở đây, tôi chỉ nói đến những tác-phẩm dịch thuộc về văn-nghệ : ấy là « Kinh-Thi », thơ Đường, và « Liêu-Trai Chí-Dị ».

* * *

Bản dịch « Kinh Thi » xuất-bản năm 1924, trong tủ sách Tản-Đà thư-cục, in tại nhà in Nghiêm-Hàm. Đây là những câu phong-dao của nước Tàu đời thượng-cổ, mà Khổng-tử đã sưu tầm. Người ta đã biết trong công-nghiệp sáng-tác của Tản-Đà, những câu phong-dao nhẹ-nhàng, mộc-mạc, mà đầy thi-vị là một phần chính. Dịch phong-dao, người ta thấy cả tài của Tản-Đà cũng chẳng kém gì khi ông làm phong-dao. Những câu, như những vần dưới đây đã ở miệng người dân quê Tàu hát ra, nhưng ta thấy nó an-nam lạ ; an-nam đến nỗi ta có thể lầm là những câu ca-dao của chính ta được :

Sông kia nước chảy bao dòng
Mình về mình chẳng đi cùng với ta !

Xưa kia mình chẳng cùng ta
Đến nay cũng đã một nhà họp vui

Kìa như giây sắn trên đồi
Ai làm cho đốt mày dài, sắn ơi!
Lần lứa chi lắm hỡi ai...

Von vót cái cần câu tre
Để câu ở bến sông Kỳ ta chơi!
Xa xôi lắm lắm ai ơi!
Phải rằng không nhớ, nhưng đến nơi khó lòng.

« Kinh-Thi » mới ra được có quyển thứ nhất. Bản dịch vừa dịch những thơ, vừa dịch những lời chú-dẫn của Chu-Hy.

Bản dịch đề tên ba người: Nguyễn Khắc-Hiếu, Nghiêm Thượng-Văn và Đặng Đức-Tô. Nhưng cứ căn cứ vào lời những câu thơ dịch, căn cứ vào những thơ sáng-tác của Tản-Đà, thì ta thấy rằng trong việc dịch những câu thơ nếu Tản-Đà không phải là người độc nhất dịch, thì Tản-Đà cũng là người chính. Trong những câu như những câu này:

Giây sắn bò lan trong hang
Có con chim **vàng**, *bay đậu bụi cây*
Tiếng chim **ong óng** *nghe hay*
Xanh non lá sắn đầy giây **rờn-rờn**...

Quan quan **cái** *con thư cưu...*
Đào tơ rực-rỡ **là** *hoa!*

Nếu không phải Tản-Đà thì không dùng được những chữ « ong óng », « rờn-rợn », « cái », « là » ấy. Thế mà trong «Kinh-Thi » thì tất cả cái giá-trị của nó là cái thi-vị của những bài « thi ». Nếu những bài « thi » ấy mà dịch không nên, thì « Kinh-Thi » không còn gì nữa. Tản-Đà đã thắng được cái khó khăn ấy. Tản-Đà đã đem được cái thi-vị trong những câu phong-dao Tàu sang những câu thơ dịch.

Ta còn thấy cái tài ấy của Tản-Đà, một lần nữa, trong những bài dịch thơ Đường. Thơ Đường thì Tản-Đà mới dịch gần đây, và đăng ở một tờ tuần báo Hà-Nội, tuần báo *Ngày-Nay*. Tất cả độ chừng hơn một trăm bài.

Dịch thơ lại còn khó hơn dịch ca-dao một bậc nữa. Vì cái hay ở trong những bài thơ bao giờ nó cũng tế-nhị hơn, và đài-các hơn. Phải có một tâm-hồn tế-nhị và đài-các mới nhận thấy hết được. Mà nhận ra rồi, thì lại còn phải một tài dùng chữ đặc biệt mới diễn tả lại được.

Có lẽ Tản-Đà cũng nhận thấy chỗ khó-khăn ấy, nên phần nhiều ông dịch ra thành văn lục bát. Dịch ra bằng lục bát, không phải là vì lục bát dễ làm hơn thơ, mà vì lục bát là cái thể thơ an-nam hơn cả. Nó có thể làm cho ta tránh được nhiều cái bó buộc, làm cho câu thơ lắm khi thành ra ngây-ngô, gượng-gạo. Nhưng dịch thơ ra lục bát có một chỗ rất nguy-hiểm : là lục bát nếu khéo làm thì nó là *thơ*, mà vụng một

chữ thì nó thành vè ngay. Ta thâm-phục và mừng rỡ mà nhận thấy rằng, không một bài dịch nào của Tản-Đà đã cho ta thấy nó là vè cả. Nó đều có một cái đẹp rất mềm mỏng, đơn sơ nhưng mà đầy âm-điệu cái đẹp của những bài thơ Tàu. Có nhiều câu, nhiều bài Tản-Đà dịch thoát hẳn nguyên-tác và lại còn hay hơn nguyên-tác nữa. Như những bài : « Khúc hát hái sen » « Ngày xuân say rượu... » « Trong thuyền đêm mưa »,

Người ta thấy một cái nhẹ-nhàng lâng-lâng, một cái sáng sủa linh-động. Tản-Đà dùng văn lục bát đã đến tuyệt-sảo.

Trước Tản-Đà cũng đã có người dịch thơ Đường. Ấy là ông Tùng-Vân Nguyễn Đôn-Phục. Những bài dịch của ông Tùng-Vân đều đăng trong tạp-chí *Nam-Phong* và mỗi bài lại kèm theo những lời phê-bình nữa. Nhưng phần nhiều ông Tùng-Vân đã dịch ra thơ, chứ không dịch ra lục bát như Tản-Đà. Cho nên người ta thấy nhiều câu rất khắc-khổ, và phần nhiều lời thơ rất khô-khan.

Vậy mà ông Tùng-Vân không phải là không phải là không có tài, và tâm-hồn ông cũng là một tâm-hồn đầy thi-vị. Cứ xem như khi nào ông dịch thoát một bài — thì bài ấy hay lắm. Như bài « Hoàng-Hạc lâu » chẳng hạn. Bài này những người hiểu thơ Đường đều cho là rất hay và rất khó dịch. Tản-Đà cũng có dịch ra. Tôi sao-lục ra đây bài chữ nho và hai bài dịch của Tùng-Vân và của Tản-Đà để tiện các bạn

đọc *Tao-Đàn* so-sánh, tưởng cũng là một cái thú-vị.

Nguyên tác :

Tích nhân dĩ thừa hoàng-hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng-hạc lâu.
Hoàng-hạc nhất khứ, bất phục phản,
Bạch-vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán-dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh-vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Bài dịch của Tản-Đà

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,
Mà nay Hoàng-hạc riêng lầu còn trơ !
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán-Dương sông tạnh, cây bầy,
Bãi xa Anh-Vũ xanh dầy cỏ non.
Quê-hương khuất bóng hoàng-hôn,
Trên sông, khói sóng cho buồn lòng ai

Bài dịch của Tùng-Vân

Người tiên xưa cưỡi hạc vàng cút :
Ở đây chỉ thấy lầu Hạc trơ !
Hạc vàng đã cút chẳng về nữa,
Mây trắng nghìn năm còn phất-phơ.

Sông họp Hán-Dương cây sát sát,
Cỏ liền Anh-Vũ bãi xa xa.
Ngày chiều, làng cũ ta đâu tá !
Mây nước trên sông, khách thẫn-thờ.

Cùng một thời-kỳ, Tản-Đà dịch những thơ Đường đăng trong báo, thì ông cũng dịch cho nhà Tân-Dân xuất-bản bộ « Liêu-Trai Chí-Dị ». Bộ sách gồm bốn trăm bốn mươi tám truyện tất cả. Tản-Đà đã lựa trọn mà dịch, lựa trọn lấy những truyện hay nhất. Nhà Tân-Dân mới cho ra được một quyển đầu, gồm hai mươi truyện. Chắc còn nhiều lắm nữa (1) thì Tản-Đà đã mất !

Nhưng một quyển đầu ấy cũng đủ cho ta thấy cái tài dịch văn xuôi của Tản-Đà rồi.

Có một điều ta nên nhận xét : là mỗi một truyện trong « Liêu-Trai » cũng chẳng khác gì một bài thơ. Có lẽ vì thế mà Tản-Đà đã dịch với tất cả cái công-phu của một nhà thi-sĩ. Cái công-phu ấy, ai đọc cuốn « Liêu-Trai » thì cũng phải nhận thấy ngay. Tôi lại đã đọc cả bản dịch « Liêu-Trai » của một người nào, mà không thấy ký tên, ra từng tập nhỏ, mà tôi « thuê » ở các hàng sách cho thuê cùng với các bộ « Anh-hùng

(1) Tản-Đà dịch được tất cả bốn mươi truyện rồi. Hai mươi truyện đã in vào quyển đầu. Còn hai mươi truyện sẽ in vào quyển thứ II, và sẽ cho ra rất gần. Chúng tôi cũng xin trích ngay một truyện dịch chưa hề in ấy, đăng hiến bạn đọc ngay trong số đặc biệt *Tao-Đàn* này. — Tân-Dân))

Náo », « Chinh-đông Chinh-tây », v.v... Đọc bản dịch ấy qua rồi, thì tôi lại càng thấy cái công-phu của Tản-Đà rõ-rệt. Bản dịch kia tối-tăm, bối-rối, dài giòng bao nhiêu, thì bản dịch của Tản-Đà sáng-sủa, gọn-gàng, và thi-vị bấy nhiêu. Tản-Đà lại khéo, trong những lời nói của những người trong truyện, để nguyên những chữ « vậy », chữ « bởi » v. v... và cái cú-pháp của người xưa, làm cho bộ truyện giữ được cái nét « cổ » riêng biệt của nó. Đến những bài thơ, rải-rác trong truyện, thì có lẽ khó mà có một người dịch được đúng và hay bằng thế. Bộ dịch « Liêu-Trai » của Tản-Đà thực là một công-trình quý-báu trong văn-học việt-nam.

***

Tôi đã được gặp Tản-Đà tất cả ba lần. Mỗi lần tôi đều được nghe những chuyện rất thú-vị và vui-vẻ. Hai lần sau, mỗi lần tôi được nghe một bài thơ ông mới dịch xong, một lần ở nhà Tản-Đà, trong tỉnh Hà-Đông, và một lần trong một... nhà hát.

Lần trong Hà-Đông, tôi cùng vào với Nguyễn-Tuân, Vũ Trọng-Can và Lê Tràng-Kiều. Bốn chúng tôi vào để dự một bữa tiệc cuối cùng rồi, để nhà thơ tiên của chúng ta rời khỏi đất Hà-Đông ra Hà-Nội « doanh-nghiệp ». Nhưng ông bảo khẽ với chúng tôi là ra Hà-Nội tránh cái thù-hằn của một vị quan. Chính hôm ấy, uống rượu xong, chúng tôi đã được ông cho xem một cái tài mà có lẽ chưa ai được xem bao giờ, của ông,

là cái tài múa kiếm (1). Trong khi uống rượu lẽ cố nhiên là chúng tôi nói chuyện về văn thơ. Chúng tôi nói ông đọc cho nghe những tác-phẩm mới. Ông đọc một bài thơ vừa mới dịch xong. Bài thơ là bài tả mùa thu.

Đọc rồi, ông nói : « Ấy cái việc dịch thơ để đăng báo, nó làm cho mình cũng phải tùy thời như các nhà báo. Dạo này mùa thu, nên cũng phải dịch một bài về thu ».

Nói dứt ông cười ha-hả.

Hôm ấy chúng tôi vào chừng 11 giờ mà bữa rượu mãi đến 5 giờ chiều mới xong. Xong bữa rượu, là chúng tôi cùng ông ra ngay Hà-Nội.

Mấy hôm sau Tuân lại đến rủ tôi xuống ông Tản-Đà. Bây giờ ông đã mở một ngôi hàng xem số và cũng là một trường dậy chữ nho. Tuân và tôi xuống để học buổi học đầu tiên. Nhà trường ở rất gần các nhà.., hát. Học xong chúng tôi mời ông Tản-Đà đi hát. Lần này, ông Tản-Đà đọc cho tôi nghe bài thơ « đề-từ » cuốn « Liêu-Trai » cũng là bài thơ ông vừa dịch xong.

Lần này, tôi được biết một sự rất quí báu là cái cách ông Tản-Đà dịch thơ, văn. Ông đọc :

Nói láo mà chơi ! nghe lác chơi !
Đàn dưa lún-phún hạt mưa rơi.
Chuyện đời hằn chán không buồn nhắc ;
Thơ-thần nghe ma đọc mấy nhời !

Rồi ông nói :

(1) Xem bài : Tản-Đà Kiếm-Khách.

— « Tôi đã dịch bài này trên xe điện đấy, các ông ạ. Thế này : Hôm ấy là ngày in đến những trang cuối cùng của cuốn « Liêu-Trai » rồi. Bài thơ này, tôi phải đưa ngay. Thế mà lúc bước chân lên xe điện để lên nhà in chưa có một chữ nào cả. Nhưng lên xe cũng không nghĩ đến dịch. Thấy có mấy người nhà-quê, tôi còn ngồi nói mấy câu chuyện phiếm. Rồi bỗng không biết sao, tự-nhiên thi tứ nẩy đến. Tôi ngồi nhẩm dịch. Mà chỉ có một quãng chừng độ từ chợ Hôm đến bờ Hồ thì đã xong. Đến nhà in chỉ còn việc chép ra ! »

Ông nói dứt, rồi lại cười ha-hả. Ông uống một hớp rượu rồi tiếp :

— Phần nhiều những thơ, văn tôi đều dịch dễ-dàng như thế cả. Mà cái *hứng* nó đến không biết lúc nào...

Ông lại cười. Cái cười vui đời thế và vô lự. Cái cười vui thế, có ngờ đâu chỉ mấy tháng sau ông đã không còn ! Được ít lâu tôi về quê để lánh cái bức của Hà-Nội, xem báo hằng ngày biết ông mất, lên đến nơi, thì đám tang ông đã cử-hành rồi. Tôi ngậm-ngùi, buồn bâng-khuâng. Và tôi nhớ nhất đến hai lần ông đã đọc những bài thơ mới dịch cho tôi nghe. Tôi nghĩ : Giữa lúc văn-chương ta đang bồng-bột tiến, cái sự hiểu biết những xuất-phẩm văn-nghệ kiệt-tác của Tàu xưa thực là một điều cần thiết. Thế mà Tản-Đà khuất đi thực ta khó tìm được một người khác, để mà thế chân ông trong cái công-nghiệp dịch thuật mà ông còn bỏ dở. Nghĩ như thế thì ta càng tiếc ông.

NGUYỄN-XUÂN-HUY

ẢNH TẢN-ĐÀ

(khi mới ba-mươi tuổi)

Bút-tích của thị-sĩ Tản-Đà

Bài đề-từ « Liêu-Trai Chi-Dị »
của Vương Ngư-Dương do
Tản-Đà chép lại và dịch.

Nói láo mà chơi! nghe láo chơi!
Giàn rưa lún-phún hạt mưa rơi.
Chuyện đời hẳng chán khi buồn nhắc,
Thơ thẩn nghe ma đọc mấy lời.

nguyên-văn.

姑妄言之。姑聽之。
豆棚瓜架雨如絲。
料應厭作人間語。
愛聽秋墳鬼唱詩。

Cô vọng ngôn chi, cô thính chi,
Đậu bằng qua giá vũ như ty:
Liệu ưng yếm tác nhân-gian ngữ,
Ái thính thu-phần-quỉ xướng thi.

Hoàng Tản Đà

Chức-Thành

Trong hồ Động-đình, thường có chuyện « Thủy-thần mượn thuyền ». Gặp có thuyền để không, giây buộc chợt tự-nhiên như có người cởi ra, trôi đi chơi mọi nơi, chỉ nghe ở trên khoảng không, tiếng đàn nhạc vui-vẻ ; người lái đò phải nằm núp một xó, nhắm mắt mà nghe, chẳng ai dám ngẩng lên nhìn coi, mặc thuyền muốn trôi đi đâu thời đi. Xong cuộc chơi như thế, thuyền lại về đỗ ở bến chỗ cũ.

Có Liễu-sinh đi thi hỏng về, say rượu nằm ở trên thuyền. Tiếng kèn nhạc chợt nổi lên, người lái thuyền lay Sinh mãi không tỉnh, vội náu mình xuống ở dưới phản thuyền. Bỗng chốc, có người đến đẩy Sinh ; Sinh say lắm, liền theo tay lăn xuống, vẫn cứ nằm ngủ, cũng bỏ mặc kệ đấy. Một lát, kèn trống nổi lên váng tai, Sinh lúc ấy hơi tỉnh ra, nghe thấy mùi lan sạ cả chung quanh, thử nghé mắt trộm xem, đầy thuyền toàn là những con gái đẹp. Bụng biết rằng có sự lạ, mắt lại nhắm lại.

Một lát nữa có tiếng truyền gọi « *Chức-Thành* » ; liền có một người hầu gái đi đến, đứng gần ở chỗ mép; chân đi bít-tất sắc chim chả, giầy bé nhỏ chỉ như cái

ngón tay. Bụng lấy làm yêu thích, lấy răng trộm cắn vào bít-tất. Lát nữa, người con gái cựa mình để đi, vì vướng chân mà ngã gục. Ở trên thuyền hỏi. Dưới tâu trình là vì thế. Ông ngồi trên độ nổi giận. liền sai đem đi làm tội giết chết. Bèn có kẻ võ-sĩ, trói Sinh lôi đứng dậy. Thấy một người trông mặt về hướng Nam, mũ áo ra dáng dấng vương-giả. Sinh nhân vừa đi, vừa nói rằng :

« Nghe vua hồ Động-đình là họ Liễu, tôi cũng là họ Liễu. Xưa vua Động-đình thi hỏng, nay tôi cũng thi hỏng. Vua Động-đình được gặp con gái rồng mà thành tiên (1), nay tôi vì say rượu bỡn một nàng hầu

---

(1) Truyện *long-nữ* của Lý-chiêu-Uy đời nhà Đường chép rằng :

Liễu-Nghị hỏng thi, sắp định đời ở tại bến Hồ, gặp một người dàn-bà chăn dê ở bên đường. Nghị hỏi. Người kia thưa rằng :

« Thiếp là con gái nhỏ của Long-quân hồ Động-đình, gả về con thứ vua Kinh-dương, mà bị người chồng khinh rẻ, lại có mang tội lỗi với bố mẹ chồng, vậy bị đầy khổ đến như đây. Nghe rằng ông đi về Ngô, muốn nhờ đưa hộ một bức thư. Ở phía bắc hồ Động-đình, có một cây quýt lớn, gõ vào cây ba cái, thời sẽ có người ra tiếp... »

Nghị đi đến Động-đình, gõ ba cái vào cây, quả chốc lát có người võ-phu ở dưới sóng đi lên, chào mời và hỏi rằng :

« Quí-khách ở đâu đến ? »

Nghị nói : « Muốn được hầu tiếp Đại-vương. »

mà bị chết. Sao mà may cùng không may, khác nhau đến như thế ? »

Đấng Vương-giả nghe thấy gọi về và hỏi rằng : « Mày là học-trò đi thi hỏng, phải không ? »

Sinh vâng. Bèn truyền cho bút giấy, sai làm bài thơ « mái tóc gió sương (1) ». Sinh vốn là học-trò hay chữ có tiếng ở vùng đất Tương-Dương, mà nghĩ tứ văn hơi

---

Võ-sĩ rạch nước trở lối đi, đưa đến chỗ cung vua, nói rằng : « Đây là điện Linh-hư. Rồi thấy một người mặc áo tía, cầm ngọc xanh. Người võ-phu nói :

« Đây là vua tôi đây. » Nghị thưa rằng :

« Tôi thấy con gái yêu của Đại-vương, hiện chăn dê ở ngoài cánh đồng, đầu sương tóc gió, không nỡ nhìn kỹ. »

Bèn lấy tờ thư đưa trình lên. Vua Động-đình xem rồi, bưng mặt mà khóc. Sai đưa truyền bức thư vào trong cung. Tả hữu đều chầy nước mắt cả. Vua bảo tả hữu rằng :

« Đừng để cho vua Tiền-đường biết. »

Nghị nói : « Tiền-đường là người nào ? »

Đáp rằng : « Là người em yêu của vua tôi. »

Bỗng chốc rồi thấy tiếng cười nói nôn-nao, trong có một người ngọc đeo đầy mình, áo lụa mỏng so-le vặt, nhìn coi thời tức là người gửi thư trước đó. Vua cười bảo Nghị rằng :

« Người phải giam cấm ở sông Kinh đã đến đó ! »

Bèn cho Nghị ngủ lại ở điện Ngưng-bích, họp các họ-mạc thân, tấu nhạc ầm-ỹ, tiếng trống lớn, trống con, kèn sáo cùng nổi, cờ gươm uy-nghi, hát múa hết vui-vẻ. Rồi cho theo nhau cùng về hồ Động-đình. Sau nữa không được rõ tung-tích.

(1) — Mấy chữ đây tức là ở trong truyện Động-đình, cho nên dùng để ra đầu bài.

chậm, cho nên lúc ấy cầm bút nghĩ mãi thật lâu. Vua buồn, trách rằng :

« Danh-sĩ sao được chậm thế ? »

Sinh buông bút ra tự trình bạch rằng:

« Ngày xưa bài phú Tam-đô, mười năm mới xong (2); vậy viết văn quí hay, mà không quí ở chóng. »

Vua cười mà cũng nghe cho. Từ giờ *thìn* đến giờ ngọ, bản chép mới xong. Đấng Vương-giả coi rồi, lấy làm vui lòng lắm ; khen rằng : « thật là danh-sĩ thật ! » Bèn cho rượu uống. Phút chốc, những thức ăn ngon lạ bưng lên thật nhiều. Đương trong lúc vua hỏi mà Sinh thưa, một sứ-giả cầm tập sổ dâng lên, tâu rằng :

« Sổ chết đuối đã làm xong. »

Hỏi :

« Số người bao nhiêu ? »

Thưa lại rằng :

« Một trăm hai-mươi tám người. »

Hỏi rằng :

« Kẻ đi trông việc là ai? »

Thưa rằng :

« Hai quan úy Mao và Nam. »

Sinh đứng dậy, chào xin lui.

Đấng Vương-giả ban cho mười cân vàng, và một

---

(2) — Tả-Tư đời Tấn làm bài phú « Tam-đô », nhặt từ mười năm mới xong đủ.

cái giới-phương bằng thủy-tinh; bảo rằng: « Trong hồ hơi có vận-nạn, cầm cái này có thể khỏi bị hại. » Rồi chợt thấy tàn quạt, người ngựa đứng sắp hàng cả ở trên mặt nước, Vương-giả ở thuyền xuống, đi lên kiệu, bèn không thấy đâu nữa; lại lúc lâu, im vắng. Người lái thuyền mới từ trong gầm thuyền chui ra, đánh thuyền để về bắc.

Giữa hồ, trái gió không sao đi được. Chợt thấy ở dưới nước có một cái mỏ neo bằng sắt nổi lên, người lái thuyền sợ khiếp, nói rằng: « Quan tướng-quân họ Mao hiện ra rồi! » Các thuyền, bao khách buôn đều nép hết. Không bao lâu, trong hồ có một cái cây đứng thẳng tắp, nhay-nháy lay động, càng sợ lắm, nói rằng: « Quan tướng-quân họ Nam lại cũng ra rồi. » Một lát, sóng đánh rất dữ, cao lên ngợp giời; nhìn các thuyền ở hồ, trong một lúc ụp hết. Sinh cầm cái giới-phương giơ lên, ngồi đương-nhiên ở giữa thuyền; lớp sóng lớn cao đến muôn trượng, gần thuyền cũng phải tan hết. Nhờ thế mà được toàn yên không việc gì.

Sinh về, mỗi lần cùng người ta nói chuyện về sự lạ đã gặp ấy, lại nói đứa hầu gái ở trong thuyền, dẫu chưa rõ hết ráng vẻ, nhưng cứ một đôi chân nhỏ đi giầy, cũng đã là người đời không từng thấy có.

---

(3) — Cứ hai chữ «*Giới-phương*» 界 方, ở Tự-điển, Từ-nguyên không thấy có, mà có chữ « *Giới-xích* » 界 尺, nghĩa là cái thước để kẻ chữ, chắc tức là nghĩa đó, muốn cẩn-thận vậy cứ để nguyên-âm là *Giới-phương*.

Sau nhân có việc đi đến Vũ-xương, gặp có bà già họ Thôi rao bán đứa con gái, nghìn vàng cũng không ưng bán ; có giữ chừa một cái giới-phương bằng thủy-tinh, nói có ai cũng có để so hợp như thế, thời gả cho. Sinh lấy làm lạ, về đem giới-phương mà đi. Bà già vui mừng ra tiếp, gọi cả cô gái ra chào nữa. Tuổi mười lăm, mười sáu đồ lại. Lịch nhã phong-lưu, vẻ đẹp thật khó có ai ví. Mới chào qua một cái, quay mình trở vào màn che. Sinh trông thấy mới một lần, hồn-phách đã lay động, nói rằng: « Kẻ tiểu-sinh cũng có chừa một cái, không biết cùng với cái của chừa ở nhà bà già, có xứng vừa với nhau không? » Nhân cùng đem ra so-sánh xem, thời dài ngắn không sai một ly. Bà già mừng, liền hỏi chỗ ở, xin Sinh về thuê xe kiệu, cái giới-phương cứ để đây làm tin. Sinh không chịu để. Bà già cười nói rằng : « Ngài cũng hẹp bụng quá lắm ; thân già này có đâu vì một cái giới-phương, mà đem mình lẻn trốn đi hay sao? » Sinh khó nghĩ quá, không dùng được mà phải để lại.

Ra liền thuê xe quay lại ngay, mà trong nhà mụ đã không có ai. Sợ quá. Hỏi khắp những người ở quanh không ai biết cả. Mặt trời đã xế tây, nóng ruột như đốt, đành chỉ buồn-bực mà trở về.

Giữa đường, gặp một cái xe đi qua, chợt thấy vén rèm xe lên, nói rằng : « Chàng Liễu sao chậm thế? Nhìn coi, thời là bà già Thôi, mừng hỏi là đi đâu. Bà

già cười, nói rằng: « Hẳn cậu ngờ cho tôi lừa-lật hẳn! Sau lúc cậu đi khỏi, sẩy gặp có cái xe tiện đi; tôi nghĩ Ngài cũng là cảnh ở trọ kiếm được xe cũng khó, cho nên tiện muốn tiễn cô dâu về bằng thuyền thôi. Sinh mời quay xe lại. Bà già nhất định không nghe. Sinh lật-đật quá, không biết thế nào là tin, chỉ liền chạy vội xuống thuyền, thời cô gái và một đứa con hầu đã ở đó. Thấy cái bít-tất mầu thúy, giầy đỏ, không cùng giống với sự ăn mặc của người thị-nhi dưới thuyền tý nào; trong bụng lấy làm lạ, để mắt nhìn quanh mãi. Cô gái cười nói rằng: « Mắt chăm-chắm trông mãi, có phải là chưa thấy bao giờ chăng? » Sinh càng cúi xuống để dòm xem, thời đằng sau bít-tất, vết răng cắn còn nguyên vậy. Giật mình nói: « Mình là Chức-thành à? » Cô gái bưng miệng chỉ cười mỉm. Sinh vái dài và nói rằng: « Mình quả là người thần, xin sớm cho biết rõ, để khỏi bụng ngờ lạ ». Cô gái nói:

« Nay bảo thực anh, khi trước gặp ở trong thuyền, tức là vua hồ Động-đình đấy. Kính mến cái tài của chàng, bèn muốn đem tôi làm tặng. Nhân thiếp lại được Vương-ghi quá yêu, cho nên về bàn với bà Phi; nay thiếp lại đây, là theo lệnh bà Phi cho đến. »

Sinh mừng, giữa tay, đốt hương, trông về hồ lạy tạ, bèn cùng dem nhau về.

Sau đến Vũ-xương, cô gái xin được cùng theo đi, tiện đường về thăm nhà. Đã đến hồ Động-đình, cô

rút cái thoa ném xuống nước, chợt thấy một cái thuyền con ở trong hồ lên. Cô gái nhảy xuống như con chim hay đậu vậy, chớp mắt đã như biến đi mất. Sinh ngồi ở đầu thuyền, cứ chỗ vừa chìm lặn để mắt ngắm, xa xa thấy một chiếc thuyền lần đến, lúc đã gần, cửa sổ mở ra. Vụt như con chim đẹp lượn qua, thời Chức-thành đã tới. Một người từ trong cửa khuân ném ra những vàng, lụa, các thức quí lạ rất nhiều, đều là của bà Phi cho cả. Từ đấy, mỗi năm một hai lần chầu thăm, lấy làm lệ thường. Cho nên nhà Sinh giấu có các thức châu báu, mỗi lần đưa một vật gì ra, các nhà thế-gia không thể biết được.

TAN-ĐÀ NGUYÊN KHẮC-HIẾU
(Liêu-Trai Chí-Dị)

Tản Đà, một kiếm khách

Ông Tản-Đà mất. Đến như ai mà chả thương, chả khóc. Cái đó là sự dĩ-nhiên. Ai mà cấm ai khóc ai được. Thứ nhất là khi giọt nước mắt chính-đáng kia gặp được dịp để chan-hòa. Vả chăng, nếu lúc hấp-hối, biết mình sắp về và lại biết người sống dục-địch sắp khóc mình, nếu lúc ấy ông Tản-Đà còn đủ cái tỉnh-táo làm lá chúc-thư có một khoản xin đời đừng nên thương tiếc mình và nhún-mình, khuyên người sống để dành cái nước mắt gừng ấy dùng vào những việc khác to hơn, thiêng hơn, người ta cũng cứ không kiêng nể những cái ý muốn cuối cùng của ông và cứ khóc-lóc như thường. Không cho người bây giờ khóc Tản-Đà, thì định bắt người bây giờ phải khóc những tên bán nước ở cái buổi giao-thời còn kéo dài mãi này hay sao?

Tính theo lối tang-lễ chi hậu, cứ thất-thất lại lai tuần, tính đến ngày số báo đặc-biệt này lên khuôn in, thì ra nơi bàn thờ ông Tản-Đà, cũng chỉ mới có ba bốn tuần đèn nhang.

Nơi nghĩa-chủng Quảng-Thiện, làng Thanh-Xuân, có một cái mả mới, tấc cỏ vừa bén rễ chưa đủ làm đều kín một cái mầu xanh buồn-bã. Có người đi thanh-

mình vào lúc trái mùa, trông thấy cái mả mới, lại nhớ đến bài cổ-phong *Thăm mả cũ bên đường*, cất lên cái tiếng thương xót không mất tiền, đã hỏi một cách bâng-quơ: «*Biết có quê đây, hay vùng xa*»? Đối với những người như thế, thì «*suối vàng sâu thẳm biết là ai*» thực đấy! Nhưng với chúng ta, chúng ta đều biết rằng đấy là một

« ... *kẻ văn-chương*
« *Chen hội công-danh nhỡ lạc đường.*
« *Tài cao, phận thấp, chí khí uất.*
« *Giang-hồ mê chơi quên quê-hương.* »

Không những chỉ thế, chúng ta lại còn biết thêm những dật-sự về đời sống một thi-nhân, một người lỗi-lạc...

Thuật ra đây những dật-sự thuộc về Tản-Đà tôi muốn người ta hãy cởi bỏ khỏi đầu óc những thành-kiến của dám thế-nhân tầm-thường đi đã. Đừng nên tặng cho người chung quanh mình hai tiếng quái-vật. Đừng nên gọi người chung quanh là điên, là loạn óc. Nếu thực ra trong nhân-loại vẫn có một số người điên đặc-biệt, thì chính cái thiểu-số điên cuồng quái-dản ấy, có những lúc, đã giúp đẹp, góp tốt và làm vui cho cuộc đời quá tẻ, quá xấu và đáng buồn bực này. Có phải bây giờ, mà từ những bao giờ, đám nghệ-sĩ đã bị đời sống khuôn-phép của người chung quanh coi như những quái-vật sống để mà kéo dài sự kinh-động qua cái luân-lý mãn-nguyện của mọi người. Như một giọt mật

gấu làm rẽ khối nước nông tụ trong lòng đĩa mỗi khi rỏ xuống từ một bề cao, đăng tài-hoa rớt vào đám người thường để cho họ phải lánh xa mình với bao nhiêu là kinh-hoảng. Ở mọi thời-gian và không-gian, cái thiên-tài sống với cái ngộ-nghĩnh của riêng mình, mỗi lần muốn vượt lên lề-thói là một lần lại được dời tặng cho danh-hiệu : đứa con hoang của thời-đại. Bởi thế cho nên có mấy ai chịu hiểu tại sao lại có những người nhất-định thức trong lúc mọi người đều ngủ, để dút hai cẳng chân vào bì gai đựng mạt thủy-tinh tán nhỏ như bột. Bảo rằng đấy là một cái thói quen của một thi-nhân lúc túng một vận thơ gieo, người ta, không cần suy-nghĩ, đã hạ một câu bạc-bẽo: « Lũ quái-gở, lũ điên rồ ! »

Bởi thế, mấy aiđã biết đến cái giá-trị của một cái cổ tay áo sơ-mi cứng, trên đó nguệch-ngoạc những giòng chữ ký-âm ghi lại thanh-âm một bản đàn mà nhạc-sĩ thoáng nghe giữa một cơn mơ tàn và một cuộc rượu tỉnh.

Người đời đã không ngượng-nghịu gọi Newton là một cái quái-tượng khi nhà vật-lý-học làm náo-động cả một kinh-thành, ngăn trở cả sự đi lại trong đường phố đến nỗi cảnh-binh phải can-thiệp, chỉ vì nhà vật-lý-học đang cầm hòn phấn làm một bài toán kỷ-hà-học vào đít thùng xe chưa xong hết, thì chiếc xe vận-tải đã vội quay nhanh vòng bánh rời chỗ. Trời ôi, bao giờ cho nhân-gian hết được những quái-tượng như thế. Có mà tận-thế.

Giờ đây, tôi lại muốn đem một cái quái-tượng của xứ-sở ra trình với mọi người: Tản-Đà Nguyễn Khắc Hiếu nhất-danh nữa là Âm Hiếu. Người ấy, mặc dầu là vừa nằm xuống, có một cái tuổi cao và một cái danh to, ta vẫn có quyền gọi một cách trống-không đến cái tên hèm mà không bất-kính một tí nào. Bởi vì xưa nay những người của Lịch-sử thường bị gọi thế.

Tôi tiếc rằng thời-tiết lúc này không cho tôi đốt được một lò hương dượm để ngồi cho được ung-dung mà kể chuyện người ngày xưa.

Người ngày xưa... lôi-thôi lắm.

Tôi hãy bắt đầu bằng cái lôi-thôi của Nguyễn-khắc-Hiếu đi tắm bể Sầm-Sơn. Thứ đến là cái lôi-thôi của Tản-Đà khi cuốc cả nền nhà người ta lên để làm vườn trồng rau thơm. Rồi thứ nữa là đem ra giới-thiệu một ông Tản-Đà... múa kiếm!

Gánh văn lên bán Chợ Giời; gửi thư lên thiên-đình cầu-hôn; xuống bể Sầm-Sơn bơi đứng và ăn hải-sản sống; lên rừng tịch-cốc; uống rượu xâm-banh với nem chua trên toa xe lửa tốc-hành; đi thăm mả vua Tây-Sơn với cái lối khấn ngang-tàng: «*Bắc-kỳ Sơn-tây-nhân Nguyễn Khắc-Hiếu kính quá thử địa*», làm náo-động cả quan-nha một vùng địa-phương Bình-Định, quái gở ôi là quái-gở vậy thay. Chưa cho là đủ ngông, chưa chịu chấm dấu hết, cái «quái-tượng» ấy lại còn cầm đốc một thanh kiếm múa-may quay-cuồng nữa. Có đáng sợ không?

Thật là « *đợi chưa chán tớ, tớ còn chơi* » có như thế, vong-linh thi-nhân ạ!

* * *

Đất thừa-lương Sầm-sơn hồi ấy còn mộc-mạc lắm. Người các nơi, khinh hẳn xứ Thanh coi không bằng mẻ, đâu đã chịu tới đấy nghỉ mát. Có họa là từ ngày có viên lưu-trú-quán Pháp là ông Colas chịu trích tiền ra sửa-sang bãi biển cho nên hồn thì cái thiên-hạ phong-lưu vùng Bắc-hà mới chịu tới Sầm-sơn ở cho trọn một vụ hè. Nói thế, không phải là bảo rằng Sầm-sơn hồi ấy là một nơi mọi rợ, người ta có quyền tắm không có quần áo che thân-thể. Hồi ấy, mặc dầu Sầm-sơn là bãi biển tồi-tàn, mặc dầu cuộc sống ở đấy là giản-dị, muốn được ngâm mình xuống nước mặn, giữa cảnh tự-nhiên, một người biết tự-trọng vẫn phải có đủ một bộ áo tắm. Tôi còn nhớ hình như hồi đó, cái ông lý-trưởng sở-tại ở chốn hải-tần cũng chiều-chiều phải thắng vào người một cái maillot mầu huyết-dụ.

Nhà thi-sĩ của chúng ta là một người hoàn-toàn của thời cũ, vốn không quen với sự âu-hóa về phục-sức, hôm đi tắm bể, đã hết sức cầu-thả. Người ta dừng vội tưởng thi-sĩ đã hiện nguyên-hình trên bãi cát bể Sầm-Sơn đâu.

Thi-sĩ cởi trần trùng-trục, cái quần vải tây-cống có giây lưng lụa buộc hờ ngoài, được buông hẳn cạp lá-

tọa xuống. Con người ta đã nặng về phần ăn, thì nhẹ về phần mặc, thường là thế.

Nơi giây lưng lụa, một bên thi-sĩ cột một be rượu, một bên giắt một con dao nhọn mũi.

Thế rồi là ông Tản-Đà từ-từ đi xuống nước mặn. Tây và đầm, buổi chiều đó, đã nguýt một tên dân chài-lưới bản-xứ bơi gần họ và dám gạt cái quả bóng cao-su xanh đỏ mà họ đang tung ném cùng nhau nô rỡn. Họ có biết đâu rằng đấy là một cái nhân-tài của nước Nam ta.

Thế rồi là ông Tản-Đà cứ bơi đứng — bơi đứng xin nhớ kỹ cho tôi — ra mãi ngoài xa, tìm được những tảng đá sống trâu nổi lên mặt nước mới chịu nghỉ. Đấy là những miếng đá thừa-thải của mũi bể Cồ-Rùa, ngoi xa ra biển. Chỉ có những người biết bơi lặn và mà mạo-hiểm lắm thì mới dẫn ra tới đấy. Ông Tản-Đà cố bơi ra tận đấy để uống ngay tại trận một bữa rượu. Ông mở nút chai rượu giắt ở giây lưng, vừa nhìn cái sóng bạc đầu, vừa tu ừng-ực. Lấy mũi dao nhọn, ông cậy những con hầu bám vào đá giống như một cục khoáng-chất, bổ đôi từng con hầu ra, móc lấy ruột sống, ăn rất ngon lành, thỉnh-thoảng lại chép miệng vì thiếu mất ít gia-vị. Chả nhẽ giờ lại cất công vào bờ vì một múi chanh, một dúm hồ-tiêu sọ quên mang theo! Bóng tịch-dương phía bờ cát, đã nhuộm đỏ ối cánh rừng phi-lao đang rung-động nổi một

cuộc hòa-nhạc với cái hải-triều-âm. Bóng tịch-dương viền cái hình-thù ông Tản-Đà một mầu đỏ gắt. Đỏ gần được như mặt người say rượu. Mầu đá lúc bấy giờ tím ; nước xanh như cánh chim chả ; sóng trắng như thủy-ngân. Giữa những cái ầm-ầm không mỏi-mệt và có mầu sắc lạnh-lùng như thế đang va đụng vào nhau, ông Tản-Đà ngồi yên-lặng nậy những con hầu với một cái mặt đỏ gay. Chúng ta đã có cả một ông Lý-thiết-Quài cổ-quái đang ngồi ấp một cái sụ đá, vọng ra cái mênh-mông của bể Đông. Ăn no tắm mát rồi, lúc đặt chân lên dải cát vàng, thi-sĩ của chúng ta nhìn cái mây nước vô-hạn cảm, và muốn át cả tiếng bể động, nói rất to

— Nhất sinh, chưa bao giờ ta được hả đến như thế.

Lại một lần, vào giữa hồi thất-thế, tiên-sinh được một người bạn liên-tài vời ra đưỡng-nhàn tại vùng Quảng-Yên. Cuộc đi ở đậu này là một cuộc ở nhờ dài hạn. Chủ và khách rất tương-đắc.

Nhân một buổi chủ-nhân vắng nhà, không biết buồn tay buồn chân thế nào mà ông Tản-Đà cho dẹp hết cả bàn ghế bầy ở phòng tiếp khách lại một góc tường. Rồi cầm lưỡi thuổng, tiên-sinh đã cậy bật hết mấy lượt gạch đá hoa nơi nền nhà. Chợt thấy chủ-nhân về, tiên-sinh chống thuổng cười hề-hề, chỉ cái đống đất và cát ngổn-ngang trong lòng một thước vuông diện-tích gạch

hoa bị lật tung, hình như muốn ai cũng phải như mình, phải cùng thưởng-thức với mình một công-trình phá-hoại nho-nhỏ như thế. Thấy chủ-nhân chậm lĩnh-hội, tiên-sinh phải cắt nghĩa :

— Ấy, định trồng ít cái húng Láng. Ăn uống thiếu rau cỏ, nhiều khi bực đến chết. Chén rượu nào cũng cứ nhạt phèo.

***

Bây giờ mới đến chuyện ông Tản-Đà múa kiếm.

Hồi năm ngoái, vào tiết sen tàn đã cụp lại trên mặt ao những chiếc lọng rách, pha vào cái già-nua của cây cỏ một mầu dỉ sắt, tôi và vài ông bạn nữa kéo nhau về làng Hà-trì ở gần tỉnh Đơ. Ông Tản-Đà đã đính-ước cùng chúng tôi là gặp nhau ở đấy, hôm chủ-nhật, để đánh chén. Gặp ông Tản-Đà, thường bao giờ cũng lấy rượu ra làm đầu sai ; nếu không đại-yến được thì ít ra cũng phải tiểu-ẩm. Hôm ấy, thịnh-soạn. Thi-nhân khoe rằng vừa mới lĩnh (!) được một món tiền nhuận-bút. Thảo-nào, rượu hôm ấy có lẫn mùi đảng-sâm. Và sớm hôm ấy, tôi thấy được một ngày không có giờ. Trong lúc chủ khách thu-ẩm, sự đời cứ chầm-chậm, nhè-nhẹ như cái hồi nước Cổ Việt-Nam chưa bị nhà-nước Pháp tới ở, có những người tuổi-tác vào lớp cha anh chúng ta, ăn bữa gỏi cá sinh-cầm mất những một ngày một đêm. Đối câu đối :

Nhân tiền nhất bôi tửu ;
« Bách thế thân hậu danh »

dọi chủ-nhân để vào giấy hồng-điều gián phủ lên cột nhà, đã có sức mạnh cám-dỗ bọn tôi nên quên hết mọi cái băn-khoăn ở đời và lúc này chỉ nên say. Biết trước bữa ăn phải kéo rất dài ra cho nó hợp với phong-tục trong túy-hương, tôi nhỏ-nhẻ, gắp rất chậm. Bao giờ cho tôi quên được cái con cá chắm nướng, mình dài đúng một thước ta nằm trên tàu lá chuối giữa bàn ăn. Thuận tay, tôi ngồi gỡ con cá nướng, trong ruột nhồi đầy những thứ lá thơm-tho. Tớp xong một hớp rượu có mùi khê-khê, tay tôi gỡ cá ra từng mảnh nhỏ, miệng tôi nói với dám tiệc :

— Trước khi gặp Tần Thủy-Hoàng để hành-thích, có lẽ người Chuyên-Chư học nướng cá mấy năm ròng ở đất Ngũ-Hồ, cũng chỉ khéo đến thế này là cùng.

Cả bàn tiệc cười xòa. Ông Tản-Đà giục mọi người cầm đũa:

— Anh em mình ăn ngay cho nóng. Kệ lão ấy gỡ cá. Hắn có tài, thì hắn phải làm đầy-tớ bọn ta. Sự đời thường vẫn thế ! Hè, hè.

Lúc gần triệt-soạn, tôi nằn-nì với chủ-nhân :

— Người ta đồn cụ múa kiếm có nhiều đường đẹp lắm. Anh em hôm nay muốn được xem.

Mỗi người thêm một câu. Rút cùng, Phục — người con thứ thi-sĩ — đã đưa cho cha một con dao phay. Nhưng trước khi bình-thân, ông Tản-Đà đã thét người nhà lấy mấy tấm liếp bằng cót che kín mặt nhà trước lại. Và đóng kín cả hai tấm cửa sổ ở phía sau nhà trông ra vườn nữa.

Tôi đã hiểu thầm tại sao ông Tản-Đà có sự cẩn-thận này. Đấy là dớp sợ-hãi của những năm Đông Du và Đông-Kinh Nghĩa-Thục còn để sót lại trong người thi-nhân. Cái sợ đó, cái cẩn-thận đó là những cái lo-lắng chính-đáng của những nhà nho sống vào thời cụ Quận Thái-Xuyên Hoàng-Cao-Khải, vào thời quan Khâm-Sai Lê-Hoan, mà vẫn nhớ luôn là trong nhà mình có quyển sấm Trạng-Trình, một cuốn binh thư và trong cái đòn ống gác bếp, vẫn có một thanh quất ép lưỡi vào tấm bìa một cuốn sách tính số Thái-Ất. Trước khi múa kiếm, ông Tản-Đà nghiêm-trang như một võ-sĩ sắp lên tỉ-thí trên lôi-đài nói với mọi người:

— Môn kiếm này của Tư Đạt truyền cho tôi.

— Tư Đạt?

— Con ông Đô-Thống Thuật ấy mà. Ngày xưa, tôi năng tập, công-phu lạ. Bỏ đã lâu lắm, chả biết bây giờ có đi được cả bài không. Ấy thế mà dù có nhớ, cũng khó mà đi hết được.

Trong gian nhà tối lờ-mờ, mọi người nhận thấy một cái bóng trắng lượn múa trên hai bộ ngựa ghép sát

lại. Ông Tản-Đà mặc áo trắng dài. Cũng tiến lên, lùi xuống, bước đi gò theo một luật phép rất khắc-khổ. Cũng múa trện, đỡ dưới. Chưa bao giờ, tôi tập đánh kiếm. Nhưng hồi còn ở lao, có mấy người tù đàn-anh đã đi cho tôi xem cả môn độc-kiếm, cả môn song-kiếm và giảng sơ-sơ cho tôi về môn kiếm-thuật. Căn cứ vào những nhời xa-xôi ấy, tôi thấy ông Tản-Đà hôm ấy múa tròn lắm, đường kiếm lúc nào cũng che kín người. Và có những đoạn loạn-đả, ông Tản-Đà có những miếng sả và tuốt cũng lợi-hại lắm. Chả biết lúc sự thực phải cho đổ máu thì kiếm-thuật sẽ như thế nào, nhưng ở phút múa kiếm sau cơn rượu, tôi thấy thi-nhân đẹp lắm. Và nhớ tới một cuộc bút-chiến, ông Tản-Đà đã lên án chém ông Phan-Khôi mà tôi sợ.

Tôi nhìn xuống nhà dưới thì ở khung cửa nhà ngang, bà Tản-Đà đang thập-thò với vẻ khiếp sợ rõ-rệt. Nghỉ múa kiếm, ông Tản-Đà gọi thứ-nam:

— Phục ơi! Ở, con bỏ quần áo vào va-ly cho cậu. Chiều nay cậu ra Hà-nội.

Rồi quay lại phía chúng tôi, ông nói về chuyện kiếm:

— Tứ phương, bát diện. Những lúc tứ diện thụ địch, những lúc hỗn-chiến, thanh kiếm sát-phạt đã nhiều lắm, chư hiền ạ.

Vẫn không quên sắp hành-lý để chầy ra Hà, thi-nhân bỏ vào va-li một cái nghiên mực, một đĩa son và

một tập cổ-thi. Cái va-li ấy là một chiếc va-li cũ-kỹ đã bật cả khóa, chẳng khác gì cái va-li của một ông Đồ Nghệ mới ra Bắc làm thuốc. Say rượu, rồi múa kiếm; cất kiếm rồi hỏa-tốc sắm va-ly lên đường như là một khách không nhà, sao người ta lại không sống vào thời Trung-Cổ để làm một kẻ hiệp-sĩ nhỉ? Chưa bao giờ, tôi buồn một cách rất thi-vị như buổi chiều ấy.

Cái buổi chiều ấy là một buổi chiều ông Tản-Đà khởi-hành ra Hà-nội để rồi đi mãi mãi, đi... thẳng luôn vào Lịch-sử, của nước Việt-Nam văn-chương.

Bãi bể Cửa-Lò, tết Đoan-Ngũ.

NGUYỄN TUÂN

Ông Tản-Đà đi bàn việc để tái-bản An-nam tạp chí

Nguyên-nhân chính trong những cuộc làm ăn thất-bại của ông Tản-Đà là sự làm việc rất thiếu trật-tự của ông. Mà chính cái đức tính đặc biệt ấy nó đã đào-tạo nên thành nhà đại thi-hào của nước ta vậy.

Nhiều bạn-bè vẫn kêu ông chỗ đó, song nhất định ông không sửa đổi. Bởi vì ông không cho sự mất trật-tự là một tính xấu, trái lại, ông còn bảo :

— Tôi vào chơi nhà ai, mà thấy không có tí mạng nhện trăng, không có rác-rưởi dưới gạch, không có ấm chén để lung-tung và nước non đổ bừa-bãi trên bàn, thì tôi cho như nhà không có ai ở, hoặc như nhà có người chết vậy.

Bởi thế ta không nên lấy làm lạ, khi thấy ban ngày trong khi mọi người làm việc, thì thi-sĩ ngủ, mà ban đêm, trong khi mọi người ngủ, thì thi-sĩ làm việc.

Ngày tôi làm giáo học tại trường Nam-sách, vào một hôm thứ bảy, gần nghỉ hè năm 1929, khi đương giảng bài « Thề non Nước » cho học trò làm bài tập đọc,

thì tôi tiếp được thư của ông Tản-Đà, trong vẻn-vẹn có hai giòng :

Đến mai tôi xuống Hải-dương sẽ sang Nam-sách chơi với ông để nói chuyện về An-nam tạp-chí.

Tôi mừng rỡ, báo cho học trò biết rằng chúng sẽ được biết mặt nhà thi-sĩ mà bấy lâu chúng hâm-mộ và được học văn.

Nhưng đến chiều hôm ấy, cả học trò tôi lẫn tôi đều thất-vọng : ông Tản-Đà của tôi chẳng giống một mảy-may ông Tản-Đà mà tôi giới-thiệu với học-trò.

Là vì khi trông thấy thi-sĩ gần tới trường, tôi trỏ cho học trò nhìn ra, thì thi-sĩ đương ngủ gật trên xe, khoanh cái khăn vào cánh tay. Lúc xe đỗ phịch, thi-sĩ choàng một cái, suýt ngã bổ xuống đất !

Ông Tản-Đà vốn tính vui vẻ, nên bừng mắt dậy, trông thấy tôi, ông đã cười ngay, và cười rất to, để tỏ sự ngạc nhiên :

— À, ra đường gần nhỉ.

Nghĩa là thi-sĩ chỉ biết rằng khi mình bước chân lên xe thì là Hải-dương, mà khi xe đỗ thì đã là ngay Nam-sách rồi.

Vì chưa đến giờ tan học, nên tôi mượn một người học trò đưa ông Tản-Đà về nhà riêng. Ông nói qua loa cho tôi biết rằng ông say và mệt lắm.

Tan học, tôi vội-vàng ở trường về nhà, chan-chứa bao nhiêu hi-vọng : Từ ngày ông thất-bại về An-nam tạp-chí năm 1926, tôi chưa gặp ông, vì trong thời kỳ ấy, ông vào Nam-kỳ làm Đông-pháp thời báo của ông Diệp Văn-Kỳ.

Nhưng đến nhà, tôi lại bị thất-vọng lượt nữa : thi-sĩ đang ngủ say quay mặt vào trong, nên mấy ông bạn tôi muốn xem mặt thi-sĩ đành chịu lỗ vốn thì giờ và phải lắc đầu trở về.

Tôi không muốn làm tan giấc ngủ của ông, nên không đánh thức ông. Tôi dong đèn chờ ông dậy để cùng ăn cơm. Tôi chắc rằng bữa này, ông Tản-Đà hẳn lấy làm như ý lắm, vì có rượu lậu tốt, lại có những thức ăn ông rất ưa. Tôi chờ cho đến mười hai giờ đêm, ông Hiếu mới dậy.

Nhưng dậy thì dậy, mà ông vẫn mệt lử. Ông nói rằng ở Hải-dương ông đã uống nhiều, lại ăn xong, đi nắng ngay, nên trong người rất khó chịu.

Tôi lấy dầu cho ông bôi. Và sau khi uống tàn ấm chè tầu, ông hỏi có trứng gà tươi, thì rọn cho ông mấy quả để ông ăn cho lại người.

Nhưng sau khi uống vài chén rượu, và hút hai quả trứng, thì ông buồn nôn, và nôn đến nỗi cả nhà tôi phát sợ.

Nôn xong, ông lại nằm nghỉ. Trong khi ấy, chó cả xóm tôi cắn inh, và văng-vẳng tôi còn thấy tiếng người

nhà tôi gọi cổng hàng xóm om-xòm để xin chanh và rau thơm, là những thức ông Tản-Đà chưa thấy rọn trong bữa cơm.

Chừng ba giờ sáng thì ông Tản-Đà dậy hẳn. Lần này ông tỉnh-tao lắm. Ông đòi khênh phản ra sân nằm cho mát và nói rằng cái lần ông say thần tiên nhất là một tối ông uống rượu ở giữa sân với ba người nữa, cả bốn người cùng uống nhiều đến nỗi đương ăn thì lần lượt gục cả xuống ghế trường kỷ tre, ngủ lúc nào không biết. Nhưng lúc mở mắt dậy, cả bốn người đều ngạc nhiên, vì thấy nằm ở trong nhà. Thì ra ông chủ (cho ông thuê nhà) vì sợ sương đêm, đã khuân cả bọn đồ-đệ Lưu-Linh trong khi bốn vị say túy-lúy.

Ông nói hết cả những chuyện lặt-vặt, ngộ-nghĩnh, buồn cười từ khi báo An-nam tạp-chí ở Hàng Lọng đình-bản mà ông quyết đi du-lịch Đông-dương với vài đồng bạc. Ông bảo khi ở Nam-kỳ ông uống toàn cognac thay rượu lậu đến nỗi có vài tháng, nhà ông chất đến một tường vỏ chai. Ông cho tôi biết vì sao ông không ở Nam-kỳ nữa. Thú vị nhất là cuộc trở về Bắc lần sau cùng của ông với cái túi rỗng không, cuộc thăm mả Nguyễn-Huệ bị một ông bạn làm Tuần Vũ tỉnh ấy sai lính giải về dinh, v.v.

Nghe hành-trình từ Bắc vô Nam, từ Nam ra Bắc của ông, tôi kính-phục ông thêm, vì tôi nhận thấy ông đổi khác hẳn trước.

Rồi thi-sĩ ngâm cho tôi nghe những bài thơ mới làm.

Trong khi tôi quên cả buồn ngủ, để chăm-chú vào câu chuyện, trong khi chúng tôi thỉnh-thoảng cười vang, trong khi thi-sĩ sang-sảng lên giọng đọc thơ, thì không ai để ý đến cái gì cả. Nhưng hôm sau, ông hàng sóm tôi, cho con sang nhà tôi dò xem « cái ông khách đầu bạc » của tôi còn đó không, ông khách ấy đêm qua đã làm huyên-náo quá, đến nỗi nhiều người mất cả ngủ.

Đêm hôm ấy tôi không chợp mắt một tý nào. Mà hai chúng tôi nói chuyện rất nhiều, song có lẽ hai người cùng quên cả câu chuyện chính là việc An-nam tạp-chí, nó đã làm ông Hiếu về chơi với tôi.

Sáng hôm sau, tôi đắt ông Tản-Đà đến giới-thiệu với ông Nguyễn Trọng-Thuật, ở gần nhà. Rồi khi trở ra về, ông Tản-Đà thốt nhiên bảo :

— Hay là ta đi Hải-dương, nhân tiện đến nhà Trịnh Đình-Rư nói chuyện thì hơn.

Thế là chúng tôi lại thuê xe ra Hải-dương ngay.

Nhưng đến Hải-dương, chúng tôi cũng chẳng nói chuyện được gì cả. Vì giữa đường, chúng tôi bị xe nổ bơm, phải kéo bộ mất gần năm cây số dưới trời nắng chang chang. Cho nên đều mệt lử, và kiếm chỗ mát để nằm lăn ra ngủ.

Đến chiều, thi-sĩ đòi về Hà-nội, và tôi cũng phải về Nam-sách. Khi xe lửa sắp tới, ông Tản-Đà cười :

— Thôi, chuyện mở báo, để bao giờ ông lên Hà-nội, tôi mới nói được.

Và nghĩ đến cuộc đi chơi vô ích, ông nói thêm rằng :

— Cái lần thứ nhất tôi vào với ông Diệp Văn-Kỳ cũng vậy, ở từng ấy ngày trong Saigon, mà chẳng có lúc nào nói đến chuyện báo với ông Kỳ, đến lúc ra xe về Bắc, tôi vẫn còn say, chỉ dặn ông ta có một câu : Tôi say quá, để đến kỳ sau tôi vào, tôi sẽ nói chuyện.

* * *

Rồi tôi phải đổi lên Lao-kay.

Thế là tôi vẫn chẳng được dự bàn việc tái-bản báo An-nam tạp-chí.

Mãi tận đến gần nghỉ hè sau, ông Tản-Đà mới viết giấy cho tôi — cũng chỉ độ hai dòng — rằng ông sẽ lại ra tạp-chí An-nam, và báo-quán ở Bờ Hồ (Francis garnier).

Nghỉ hè, một hôm tôi đến thăm ông mục-đích hỏi về việc làm ăn của ông, nhưng suốt từ chập tối đến nửa đêm, không lúc nào ông ngớt khách đến chuyện phiếm. Mà báo sắp đến kỳ phải ra.

Tôi buồn ngủ, phải nằm ghé vào bàn đèn thuốc phiện bầy ở phản cạnh bàn làm việc của ông, mà giấy má, muối, vỏ trứng, bụi hòa-lò bừa-bãi.

Đến đêm khuya, chừng lối hai ba giờ sáng, tôi chợt thức dậy mở mắt ra thấy trong không còn ai nữa. Nhưng lúc ấy, ông Tản-Đà cũng nằm yên co quắp

trên ghế xích-đu ngắn trước bàn giấy và nhắm mắt. Ông nằm nghiêng mình, co một cánh tay lên đầu làm gối.

Tôi lại nhắm mắt, để ngủ. Chợt đánh sịch một cái, tôi nhìn, thì tôi thấy một cảnh rất thương tâm : ông Tản-Đà đu ghế ngồi lại gần bàn, và loay-hoay viết và viết được vài dòng, ông lại ngả ra nằm, vẫn nằm nghiêng, gối đầu tay như trước.

Thì ra không phải ông ngủ thật. Ông vừa ngủ vừa nghĩ vừa làm văn. Từ lúc ấy về sáng, ông nhổm dậy như thế đến năm sáu lượt nữa.

Tôi chợt nghĩ đến nhiều lần ông đọc từng đoạn văn cho bà Hiếu chép hộ — vì ông giáp ở trong óc — hoặc những khi ông nằm ngửa trong màn, cầm bút nhỏ đơ bản-thảo lên trước mặt mà viết — bản-thảo là một quyển đóng bằng giấy vũ ri để cả khổ rộng.

Sáng hôm sau, tôi chờ ông dậy để đưa bài « Xã-hội ba-đào-ký » và nói cho ông biết rằng tôi không có thì giờ ở Hà-nội nữa, thì ông buồn-rầu, bảo :

— Hỏng mất, ông ạ, không biết có ra được số sau hay không.

Nhưng chỉ buồn thoáng qua, ông lại đổi nét mặt vui ngay, ông nói vài câu chuyện buồn cười và dặn :

— Nếu thất-bại lần này, tôi lên Lao-kay ở với ông lâu đấy.

* * *

Quả nhiên ông Tản-Đà không nói sai về số-mệnh báo An-nam, và quả nhiên ông giữ lời hứa.

Mấy tháng sau, chắc thi-sĩ cho rằng lời dặn mấy tháng trước của ông có giá-trị như bức thư báo tin trước vài hôm — ông lên Lao-kay với tôi. Song suýt ông bị bơ-vơ vì tôi đã đổi đi nơi khác hơn một tháng.

NGUYÊN-CÔNG-HOAN

Tản-Đà ở Nam kỳ

Từ khi Tao Đàn dự-bị ra số đặc-biệt về giấc mộng lớn của ông Tản-Đà, các ông tòa-soạn có bảo tôi viết một bài, đầu-đề mặc tôi lựa chọn.

Cái đó là lẽ tất-nhiên.

Đem cái giao-tình của tôi với ông Tản-Đà đặt trước cảnh kẻ còn người khuất, nghĩa-vụ của tôi đã buộc tôi không thể khiết-nhiên với số tạp-chí có ý-nghĩa ấy. Huống chi lại thêm có lời yêu-cầu của anh em.

Chỉ tiếc lâu nay tôi ít gần ông Tản-Đà. Từ ngày ở Nam ra Bắc, thấm-thoắt đã dúng mười năm, tôi chỉ gặp ông độ bốn, năm lần, mỗi lần chừng nửa giờ hay một giờ. Trong khoảng đó, tình-tình tư-tưởng của ông ra sao, tôi không được rõ. Và tôi biết ông cũng lại khí muộn. Cái năm 1925, tôi dịch cuốn Cẩm-hương-đình bán cho Tản-Đà thư-điếm, bấy giờ mới giáp ông một lần đầu tiên. Trước đó, thân-thế ông thế nào tôi cũng không được biết kỹ.

Vậy thì, về ông Tản-Đà, tôi sẽ viết gì. Phê-bình văn-nghiệp hay tán dương nhân-phẩm của ông, hẳn là những việc mà một người đã thân với ông như tôi không được phép làm.

Tôi đã nghĩ đi, nghĩ lại. Trong cái trang thi-sỹ của cuốn Việt-Nam Văn-học-sử sau này, dầu sao mặc lòng, ông Tản-Đà vẫn là một người đứng đầu của thời-đại này. Thế thì bao nhiêu dật-sự của ông, có lẽ đều là tài-liệu để cho người sau khảo-cứu về ông. Nhưng những dật-sự của ông ở Bắc, bà con chắc đã nhiều người biết rồi. Cái mà, ngoài tôi, trong các bạn thân của ông ở đây, ít ai hiểu rõ, có lẽ chỉ là thời-kỳ ông ở Nam.

Vì vậy, tôi mới chọn cái đầu-đề trên kia. Và tôi sở-dĩ phải nói ra ngoài đề nhiều thế, chỉ cốt để khỏi có ai phải hỏi tại sao tôi viết về ông Tản-Đà có vậy?

Ông Tản-Đà vào Nam tất cả ba lần. Lần cuối cùng tôi không được biết. Lần thứ nhất, cái cớ đã đưa ông đi chỉ là sự thất-bại của An-nam tạp-chí.

Khi ấy An-nam tạp-chí ra ở hàng Long. Trong tòa-soạn có ông và tôi. Cái tài viết báo của ông thế nào, chắc ai cũng đều rõ cả. Còn tôi, thì mới bắt đầu bước vào làng báo, sức-lực hãi còn non-nớt, nhiều bài đến nay nhớ lại mà xấu-hổ mướt bồ-hôi. Ấy vậy mà An-nam tạp-chí vẫn được độc-giả hoan-nghênh, nhất là độc-giả trong Nam. Cái đó hoặc-giả cũng là dư-trạch của « Giấc mộng con » « Khối tình con » để lại.

Nguyên-nhân làm cho tờ tạp-chí ấy phải chết là rượu. Đành rằng nếu không có rượu, thì ông Tản-Đà sẽ không thành ông Tản-Đà. Nhưng trong khi nó làm cho ông Tản-Đà thành ông Tản-Đà, chính

nó cũng là thủ-phạm làm cho An-nam tạp-chí không có bài đưa nhà in.

Bấy giờ An-nam tạp-chí xuất-bản mỗi tháng hai kỳ, nhưng mấy tháng sau, nó đã đảo lại : mỗi kỳ hai tháng.

Trong lúc chiếc « thuyền nan » đã bị hết sức trèo chở, thì ông Tản-Đà tiếp được bức thư đầy những hứa-hẹn của một hạn độc trong Nam, ký tên là Nguyễn-Thành-Úc. Đặt hy-vọng chứa-chan vào bức thư ấy, ông Tản-Đà mới quyết đi Nam. Khi tới Saigon, cái hy-vọng ấy đã bị tiêu-tan trong lúc giáp mặt người viết thư, thì ông Tản-Đà lại gặp ông Diệp Văn-Kỳ.

Với một nghìn đồng bạc của ông Kỳ đưa tặng, ông Tản-Đà lại trở về Bắc để trang cái nợ của An-nam tạp-chí. Rồi ông lại vào Nam khi số tiền đó không còn đồng nào trong túi. Đó là lần thứ hai.

Lần này, ông có ý muốn « đóng đô » ở Nam, cho nên tới nơi ít lâu, thì ông có thư ra gọi gia-quyến và bảo tôi vào để viết An-nam tạp-chí.

Chẳng ngờ khi tôi vào đến Saigon, ty kiểm-duyệt trong ấy không nhận duyệt bài của một tờ báo ngoài Bắc, An-nam tạp-chí không thể ngụ-cư ở đó, ông Tản Đà mới giới-thiệu tôi vào viết với ông, cái trang văn-chương trong Đông-Pháp thời-báo của ông Diệp-văn-Kỳ.

Ở chỗ này hình cũng cần phải nói đến tiền. Là vì trong những cái khác người của ông Tản-Đà, đức tiêu tiền cũng nên để ngang với tài thơ và tài rượu.

Bấy giờ ở Đông-Pháp thời-báo, lương của tôi là 80 đồng. của ông Tản-Đà một trăm, và ngoài ra, mỗi tháng ông còn vay riêng của ông Diệp-văn-Kỳ thêm một trăm nữa. Vậy là hàng tháng chúng tôi có tới 280 đồng. Nhưng không tháng nào mà ông Tản-Đà không phải lật-đật về chạy tiền nhà.

Cái nhà của chúng tôi ở kề-tiếp với Xóm-Gà, nó là một nơi nhà quê thuộc làng Bình-hòa, cách Bà-chiểu độ 4 cây số và cách Saigon độ 10 cây số. Nhà có bốn gian. Một gia-đình ông và tôi thuê một gian thì cũng hơi chật, nếu thuê hai gian, thì đủ lắm rồi. Nhưng vì tòa nhà ấy mới làm xong, chúng tôi là khách đến ở đầu tiên, cho nên ông Tản-Đà nhất-định thuê cả bốn gian : một gian làm buồng ngủ, một gian làm buồng giấy, một gian làm buồng ăn, còn một gian nữa thì để mắc một cái võng đem ở Bắc vào.

Theo sự xếp-đặt ấy, sau khi nhà đã thuê xong, ông Tản-Đà liền đi mượn người phá mấy bức tường ở giữa để lấy đường thông gian nọ sang gian kia và lấy gạch xây cái bề cạn.

Giá nhà này cũng không lấy gì làm đắt. Tất cả bốn gian, có hai tấm đồng. Với số lương của chúng tôi, nó

chỉ là một phần mười chứ gì. Thế mà tháng nào cũng phải khất-độ vài bốn hẹn.

Tôi còn nhớ, một hôm chủ nhà thúc-dục riết quá, ông Tản-Đà, sau khi đã ăn cơm tối, phải thân-hành lên tận Saigon xoay tiền. Vào khoảng 11 giờ đêm, thì thấy ông về với chai rượu rhum, con vịt quay và vài món khác. Mới thoạt vào cửa, ông liền nói với tôi bằng giọng ngạc-nhiên :

— Hỏng cả ông ạ !

Tôi hỏi cái gì thì ông thản-nhiên cắt nghĩa :

— Chỉ vay được hai chục đồng, trả tiền nhà cũng thiếu tám đồng, tôi mua ít đồ đánh chén, tất cả hết hơn mười đồng

Rồi ông gọi cu Vang — một đứa đầy-tớ tâm-phúc của ông, lúc ấy đã gần ba mươi tuổi — sắp-sửa mâm bát và đem con vịt quay ra chặt.

— Chén đã ! Tiền nhà rồi lại xoay !

Dưới ánh trăng vằng-vặc của tiết cuối năm, chúng tôi ngất-nghều trên chiếc chõng tre kê ở giữa sân với chai rượu rhum và cái ngông của ông Tản-Đà, tưởng như vũ-trụ không lấy gì làm lớn.

Anh em trong Nam hồi ấy hình như đều coi cái ngông của ông là sự đương-nhiên, cho nên không ai cưỡng lại.

Có lần ông cử Tùng-Lâm đã bị mắng oan vì nó.

Bấy giờ ông Tản-Đà tuy coi phụ-trương văn-chương của Đông-Pháp thời-báo, nhưng công-việc xếp-đặt trang báo ấy thì ở ông Cử Tùng-lâm. Một hôm, vì thiếu bài, ông Tùng-Lâm mới phải thêm vào một bài thơ lai-cảo. Khi báo ra, ông Tản-Đà hạch ông Tùng-Lâm về sự chuyên-quyền ấy. Ông này cãi rằng : Bài thiếu, báo cấn lên khuôn, tôi không thể xuống tận Xóm-gà để hỏi bài của ông! Ông Tản-Đà lấy làm tức-giận và mắng thêm :

— Nếu thiếu bài thì bỏ trắng đấy cho tôi. Không xin phép tôi mà cho bài thơ kia vào đấy, thế là ông hỗn.

Ông Tùng-Lâm chỉ cười.

Lại một lần, nhằm ngày mồng một tết âm-lịch, anh em tòa-soạn Đông-Pháp thời-báo đến thăm ông Diệp-văn-Kỳ. Trong khi ông Kỳ mở các thứ rượu ra uống, ai nấy đều say loáng-choáng, cố nhiên say nhất thì ông Tản-Đà. Ông Bùi-thế-Mỹ đến sau, liền bị ông Tản-Đà đùa dỡn đuổi bắt. Cái gác mà chúng tôi ngồi tuy rộng, nhưng những thống, chóe và cốc đồ-đạc bày ra gần chật. Trong lúc ông Tản-Đà đuổi theo ông Mỹ, ba, bốn anh người nhà ông Kỳ cứ phải chạy miết theo chân hai ông để giữ những thứ đồ kia, vì sợ các ông ấy va vào nó. Bà Diệp-văn-Kỳ ngồi trong vỗ tay cười reo, ông Đào-Trinh-Nhất thì mỉm-mỉm cười nụ.

Nóng máu là ông Trần-Quí, thấy ông Tản-Đà diễn mãi trò ấy, ông Quí cau mày và gắt

— Làm cái gì thế? Người ta coi như cinéma kia kìa.

Ông Tản-Đà vẫn không tha ông Mỹ và trả lời ông Quì thế này :

— Ông phải biết cái thằng trong Cinéma nó không biết người ngoài là ai.

Nhất sinh tư-tưởng của ông Tản-Đà có thể thu vào câu đó. Chính ông đã tự coi ông là một người bóng trong phim cinéma, quốc-dân, xã-hội, mà đến cả thế-giới nữa, đều là những người ở ngoài. Như thế, đối với ông, sự yêu ghét chê khen chỉ là sự thừa. Vì vậy, tôi cũng không muốn nói nhiều về ông.

NGÔ TẤT-TỐ

Tản-Đà tửu điếm

« Muốn ăn rau sắng Chùa Hương,
« Tiền đà ngại tấn, con đường thời xa.
« Người đi, ta ở lại nhà,
« Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm »

* * *

« Cá Sông Hoài, ta đã ăn,
« Ước sao gái Sở nem Tần mới ngon »

Bạn tôi là một người hết sức yêu thơ Tản-Đà. Mỗi lần đặt chân lên đất Hanôi là anh lại hỏi :

— Ông Tản-Đà vẫn ở trên này chứ ? Chúng ta xuống thăm ông đi. Tôi mới chỉ nghe danh, chưa từng được gần người.

Đã có bảy tám lần, bạn tôi bắt tôi đưa xuống ông Tản-Đà. Bảy tám lần, bạn tôi đều không được toại-ý. Không lần nào, thi-sĩ có nhà. Tôi chưa từng thấy người nào đi vắng một cách tàn-nhẫn như vậy và tôi chưa từng thấy người nào trong số bạn tôi kiên-nhẫn như vậy, kiên-nhẫn trong sự đi thăm quý-nhân.

Lần này, tôi đã vui-vẻ được giới-thiệu bạn tôi cùng thi-nhân, tại chính nhà thi-nhân.

— Thưa cụ, đây là ông C..., cũng người trong mạch thư-hương. Những bài sầm và tản-văn của cụ, ông có thể đọc thuộc lòng.

— Mời chư-hiền ngồi.

Tôi tủm-tỉm, đưa mắt cho bạn tôi rồi nói tiếp :

— Hôm vừa rồi, tôi có nói chuyện với cụ trên tầu điện là một người bạn xa, xuống hầu thăm cụ đã đến bẩy tám bận mà không lần nào được gặp. Chính là ông C... đây.

— Xin mời chư-hiền ngồi.

Thi-nhân có vẻ mệt nhọc, trên mặt còn bự ra cái hơi rượu của một bữa tiệc nào. Ông Tản-Đà ngồi chuyền trà tầu và chúng tôi uống nước để chờ đợi. Bạn tôi nhất-định là đang quấy lưỡi bẩy lần, nghĩ một câu nói đầu-tiên gì cho thực khéo để cởi mở đến cái túi thơ của ông Tản-Đà. Thăm thi-nhân không nói chuyện thơ thì bàn chính-trị sao ? Bạn tôi xoa hai bàn tay vào nhau yên-lặng, một thứ yên-lặng hiền-lành. Bỗng ông Tản-Đà, nhìn thẳng vào tôi :

— Hỏng mất ngài ạ.

— ! ? ! ?

— Cái lối nem bì bóp thính mà chấm nước mắm thì láo toét. Đầu vị có bột thính đem chấm nước mắm, thính trôi tuột hết, thế thì mình, còn được cái gì của miếng nem gắp vào bát ? Tôi rất lấy làm để tâm đến việc này lắm.

Tôi tủm-tỉm ; bạn tôi, trên nét mặt, thoáng có sự bực mình, Ông Tản-Đà vẫn luận về sự ăn, dưới một hình-thức khác.

— Sao việc đời lắm cái trái ngược nhau thế, hở ngài ! Tôi đã được biết một gia-đình kia, vợ rất giỏi về món nấu-nướng mà ông chồng thì thật là ăn tro bọ trấu. Bà ta lắm bữa, ngồi chẻ rau muống rất là tỉ-mỉ. Những sợi rau muống quấn lấy nhau trông cứ như là hình con long, con ly. Trông đĩa rau ghém, thực chỉ muốn ngắm cho nó đẹp mắt chứ không muốn ăn nữa. Nem, gỏi, cỗ bát, bánh trái cái gì bà ta làm cũng khéo cả. Mỗi lần làm, bưng lên thì ông chồng không sơi cho chỉ lấy đũa khảy qua mấy miếng. Đấy cũng là một thứ thâm-khuê-oán.

Thấy chỉ có một mình ông Tản-Đà nói về một vấn đề, và bạn tôi lặng thinh cố chờ lúc câu chuyện đổi làn từ chỗ ẩm-thực ra chỗ thơ-văn, tôi chêm vào :

— Thưa cụ, đấy cũng là một kiểu *người ngây cưỡi con ngựa hay* của cụ trong cuốn *Giấc mộng con* vậy.

— Có như thế, ngài ạ !

Ông Tản-Đà vỗ đùi, cười ha-hả để rồi lại nói tiếp về cách ăn uống.

— Ăn uống, cầu nhất là có người hầu. Trong việc ăn, cái thằng bộc là quan-hệ nhất. Như ngài đến chén với tôi, ngài mang thằng bộc đi cho nó hầu ngài và nó giúp một tay đỡ thằng bộc nhà tôi. Mỗi vị có một tên

bộc kèm, bữa rượu ấy nhất-định phải ngon. Có thế mới đủ người sai bảo, ngài ạ.

Tính ra có đến một giờ đồng-hồ. Một giờ đồng-hồ nói chuyện ăn. Bạn tôi bấm khẽ tôi, đứng dậy xin kiếu chủ-nhân. Ông Tản-Đà vái chào và còn dặn với một câu cùng tôi :

— Hôm nào mát trời, chúng ta họp nhau chén một bữa. Tôi kiếm con ba-ba, ngài biện lấy những gia-vị. Cái món « tam-tam » làm cũng lôi-thôi lắm đấy.

Trên con đường về, bạn tôi cứ chẩy cả người ra. Cặp môi cứ dầu ra. Bởi vì định đi nghe thơ mà bạn tôi chỉ thấy thi-nhân, suốt một giờ đồng-hồ, giảng mãi về cái triết-lý ăn.

Chán đời quá. Thật là sốt ruột hơn là nghe kẻ kia làm triết-lý sức mạnh. Người ta bảo muốn yêu và trọng nhau, không nên tới gần nhau, đúng lạ.

*
* *

Đã có bao nhiêu bạn trong làng văn-tự phải kêu-ca về cái bữa ăn của ông Tản-Đà thật quá là bữa thuốc-phiện của người nghiện. Mất cả ngày và có khi lại còn lân sang ngày khác nữa. Chính ông Tản-Đà cũng đã phải nhận như thế.

— Nhất sinh, tôi có một điều này đáng hận nhất. Là có một lần, tình-cờ được biết một ông bạn trí-thức vốn giữ chân vô-tuyến-điện dưới chiếc tàu bể chạy đường Trung-quốc. Ông ta và tôi nói với nhau

nhiều chuyện lý-thú lắm. Lúc chia tay, còn khao-khát. Tôi có hứa với ông, sẽ đưa ông ra tàu, chủ-tâm còn dịnh gửi-gắm một vài nhời tâm-sự lúc bắt tay. Vì tôi uống quá mấy chén, lúc ra tàu, tàu đã chạy mất. Và từ bấy giờ đến nay, đã mười mấy năm rồi, tôi không có dịp nào gặp lại ông ta nữa.

Giá ông Tản-Đà là một chính-khách, là một người sống để hoạt-động giúp xã-hội và tuyên-ngôn lên như thế, thì cái đức ăn uống ấy có thể khép vào tội được. Nếu những việc lớn ở đời thường hỏng vì có một người mải hếnh mắt nhìn một cái bóng người vừa lướt qua với nụ cười chúm-chím, thì cũng có những việc lớn khác không dành được vì một chén rượu uống thêm lúc cao-hứng.

Nhưng, cả một đời ông Tản-Đà chỉ là đời một thi-nhân, sống không hại ai, không ngăn-trở sự tiến-hóa của ai và của cái gì. Tản-Đà có quyền hạ chai bố, đánh ngã chai con, để rồi vơi bên hũ rượu thì lại được đầy phía túi thơ. Đấy là cái quyền của những chân-tài trong phạm-vi văn-nghệ. Những người như thế là những hạng người sống một cách lẻ-loi ở giữa đám đông không hiểu được mình, không muốn hiểu mình, để rồi lúc gần rũ áo, lúc tan một giấc mộng lớn, nói buông thõng một câu :

« *Ai đinh-chung gì với thế-nhân!* »

Tôi đã nghe thấy một số đông người có dịp gần ông Tản-Đà đều kêu những là thất-vọng và thất-vọng.

Phải, ông Tản-Đà, khi nào không làm thơ, thì thực là chán mớ đời. Oscar Wilde đã nói rằng không có gì tầm-thường bằng một nghệ-sĩ ở ngoài cái tác-phẩm của họ. Còn ai anh-hùng bằng Corneille trong những vở kịch trứ-danh như tuồng Lôi-Xích. Vậy mà khi làm một người như trăm nghìn người khác, ở thế-kỷ mười-bảy, có lẽ Corneille là người bẽn-lẽn, nhút-nhát nhất.

Tản-Đà chỉ đáng kể ở những tập thơ nghe êm như nhạc, buồn như lệ-liễu, thiết-tha như lời gọi của bấy nhiêu cung-nữ của tất cả những nước quân-chủ còn sống sót trên thế-giới, và ngông-nghênh như là những cái thiên-tài phất-phơ trong cuộc sống bằng sự thờ-ơ đối với mọi cái ở chung-quanh mình. Tản-Đà đã để hết cái tinh-hoa vào một bài thơ và ngoài câu thơ, người Tản-Đà chỉ còn là ít cặn-bã của một động-vật. Người ta tìm đến gần Tản-Đà, để chứng-kiến cái cặn-bã đó để rồi phàn-nàn.

Nhưng làm gì đã đến nỗi chán như vậy. Cái nghệ-thuật của Tản-Đà không những chỉ trong một câu thơ mà còn ở trong một miếng ăn nữa. Nếu chúng ta không phải là hạng người chặt đầu vịt ngang thớ, sé mực theo chiều gióc và uống rượu vang với bát nấu hải-vị, thì nhiều khi ở gần Tản-Đà, ngoài cái lúc đốt trầm bình-văn, chúng ta cũng vẫn còn thấy đời là dễ chịu — dễ chịu hơn là cái lúc bị lạc vào giữa một đám người thích chiều-chuộng kẻ quyền-thế quây-quần lại để tìm

cho ra một cái sở-thích vật-chất của một ông quan thầy. Cái ăn, đối với Tản-Đà là một cách giải-trí. Và cái thuật ăn uống của Tản-Đà, có thể gồm lại gần như thế này :

Bên một đĩa rau luộc xanh rờn, có một cái gì đáng gần nhất là một quả ớt đỏ hay một quả cà pháo trắng, trắng đến cả cái núm. Nếu miếng thịt gà không được những sợi lá chanh hay những giọc hành hoa vờn lên, thì bữa ăn ấy đừng nên sát sinh làm gì cho uổng. Ở xã-hội văn-sĩ chúng ta có cả một ông Cur Nonsky, một ông Paul Reboux v... v...

Vào quãng cuối 1937, bạn đồng-nghiệp Hiên-Chy xin phép mở một tờ tuần-báo lấy tên là « Ngon », chuyên bàn về vấn-đề ẩm-thực nơi xứ mình, nội-dung cũng có đủ phóng-sự, phỏng-vấn, xã-thuyết, truyện ngắn tiểu-thuyết ngắn và tiểu-thuyết dài. Sao lại không? Một tờ báo, có phải chỉ riêng phải phụng-sự chính-trị thôi không ? Ông bạn Hiên-Chy có bàn với tôi để lập tòa-soạn. Chúng tôi đều đồng-ý mời ông Tản-Đà làm chủ-bút báo « Ngon ». Và cái việc làm thứ nhất là cứ mỗi số in phụ-bản, sau chắp phụ-bản lại thành một bức dư-đồ ẩm-thực của nước An-nam. Mỗi kỳ phụ-bản nói rành-mạch về một địa-phương, có dấu chua vùng nào có vật nào là ngon, là quý. Người trong nước sẽ căn-cứ vào những cái công-trình vụn-vặt, tỉ-mỉ, nhũn-nhặn ấy mà đi về như chầy chợ, đổi trác của nhau và rút cục sẽ yêu nhau như chưa bao giờ thấy

có. Một người đàn-ông ở tận xứ Nam-kỳ sẽ làm bạn trăm năm với một người đàn-bà ở tỉnh Sơn-tây vì một người đã đem từ đàng trong ra một trái sầu-riêng và vì một thiếu-phụ tỉnh Đoài đã cho người đàn-ông kia biết đến hương-vị một củ khoai hương ngoài này. Ai cười cứ cười. Nhưng cái người được cười vào lúc chót, là cái người thấy ở đây, người ta không còn gọi nhau là *cọc-cạch nước* và *cọc-cạch lửa* nữa. Nhiều người đã nhận rằng những tác-phẩm của tiên-nhân mình để lại đến ngày nay đều không được trường hơi. Cuốn nào cũng mỏng-mảnh, vụn-vặt. Phải chăng tại cha, anh mình đã suốt đời làm đứa con ốm của một dân-tộc chỉ ăn rau muống và húp nước rau luộc-vắt chanh ? Ta xem lại Honoré de Balzac và Victor Hugo ăn uống như thế nào, rồi ta sẽ hiểu đến ảnh-hưởng của ẩm-thực về mặt sức-khỏe làm việc. Bộ Comédie humaine há chẳng là cái kết-quả của những bữa ăn dữ-dội của Balzac ?

Tờ « *Ngon* » được phép vào cữ đầu 1938. Tôi có ngỏ ý cùng bạn Phùng Tất-Đắc. Nhưng người sốt-sắng hơn hết vẫn là ông Tản-Đà. Tiếc thay, ông bạn Hiên-Chy không làm được vì không đủ tiền và sau rốt cũng vì tiền, ông bạn Hiên-Chy giờ rạt mãi sang Vân-Nam-Phủ, Ông Tản-Đà vẫn ở nhà để chờ một tờ báo còn nằm trong không tưởng. Bây giờ ông Tản-Đà mất. Nếu trong báo-giới sau này có nẩy ra một tờ

chuyên về ẩm-thực và triết-lý ăn uống thì chúng ta đã thiếu một cái thẩm-quyền rất lớn.

∴

Đã lâu nay, tôi đã thấy rõ tình-cảnh một số người cầm bút sống những ngày rất thiếu-thốn. Ăn thiếu, uống thiếu. Giữa những bữa ăn luộm-thuộm, nhiều khi chúng tôi đã hỏi nhau:

— Sao chúng ta lại không có một nơi ăn cho tử-tế? Nếu không thừa-thãi, không sang-trọng thì ít ra nó cũng phải đủ chớ?

Rồi chúng tôi đã bàn đến việc dựng tại giữa Hà-nội một cái tửu-điếm để cho bọn bần-cốc có nơi đến mà tụ-họp, mà ăn uống cho nó phải chăng. Đấy sẽ là cái câu-lạc-bộ nho-nhỏ của những kẻ sống bằng nghề tự-do, sống với tư-tưởng tự-do. Đến đây, họ sẽ không ngượng-nghịu như là khi lạc vào những gia-đình nền-nếp sống theo cái thời-biểu nhất-định và với những thành-kiến rụt-rè. Họ sẽ tha-hồ đem những bụi-bặm của cuộc đời nghệ-sĩ đến đây mà rũ, mà tẩy. Tửu-điếm sẽ là nhà của họ. Một khi vào đấy ngồi ăn, ngồi uống, mỗi lúc phát-biểu một ý-kiến gì, một tư-tưởng can-dảm gì, họ có cái vui-sướng được nói chuyện trong một cái gia-đình mà mọi phần-tử đều có thể hiểu nhau lấy ít nhiều. Họ sẽ không phải dè-dặt vì những cái dòm ngó khiếp-sợ và chế-nhạo vô-ý-thức của một số người ngoài. Ở đây, một tên bồi bàn không được cái

quyền cười đến một bộ quần áo nhàu-rách, một cái đầu không chải mượt hay một đôi giầy há miệng. Và cái cô nữ-kế-toán ngồi ở quầy hàng, thường không bao giờ được sa-sầm nét mặt xuống mỗi khi họ chậm trả tiền cũ và đã lấy sổ để biên thêm tiền mới. Và mặc dầu đêm đã khuya, họ vẫn có thể đến đấm cửa như thường để nhờ cái bàn ăn hàng ngày, mà viết nốt ít trang giấy, trong một lúc cần kíp.

Cái tửu-điếm này dựng ở Hanội để chứa những người sống bằng cái óc của mình (không kể là nhà báo, nhà tiểu-thuyết, thi-sĩ, họa-sĩ, kịch-sĩ, nhạc-sĩ) sẽ là hình-ảnh của mấy tiệm Cà-phê Văn-chương ở Ba-Lê. Chúng ta sẽ gọi nó là « *Tản-Đà tửu-điếm* » vừa để nhớ đến một cái tên rất đẹp của Văn-giới, vừa là để nhắc đến một cái thẩm-quyền trong làng thơ rượu.

Dựng được nên cái tửu-điếm này, chúng ta không nên chờ đợi ở người ngoài. Chúng ta chỉ chờ được người hiệp-khách đó ở trong bọn chúng ta thôi. Có cùng hội cùng thuyền thì mới có được những cử-chỉ này. Nếu trong bọn cầm bút — bất cứ là bút lông vẽ hay là bút sắt viết và ký-âm — nếu có một người nào làm xong được việc này, ta có thể gọi đấy là cái tác-phẩm bề-thế nhất trong đời nghệ-sĩ đó và, nó còn đáng kể hơn hết cả những tác-phẩm mà một thiên-tài từ trước đến giờ có thể tạo được ở xứ này.

Chiều hôm 7/6, tôi gặp mấy bạn ở ngoài đường phố đình rủ luôn xuống nhìn mặt ông Tản-Đà trước

khi tang-gia đóng nắp quan. Tôi đã buồn rầu vô-cùng khi nghe mấy câu đối-thoại giữa mấy người bạn đứng ở đầu hàng Bông :

— Này, anh đưa tôi lại cái hiệu quen của anh để dùng đỡ-đỡ cái gì vậy. Từ sớm giờ chưa ăn gì. Mà cái hiệu quen của tôi thì nó « đóng » sổ của tôi rồi.

— Phiền nhỉ. Tôi đinh tìm anh, cũng chỉ vì từ sớm giờ tôi cũng mới uống có một tách cà-phê thôi. Lão chủ hiệu cao-lâu của tôi, đóng cửa hiệu, về quê những ba ngày. Nhà nó có việc cưới xin gì ấy.

Cái buồn của tôi đối với người sống, lúc bấy giờ, cũng ngang với cái buồn của tôi đối với một thi-nhân nghèo vừa nằm xuống.

NGUYỄN NHẤT-LANG

Ông soát vé xe lửa với thi-sĩ Tản-Đà

Năm 1932, báo An-nam tạp-chí bị đình-bản lần thứ ba, ông Tản-Đà mới tính sự đem báo vào Vinh.

Vì thế ông năng phải đi Vinh luôn.

Đã có một lần, sáng ông ở Hà-nội vào Vinh, và đêm lại đi luôn xe lửa ra Hà-nội.

Chuyến ấy tôi cùng đi với ông ở Vinh về.

Hành-lý của ông là một cái chai, một cái cốc, dăm quả nem, và một cái khăn mặt ướt, đựng trong cái rổ tròn, bằng tre đan, có quai xách.

Thường lúc buồn ông vẫn uống rượu trên tầu.

Xe chạy được vài ga, ông trùm vạt áo lên mặt để ngủ cho đỡ gió, Tôi hết chỗ nằm, phải ngồi cạnh ông để ngủ gật.

Đến một ga, một ông soát vé lên đánh thức hành-khách rầm-rĩ để làm bổn-phận. Ông ta gắt người nọ, cự người kia. Đương đêm, ai phải dậy không khó chịu, và ai có thể nhanh-nhẩu lấy được vé ra cho ông ta khám ngay.

Nhưng lạ một nỗi là ông ta không đánh thức ông Tản-Đà, mà chỉ ngó nhìn vào cái rổ, có lòi cái cổ chai ra mà thôi, rồi yên-trí, hỏi vé tôi là người bên cạnh..

Thấy sự kỳ-quặc, tôi hỏi, thì ông ta trả lời :

— Thôi, để ông ấy ngủ, ông ấy say dấy mà.

— Ông nào mà ông biết dích thế ?

— Ông Nguyễn Khắc-Hiếu chứ ai ! Lần nào đi tầu không thế.

NGUYÊN-CÔNG-HOAN

Mộng và mộng

Ông Nguyễn-Khắc-Hiếu nói : « Mộng và Mộng, đời người cũng là mộng, mộng là cái mộng con, đời là cái mộng lớn chỉ khác nhau vì giải ngắn lớn nhỏ mà thôi. »

Cái quan-niệm về đời người ấy không phải ông Hiếu đã có đầu tiên, từ hai ba mươi thế-kỷ, người ta đã lầm-bầm « đời là giấc mộng », người ta đã không tin ở phần vật-chất của đời.

Nhưng trái hẳn với tiền nhân ông Nguyễn-khắc-Hiếu không đem cái quan-niệm ấy ra làm một quan-niệm triết-lý, một lý-thuyết hẳn. Ông là một nhà *ngụy-thuyết*. Khi ông nói đời là một giấc mộng, ông còn nhìn thấy mảnh giấy, cán bút, ông còn đang nghĩ một cách sáng suốt, ông không phải ở trong một cõi mộng. Ông biết thế nhưng ông cũng cố tưởng rằng ông đang ở trong mộng ông muốn đánh lừa được trí tưởng-tượng của ông rồi, ông mới đem cái quan-niệm kia ra để phụng-sự một vài chí hướng của ông.

Đời ông là một giấc mộng lớn, trong giấc mộng lớn, ông lại có giấc mộng con, trong giấc mộng con thứ nhất rồi lại giấc mộng con thứ hai rồi lại giấc mộng con thứ ba... ông mộng rồi ông lại mộng. Ông chỉ sống vì mộng mà thôi.

Vì thế mỗi khi người ta đọc ông người ta tưởng-tượng ngay một người nét mặt hàng giờ không thay đổi, trí « tiêu dao những chốn mộng ảo bất kinh ».

Ta có thể tìm được những cớ nó đem ông vào cõi hư-tưởng như ông Phạm-Quỳnh đã nói.

Theo ông thì « đời là một chỗ bắt người ta phải ở ». Sống riêng với cái đời vật-chất, người ta chỉ thấy những cái nhỏ-nhen đáng chán. Sống như vậy thì còn thú vị gì nữa. Muốn tìm thấy ý vị người ta phải thoát ly cái đời vô vị ấy. Ta chỉ cần rời hẳn cái đời mà ta đang sống mà thôi. Tìm một thế-giới khác đó là một sự nhu-cầu của một tâm-hồn đã chán cái đời hiện-tại.

Nhưng nếu một lần mà ông đã xa hẳn cái thế-giới ta đang sống, ông lại sống vào những cảnh đáng buồn thì có lẽ ông sẽ không có giấc mộng thứ hai thứ ba nữa... Không, khi ông mộng, ông được sống những cuộc đời mới mẻ đẹp-đẽ, tự ông vẽ ra theo trí tưởng-tượng của ông. Chính trong những cuộc đời ấy, ông mới tìm được « cái tự-do trong sạch, cái độc-lập thanh-nhàn » mà từ trước đến nay cái óc lãng-mạn của ông vẫn ao-ước. Chính trong những khi ông ngao-du như vậy, ông mới có thể thấy những « cảnh bao la bát ngát » mà trí tưởng-tượng của ông vẫn khao-khát, nào núi tuyết, rừng băng, nào sông Ngân-Hà, nào bể Nam-Minh. Lại trong mộng ông mới có thể gặp được những người trong lý-tưởng.

Ông cho tình ở hạ-giới là hèn hạ, ông tự vẽ ra một người vừa đẹp, vừa giỏi văn-chương. Rồi ông cũng bắt tình với người ấy, ông cũng thư-từ thăm hỏi, cũng biệt cũng ly, cũng cùng tình-nhân ngao-du trên mặt sông : « *một giải nước chong không đáy, hai thuyền con nhè nhẹ cùng bơi; ra đến giữa giòng sông thật là « thu thủy trường thiên nhất sắc », khi đó gác rằm cùng buông thuyền cho trôi xuôi.* »

Những cái động-lực nó bắt ông mộng-mị luôn có lẽ là tính ngông của ông. Cái gì thuộc của ông là ông muốn cho khác đời. Văn-chương thi ca của ông, ông cũng muốn nó là văn-chương độc nhất ; thi tứ của ông ông cũng muốn từ xưa đến nay chưa từng có. Ông dùng cái mộng của ông để cho đời biết

rằng văn của ông là « văn có số hạn », từ xưa đến nay, từ nay về sau chắc không ai bằng, ý ông nghĩ là những ý tưởng ly kỳ người trí thức tầm thường không thể thấu được »; những văn ấy chỉ có trời hiểu và trời đã phê-bình một cách xác đáng:

« Giời lại phê cho » văn thật tuyệt:
Văn trần được thế chắc có ít
Nhời văn chuốt đẹp như sao băng
Khí văn đi nhanh như mây chuyển
Êm như gió thoảng! tinh như sương
Đậm như mưa sa! lạnh như tuyết.

Nhưng văn thơ của ông không thể bán ở trần gian, đã mấy lần ông đem nó lên tận chợ giời để bán.

Về phương-diện tư-tưởng, cái quan niệm về đời người của ông Tản-Đà thật đáng trách. Ông là người có thiên-tài lúc nào cũng có cái mộng làm một nhà văn-học kiêm triết-học, mà ông lại có những tư-tưởng lý-kỳ ấy được. Ông là người lúc nào cũng toan ghé vai vác quả địa-cầu thế mà hổ thẹn vì chán đời mà ngồi tồi mơ tưởng đến những sự không có, để mất thì giờ. Ông viết:

Nhân hồi tưởng từ nửa đêm nay thuộc năm Quí-dậu trở về trước, giấc mộng con là mộng, giấc mộng lớn cũng là mộng. Duyên trái Hà-Thành, thi bay Nam-định đã là mộng, chủ-bút báo Hữu-Thanh, chủ-sự báo An-nam chẳng qua cũng là mộng. Diễn-thuyết Trí-tri, giảng học Hồng-Bàng đã là mộng; thư-điếm phố Hanoi, biệt-thự Vĩnh-yên chẳng qua cũng là mộng. Nghĩ vậy thời lại thấy bao nhiêu năm trước năm Quí-dậu đó đều cũng chẳng có chi là giá-trị mà cứ gì Quí-dậu mộ năm ». (Tản-Đà Xuân sắc). Nếu như vậy không kể những năm đã qua, còn những năm sẽ tới ông còn coi nó ra gì, nghĩ mà tiếc cái tài của ông!

Khi quyển *Giấc mộng con* của ông xuất-bản, ông Phạm-Quỳnh chủ-nhiệm báo Nam-phong, có đứng về phương-diện tư-tưởng mà phê-bình một cách cay-nghiệt, ông coi quan-niệm của ông Tản-Đà là một quan-niệm đứng đắn, một quan niệm triết-lý, một lý-thuyết và « *lý-thuyết ấy có nhiều người công nhận không, hay chỉ là sự mơ tưởng của một bọn chán đời, của mấy tay yêu-quái trong làng văn* ». Ông coi quyển *Giấc mộng con* là một tập văn nghị-luận, vì thế ông Hiếu nói chơi ông bắt buộc lời ông phải *thật*, rồi ông cứ đem những văn chơi ấy ra mà bẻ, bẻ một cách hóm-hỉnh : « *Ông đương ở Sài-gòn, hốt-nhiên thấy vào Sài-gòn, đương ở Sài-gòn hốt nhiên thấy sang Đại-pháp, đang ở Đại-pháp hốt-nhiên thấy sang Mỹ-châu, đang ở Mỹ-châu hốt nhiên thấy lên Bắc-cực, đang ở Bắc-cực thẳng tới bể Nam-Minh như chim Bằng trong sách Trang-Tử. Vùn-vụt lại vùn-vụt, chẳng biết đầu đuôi suôi ngược duyên cớ ra làm sao. Nhưng lạ thay ! đã đi đến thế sao không quá bước lên cung mây hỏi thăm chú cuội !* (Nam-phong 1918). Ông quên rằng những quyển Giấc mộng đều kể vào loại tiểu-thuyết của ông Tản-Đà cả. Có đáng trách chỉ nên trách ông Hiếu đã đem ông ra làm vai chính trong tiểu-thuyết của ông. Khi viết tiểu-thuyết, ông lại quên rằng ông viết cho đồng-bào xem, ông cứ tự tiện tán tụng ông, đặt ông lên trên tất cả mọi người.

Nay ta thử đứng riêng về phương-diện văn-chương và xét mấy *Giấc mộng* của ông.

Ta không nên tin ở các đầu đề mà ông đặc họn. Ông nói cuốn *Ba mươi bảy năm Nguyễn khắc Hiếu* của ông là *Giấc mộng lớn*, nhưng ta đọc Giấc mộng lớn ta không thấy gì là mộng cả. Nó không khác gì những tập ký-ức, những phó tự-thuật của các văn-sĩ Âu-tây. Nó là « một phiến ảnh của tác-giả đưa cùng các bạn tương thân tương ái ở gần xa, cốt quen

biết hay kbông quen biết ». Nó có thể gọi là tập ký-ức viết bằng quốc-văn thứ nhất của ta. Từ khi nó ra đời, người ta đã bắt đầu mạt sát nó, ngày nay người ta đem nó lên xe lửa bán rao, nhưng sau này nó sẽ rất có giá-trị cho ai muốn khảo-cứu về thân-thế và văn-chương của ông.

Còn mấy quyển *Giấc mộng con* chẳng qua chỉ là một phương-tiện để cho cái tâm-hồn thi-sĩ của ông phát-triển. Trong ba Giấc Mộng cảnh và nhân-vật đều có vẻ nên thơ. Những bức thư của tác-giả ký tên Chu-kiều-Oanh đều đã đầy một thứ tình êm-đềm và ý vị. Những bài thơ làm trong khi ông mộng hoặc khi ông đã tỉnh mộng đều là những áng thơ tuyệt-tác:

Giấc mộng mười năm đã tỉnh rồi
Tỉnh rồi lại muốn mộng mà chơi,
Nghĩ đời lắm lúc không bằng mộng
Tiếc mộng bao nhiêu để chán đời.
Những lúc canh gà ba cốc rượu
Nào khi cánh điệp bốn phương giời.
Tìm đâu cho thấy người trong mộng
Mộng cứ mê đường biết hỏi ai.

Nói tóm lại, ta không nên quá nghiêm-khắc khi xét mấy cái mộng của ông. Khi ta đọc xong, ta không xét xem có phải « mộng là cái mộng con đời là cái mộng lớn hay không », ta chỉ nên biết rằng ông đã tìm được trong cái quan niệm của ông những thi-tứ lạ và đáng yêu mà thôi.

LÊ-THANH

Năm xưa, có bài thơ khóc cái kiếp tàn lạnh của nghệ-sĩ. nay xin chép lại để kính viếng nhà đại-nghệ-sĩ vừa khuất.

L.T.L.

Hồn nghệ sĩ

Ta là nàng Ly-Dao
ngồi bến Hoa-Giang khóc trăng sầu,
đếm giọt sương reo, lắng nghe ri-rầu giọng sẻ
Trời đất quạnh-hiu, một mình ta tuôn thầm dòng lệ!
Gớ mối sầu, ta sẽ lựa đường tơ
ngọn lửa chài, con sông trắng, ánh sao mờ, nhấp-nháy.
Hồn nghệ-sĩ lạnh-lùng tê tái
Ngọn cầm-giăng tơ phím, lung-lay
Khi lâm-ly, khi vồ-vập, khi gieo nặng, khi cao bay
rồi một kiếp khóc mướn thương vay cho thiên-hạ!
Cảnh đêm khuya trời giá
Lạnh-lùng thay chiếc bóng Ly-Dao,
ngồi bến Hoa-Giang, khóc trăng sầu!

LƯU TRỌNG-LƯ

Bài điếu-văn của ông Đinh Gia-Trình

(chủ-nhiệm tờ báo Le Monôme, cơ-quan của Tổng Hội Sinh-Viên trường Cao-Đẳng đã đọc trước huyệt thi-sĩ)

Chúng tôi được tin tiên-sinh mất trên mặt báo rất đỗi ngạc-nhiên và thất-vọng. Một giây đàn đã đứt, một nhà thi-sĩ đã qua đời. Nhân danh tờ nguyệt báo Le Monôme cơ-quan của tổng hội sinh-viên trường Đại-học, chúng tôi phút này yên lặng và cảm-động đứng trước linh-cữu tiên-sinh, trong tâm-hồn đầy nỗi tiếc thương.

Một giọt nước mắt giỏ trên nơi mà tiên-sinh sắp yên-nghỉ lâu dài mãi mãi, ly-gián hẳn với đời sống chật-vật, phiền-phức, khó khăn, mà sinh thời tiên-sinh thường coi là một giấc mộng lớn, chúng tôi có cảm-giác khóc cho cả nghệ-thuật của nước Việt-Nam và, — sao ta chả nói thế được, — cho cả nghệ-thuật của chung loài người chúng ta nữa. Tiên-sinh là một nhà cựu-học, tiêu-biểu cho nền văn-chương cổ của nước ta. Hơn thế nữa, và có vì thế tiên-sinh mới được thanh-niên chúng tôi ngưỡng-mộ mà coi như đàn anh, tiên-sinh là một nhà thơ: mộng với thơ, sống với thơ,

tìm hạnh-phúc và nghĩa của sự sống trong thú ngâm vịnh và chau chuốt tiếng vàng ngọc của nước nhà. Chẳng phải tiên-sinh là một nhà thơ như bao nhiêu các nhà lão nho cổ, chắp nhặt lời thánh hiền, nhai lại những ý tưởng cũ rích và trăm năm người ta đã rày vò. Chao ôi! Thanh-niên chúng tôi mỗi khi bực-tức, phẫn-uất với những mớ tư-tưởng cổ hủ của nhiều nhà nho câu-nệ đi sau thời-đại bao nhiêu thì lại càng yêu mến tiên-sinh bấy nhiêu.

Tiên-sinh tính khí vui-vẻ; hơn nữa, — và điều này mới thật là một hành-vi oanh-liệt, — tiên-sinh vui vẻ trong sự nghèo-nàn. Tiên-sinh đã sống một đời trong sạch, phỏng theo đời các dật-sĩ thời xưa, không muốn đem lòng son đổi với những cảnh huy-hoàng xa lệ của thiên-hạ. Với thế, tài-nghệ của tiên-sinh, tuy nguồn gốc nó ở học cũ, mà đã dựng biết bao nhiêu tính-tình mới mẻ, khoáng đạt, ra ngoài khuôn sáo.

Tiên-sinh rất rộng lượng và niềm-nở đối với bọn thanh-niên mới chúng tôi. Tiên-sinh hiểu biết sự chuyển lay của thời-thế, không quá chấp nhất, dầu tiên-sinh không có dịp nếm tới cái tinh-túy cay ngọt của nền Tây-học. Năm ngoái trên tờ báo Le Monôme, chúng tôi đã có dịp nói tới tiên-sinh, và khi chúng tôi thăm tiên-sinh, tiếp chuyện tiên-sinh vui-vẻ, chúng tôi chẳng bao giờ ngờ đó là lần cuối cùng, mà ngày nay chúng tôi chỉ còn than tiếc một hương hồn.

Chúng tôi hiểu biết lắm. Tiên-sinh sinh vào buổi giao thời, giữa túc hán học sùy-vi và sống học mới rộn-rã xô tới. Cũng như bao nhà nho, lỗi thời khác, là kẻ nạn của vận hội, tiên-sinh phải chịu sống trong sự thanh-bạch. Chúng tôi, thanh-niên của thời-đại mới, đang băn-khoăn đi tìm lý-tưởng, và lý do của hành-động, và, hơn hết cả, sự trong sáng và lòng hy-sinh, chúng tôi vẫn mến phục tiên-sinh, và coi ở tiên-sinh hai nhân-vật: một người đã đón sự sống với một triết lý dản-dị và cao-thượng; một nhà thơ đã cho kẻ đọc cái giác vị thuần-túy của cả một nền văn-chương viễn-đông ngày hôm qua.

Chúng tôi không muốn dài lời nữa. Một giọt lệ và một lặng yên còn hùng-biện bằng mấy nhời hoa-mỹ ca-tụng tiên-sinh. Chúng tôi sẽ tự coi như một bổn-phận là không quên sự-nghiệp của tiên-sinh, không quên gia-cảnh hiện-tại của tiên-sinh. Với lòng hăng-hái và nhiệt-thành của tuổi trẻ, chúng tôi sẽ xin gắng sức giúp ích cho tiên-sinh để tỏ ra chúng tôi, thanh-niên trí-thức của xứ sở, bao giờ cũng biết cảm ơn tha-thiết những danh-nhân của xứ sở.

ĐINH-GIA-TRÌNH

Những số Tao Đàn đặc-biệt

Với số đặc-biệt Tàn-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu này, Tao-Đàn mở đầu những số đặc-biệt về văn-chương và lịch-sử sẽ lần lượt ra mắt độc-giả.

Về lịch-sử, **những số Tao-Đàn đặc-biệt** sẽ đăng những thiên lịch-sử ký-sự do nhiều người hay một người viết, sẽ sưu-tầm và họp tập các tài-liệu về những biến-cố đã làm rung-động lịch-sử, hoặc sẽ thuật lại những đời các bậc danh-nhân đã tầng có quan-hệ mật-thiết đến sự mất còn của đất nước, mục-đích là nhắc mãi-mãi bên tai những thế-hệ mới rằng : dân-tộc ta là một dân-tộc có lịch-sử — mà lại là một lịch-sử vẻ-vang nữa.

Về văn-chương, **những số Tao-Đàn đặc-biệt** sẽ soát-định lại những giá-trị mình đã có, và để rồi đưa biểu-dương ra. Cái công-việc ấy sẽ dành một phần lớn cho thân-thế và sự-nghiệp của những thi-nhân văn-sĩ đã là những người của lịch-sử. Ngoài ra, Tao-Đàn sẽ khảo-cứu những trào-lưu hiện nay ở nước ta về văn-chương, về tư-tưởng và giới-thiệu những văn-hào ngoại-quốc và những tác-phẩm của họ.

Những số Tao-Đàn đặc-biệt ấy lại không bao giờ quên rằng mình sẽ là những người bạn vui-vẻ, hiền-lành mà hữu-ích của độc-giả.

Những số Tao-Đàn đặc-biệt *ấy sẽ có cái phong-vị ham mê của tiểu-thuyết, nhưng bao giờ cũng «khoa-*

học », cũng đứng đắn, như cái mục-đích theo đuổi : tìm cái sự thật hôm qua, để làm cái bài học ngày hôm nay.

Dầu về lịch-sử hay văn-chương, **những số Tao-Đàn đặc-biệt** cũng sẽ biên-tập rất công-phu và rất mong được sự cộng-tác của các bạn xa gần, hữu-tâm với tiền-đồ văn-học.

Chúng tôi nguyện đem hết tâm-trí vào **những số Tao-Đàn đặc-biệt**. Tuy nhiên chúng tôi sẽ chẳng vì thế mà không tận-lực làm những số thường. *Chính vì lẽ đó mà từ nay muốn cho đủ thì giờ làm được chu-đáo mọi việc, Tao-Đàn mỗi tháng chỉ xuất-bản một số thường để 2 hay 3 tháng có thể xuất-bản một số đặc-biệt đích-đáng.*

Các Ngài đọc số đặc-biệt Tản-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu này và coi cái chương-trình dự-định về những số đặc-biệt sau phác qua dưới đây sẽ nhận thấy sự cố gắng của chúng tôi cùng cái ý muốn làm việc có ích của chúng tôi. Các ngài tán-thành, thì xin sốt-sắng giúp chúng tôi làm đạt mục-đích, hoặc về văn bài, tài-liệu, ý-kiến (1), hoặc về tài-chính (2), chúng tôi rất cám ơn.

Những số Tao-Đàn đặc-biệt mà chúng tôi dự-định cho ra, sau số Tản-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu là :

---

1. — Bài vở về những số đặc-biệt của Tao-Đàn gởi ông Lưu-trọng-Lư 93, hàng Bông Hà-nội.

2. — Tức là các ngài mua giúp Tao-Đàn và cổ-động cho nhiều người biết Tao-đàn và mua Tao-đàn.

Nguyễn-trường-Tộ
Lều chõng
Tường và Thuyết
Ông Hoàng, bà Chúa
Những cuộc vận-động
duy-tân đầu tiên ở nước ta
Nguyễn-Du
Nguyễn-văn-Siêu
Cao-bá-Quát
Lăng tầm nhà vua, vân vân

Về **Nguyễn-trường-Tộ**, một nhà ái-quốc sáng-suốt của nước ta, nội-dung số đặc-biệt Tao-Đàn đại-khái như sau :

1.) Mấy lời nói đầu — Một tài-trí lỗi-lạc — Một người thấy xa nghe rộng, một nhà ái-quốc sáng-suốt giữa lúc quốc-thị mờ-mịt, nhân tâm mơ-hồ.

2.) Thuở còn bé... Một người học-trò thông-minh, có óc thiết-thực.

3.) Đi theo cổ đạo.

4.) Xuất-dương. — Học tiếng nước ngoài.

5.) Nguyễn-trường-Tộ với khoa-học âu tây ; những sự phát minh nho-nhỏ của Nguyễn.

6.) Nguyễn-trường-Tộ với cái học Cử-nghiệp.

7.) Lòng ái-quốc của Nguyễn-trường-Tộ : bức thư trần-tình của Nguyễn dưng lên vua ; và cái dư-luận không hay xung-quanh bức thư trần-tình ấy.

8.) Sự giao-du của Nguyễn-trường-Tộ với người nước ngoài. *Những bức thư chưa hề công-bố của người nước ngoài gửi cho Nguyễn.*

9) Thơ-văn của Nguyễn-trường-Tộ và một ít chuyện lý-thú về Nguyễn khi Nguyễn về ở núi Voi.

10.) Cái chết âm-thầm của nhà chí-sĩ.

11.) Một câu hỏi cuối mùa : Hãy ví-dụ lúc bấy giờ vua quan ta nghe lời Nguyễn thì nước Việt-nam ngày nay đã tiến-bộ đến ngần nào rồi ?

Những số Tao-Đàn đặc-biệt sẽ in khuôn-khổ nhỏ, như số đặc-biệt Tản-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu này (mà tức là khuôn-khổ Phổ-Thông Bán-Nguyệt-San). Dẫu làm mất nhiều công-phu, chúng tôi mong sẽ không phải bán trên 25 xu, trừ ra số nào dày hơn số trang thường nhiều mới phải bán hơn giá ấy.

Vậy thì kể từ 1er Juillet 1939, Tao-Đàn mỗi năm xuất-bản 12 số thường và 4 số đặc-biệt. **Số thường ra giữa tháng** (ngày 16), thể-tài, khuôn-khổ y như cũ và vẫn bán 25 xu. *Số đặc-biệt ra* ngày. *1er Janvier*, *1er Avril*, *1er Juillet* và *1er Octobre* và **xuất-bản ngày đầu tháng,** 132 trang khuôn-khổ Phổ-Thông Bán-Nguyệt-San (125 x 200 mm) và bán 25 xu. Trên 150 trang sẽ bán 3 hào.

Giá mua **cả năm 4p.** (12 số thường và 4 số đặc-biệt) và **2p. nửa năm** (6 số thường và 2 số đặc-biệt).

Khi nào có thể ra 6 số đặc-biệt một năm giá mua năm sẽ tăng lên 4$50 và nửa năm 2$25.

Các Ngài mua năm hay nửa năm từ trước đã trả tiền rồi sẽ nhận đủ 24 số nếu mua cả năm hay 12 số nếu mua nửa năm.

Tao-Đàn